



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ NỘI VỤ

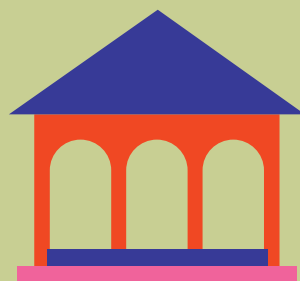
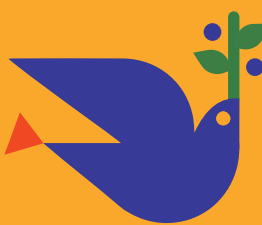
BÁO CÁO QUỐC GIA

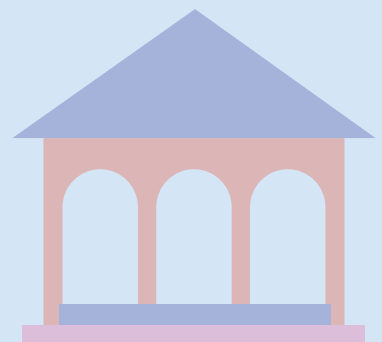
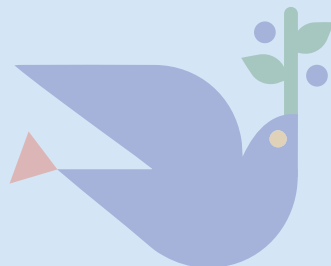
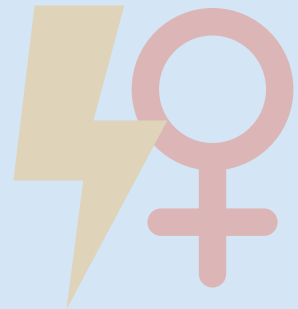
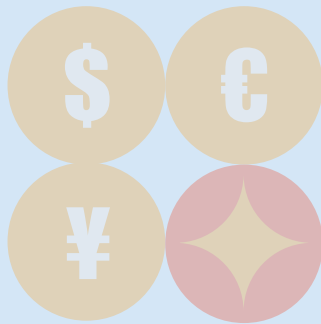
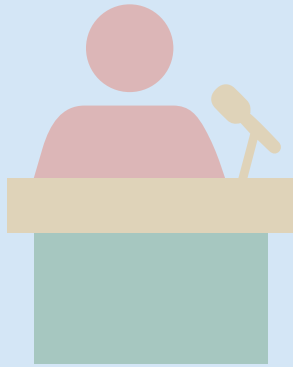
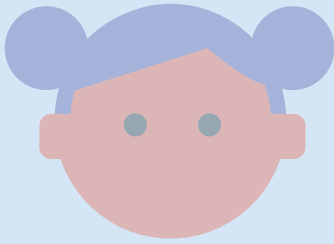
30 NĂM THỰC HIỆN

TUYÊN BỐ VÀ CƯƠNG LĨNH HÀNH ĐỘNG BẮC KINH

TẠI VIỆT NAM

GIẢI ĐOẠN **2019-2023**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ NỘI VỤ

BÁO CÁO QUỐC GIA

30 NĂM THỰC HIỆN

**TUYÊN BỐ VÀ CƯỜNG LĨNH
HÀNH ĐỘNG BẮC KINH**

TẠI VIỆT NAM

GIẢI ĐOẠN

2019-2023





Mục lục

Phần I. Giới thiệu chung.....	6
Phần II. Tổng quan quá trình thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh từ năm 2019 đến nay.....	8
1. Bối cảnh thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh từ năm 2019 đến nay	9
2. Thành tựu nổi bật của giai đoạn 2019 đến nay	12
3. Hạn chế và tồn tại của giai đoạn 2019 đến nay.....	18
Phần III. Tiến độ thực hiện các lĩnh vực cụ thể của Cương lĩnh hành động Bắc Kinh từ năm 2019 đến nay.....	20
1. Phát triển toàn diện, thịnh vượng chung và việc làm bền vững.....	21
2.Xóa nghèo, bảo trợ xã hội và dịch vụ xã hội.....	27
3. Không bị bạo lực, kỳ thị và định kiến	33
4. Sự tham gia, trách nhiệm giải trình và các thể chế có trách nhiệm giới	42
5. Xã hội hòa bình và hòa nhập.....	46
6. Bảo tồn, bảo vệ và phục hồi môi trường.....	49
Phần IV. Các quy trình và cơ chế quốc gia	54
1. Bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới	55
2. Xây dựng, thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới	56
3. Cơ chế thực hiện, giám sát Tuyên bố, Cương lĩnh hành động Bắc Kinh và chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững	56
4. Sự tham gia của các bên trong việc xây dựng báo cáo quốc gia.....	58
5. Kế hoạch hành động thực hiện các khuyến nghị của ủy ban xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ và các khuyến nghị của cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) nhằm giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử với phụ nữ.....	59
Phần V. Dữ liệu và số liệu thống kê	62
1. Kết quả đạt được, thách thức và khó khăn đối với vấn đề dữ liệu, số liệu thống kê về giới	63
2. Bộ chỉ tiêu quốc gia giám sát tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam	64
Phần VI. Kết luận	66



Phần I Giới thiệu chung

Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh được thông qua tại Hội nghị thế giới về Phụ nữ lần thứ tư, diễn ra tại Bắc Kinh, Trung Quốc năm 1995, với sự tham gia của 189 quốc gia nhằm cam kết thực hiện các mối quan tâm và quyền lợi của phụ nữ toàn thế giới vào cuối thế kỷ XX. Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh được thực hiện rộng rãi tại Việt Nam suốt 30 năm qua là nhân tố quan trọng để tạo ra những chuyển biến tích cực trong sự nghiệp bình đẳng giới, góp phần vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Sự tăng trưởng về kinh tế cùng những tiến bộ xã hội, trong đó có sự đóng góp của phụ nữ trong suốt 30 năm qua đã tạo bước đi vững chắc để Việt Nam phát triển và hội nhập. Điểm nổi bật nhất trong các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam cũng chính là thành tựu nổi bật trong thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh trong 5 năm vừa qua chính là Việt Nam đã ban hành và triển khai rộng rãi Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 với các mục tiêu và chỉ tiêu về bình đẳng giới trong từng lĩnh vực cụ thể. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng luôn coi thay đổi nhận

thức là giải pháp mang tính chiến lược để góp phần đạt được bình đẳng giới thực chất, do đó, Việt Nam đã ban hành và thực hiện Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 và thực hiện Thảm họa hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hàng năm. Đây là đợt cao điểm về truyền thông, huy động sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia với các chuỗi sự kiện hưởng ứng và giúp hàng triệu người được tiếp cận dễ dàng hơn với các chính sách, thông tin, số liệu đa dạng về bình đẳng giới. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện Cương lĩnh Bắc Kinh còn có một số vấn đề cần được đánh giá toàn diện để phụ nữ được đặt đúng vị trí, được sống và phát triển trong môi trường thuận lợi, phát huy đúng tiềm năng của phụ nữ, tạo động lực cho tương lai.

Là thành viên Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023-2025, Việt Nam đã xác định 8 nhóm vấn đề ưu tiên với những sáng kiến cụ thể, được các nước ủng hộ rộng rãi. Trong 20 năm qua, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc



Ảnh © UN Women Việt Nam / Hoàng Hiệp

gia xóa bỏ khoảng cách giới nhanh nhất và là một trong những nước hoàn thành sớm Mục tiêu Thiên niên kỷ thứ 3 (MDG 3) về bình đẳng giới cũng như đang nỗ lực thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), trong đó có các Mục tiêu số 5 và 10 về xóa bỏ bất bình đẳng, thúc đẩy bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái. Ngày 09/4/2024, Hội đồng Kinh tế Xã hội Liên hợp quốc (ECOSOC) đã bầu Việt Nam vào Hội đồng Chấp hành Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ (UN Women) nhiệm kỳ 2025 - 2027. Kể từ tháng 01/2025 đến hết năm 2027, Việt Nam sẽ tham gia điều phối xây dựng và triển khai các định hướng lớn của UN Women, bảo đảm các chiến lược và hoạt động của cơ quan này nhất quán với các mục tiêu và chính sách tổng thể của UN Women. Là thành viên của Hội đồng Chấp hành, Việt Nam cũng sẽ tham gia vào quá trình phê duyệt các kế hoạch, chương trình hoạt động cũng như các quyết định về hành chính, tài chính và ngân sách của UN Women.

Năm 2025, cộng đồng toàn cầu sẽ kỷ niệm 30 năm Hội nghị thế giới lần thứ tư về Phụ nữ và ngày thông qua Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh năm 1995, cũng như kỷ niệm 10 năm Chương trình nghị sự 2030 vì sự Phát triển bền vững và các Mục tiêu SDGs. Trong bối cảnh đó, Việt Nam xây dựng Báo cáo quốc gia nhằm đánh giá quá trình thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh trong giai đoạn 2019-2023.¹ Qua đó, Việt Nam sẽ tiếp tục xác định được các định hướng, giải pháp nhằm tiếp tục thúc đẩy bình đẳng giới, bảo đảm quyền của phụ nữ và trẻ em gái cho giai đoạn tiếp theo.

¹ Riêng đối với các thông tin về chính sách, pháp luật có liên quan sẽ được cập nhật đến tháng 8/2024.

Phần II

Tổng quan quá trình thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh từ năm 2019 đến nay

1. Bối cảnh thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh từ năm 2019 đến nay

1.1. Thuận lợi

Giai đoạn 2019-2023, Việt Nam đã nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Các đột phá chiến lược được tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt nhiều kết quả, đóng góp quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát², tăng trưởng kinh tế đạt kết quả khả quan³ gắn với chất lượng tăng trưởng và các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, đô thị, xây dựng nông thôn mới đã có bước chuyển biến, khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, từng vùng, khu vực.

Phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam đạt kết quả tích cực; an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện. Các lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo, chăm sóc người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, thể dục, thể thao và thông tin, truyền thông được chú trọng. Kết cấu hạ tầng thiết yếu, nhất là ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam liên tục được cải thiện, thuộc nhóm các nước có mức phát triển con người trung bình cao của thế giới.⁴

Trong thời đại toàn cầu hóa, Việt Nam đã hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có quan hệ ngoại giao, kinh tế với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, tham gia, trở thành thành viên của nhiều tổ chức quốc tế có uy tín trên phạm vi toàn cầu và trong khu vực. Nhờ hội nhập, Việt Nam đã mở rộng thị trường cho xuất, nhập khẩu hàng hóa,

dịch vụ; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, và đạt nhiều thành tựu trong khoa học - công nghệ. Những thành tựu đạt được trong hội nhập quốc tế đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tình hình an ninh, chính trị ổn định... Nền tảng này đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới nói chung và Tuyên bố, Cương lĩnh hành động Bắc Kinh nói riêng.

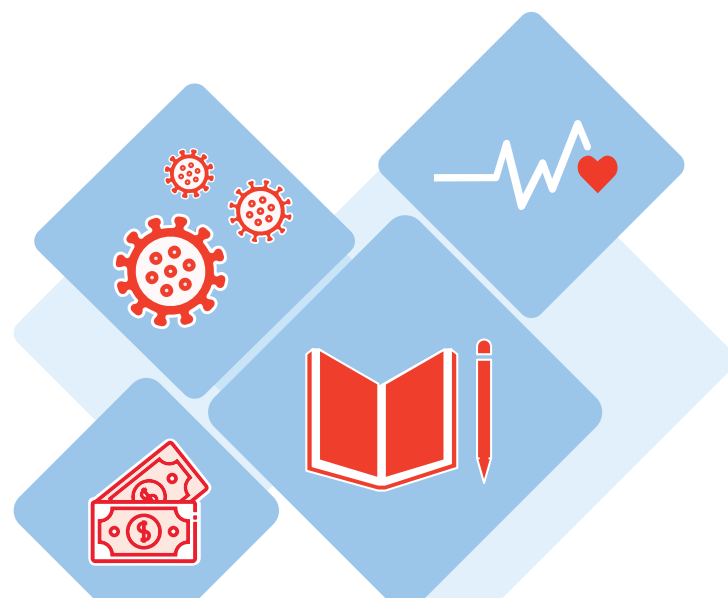
Việt Nam luôn chủ động và tích cực hoàn thiện hệ thống pháp luật dựa trên quan điểm lấy con người làm trung tâm, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đã tạo điều kiện để Việt Nam đạt được các bước tiến vững chắc cả trong phát triển kinh tế - xã hội trong nước cũng như các hoạt động chính trị, xã hội, ngoại giao trên bình diện quốc tế. Việc thực hiện trách nhiệm nội luật hóa pháp luật theo tinh thần các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên cũng tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan chức năng từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về bình đẳng giới.

Các cam kết bình đẳng giới trong Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (SDGs) thể hiện một bước tiến quan trọng tiếp nối các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs). Trong đó, các mục tiêu cụ thể về bình đẳng giới được xây dựng dựa trên các cam kết và tiêu chuẩn quốc tế hiện hành, bao gồm Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh. Với cam kết của mình, cộng đồng quốc tế đã và đang dành những nguồn lực tài chính cùng quyết tâm chính trị mạnh mẽ nhằm đạt được bình đẳng giới và “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

2 Tỷ lệ lạm phát nằm trong mục tiêu Quốc hội đề ra và duy trì ở mức thấp, ổn định trong những năm qua. Năm 2023, lạm phát bình quân của Việt Nam tăng 3,25%, đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra là kiểm soát lạm phát ở mức 4,5%. Nguồn: Tổng cục Thống kê, 02/01/2024.

3 Năm 2023, tăng trưởng kinh tế ước đạt 5,05% (Quý I tăng 3,41%; quý II tăng 4,25%; quý III tăng 5,47%; quý IV tăng 6,72%). Nguồn: Tổng cục Thống kê, 05/01/2024.

4 Chỉ số HDI của Việt Nam liên tục được cải thiện ổn định kể cả những năm chịu ảnh hưởng nặng nề của Đại dịch COVID-19. Giá trị HDI của Việt Nam năm 2022 là 0,726, đứng thứ 107 trên 193 quốc gia và vùng lãnh thổ. Từ năm 1990 đến năm 2022, giá trị HDI của Việt Nam thay đổi từ 0,492 lên 0,726, tăng gần 50%. Nguồn: UNDP, Báo cáo Phát triển Con người (HDR) 2023/24: “Phá vỡ tình trạng bế tắc: Tái hình dung sự hợp tác trong một thế giới phân cực”, công bố tháng 3/2024.



1.2. Khó khăn

Giai đoạn từ năm 2019 đến nay, một số cuộc khủng hoảng, đại dịch đã tác động không nhỏ đến việc thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh.

Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Việt Nam bắt đầu giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011 với số người cao tuổi chiếm 7% tổng dân số.⁵ Trong giai đoạn 2019-2021, số người cao tuổi tăng thêm 1,17 triệu người (từ 11,41 triệu lên 12,58 triệu, tương ứng với tăng từ 11,86% tổng dân số lên 12,80% tổng dân số). Việt Nam vẫn trong thời kỳ già hóa dân số.⁶ Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”. Phụ nữ Việt Nam chiếm 57,82% dân số cao tuổi và có tỷ lệ cao hơn so với nam giới là người cao tuổi ở tất cả các nhóm tuổi, nhóm tuổi càng cao thì tỷ lệ phụ nữ càng lớn.⁷ Do vậy, phụ nữ cao tuổi dễ rơi vào tình trạng sống một mình và mắc bệnh mạn tính nhiều hơn so với nam giới. Già hoá dân số cũng làm gia tăng trách nhiệm chăm sóc các thành viên là người cao tuổi trong gia đình mắc các bệnh cấp tính hoặc phức tạp như chứng mất trí nhớ Alzheimer và ở Việt Nam công việc này phần lớn vẫn do phụ nữ thực hiện. Người cao tuổi bên cạnh đối diện với cô đơn, bệnh tật còn có nguy cơ bị phân biệt đối xử, đặc biệt là đối với những người không có lương hưu và phụ thuộc về tài chính.

Biến đổi khí hậu tạo ra tình trạng khẩn cấp toàn cầu và làm sâu sắc thêm khoảng cách về giới. Việt Nam là một trong 5 nước thuộc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương bị ảnh hưởng lớn nhất của biến đổi khí hậu khi có khoảng 74% đất nông nghiệp, 80% người dân vùng nông thôn có sinh kế phụ thuộc vào nông nghiệp. Thiên tai tăng cả về tần suất lẫn cường độ, khô hạn, nước biển dâng, xâm nhập mặn,... khiến tình trạng thiếu nước phục vụ sinh hoạt, chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp diễn ra tại nhiều địa phương và phụ nữ, trẻ em gái sẽ bị tác động nhiều hơn bởi những thách thức do biến đổi khí hậu gây ra (ảnh hưởng đến sức khỏe, làm giảm khả năng tiếp cận tài nguyên thiên nhiên của cộng đồng, đặc biệt là những nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ...)⁸

5 Tổng cục Dân số, 8/2023.

6 Tổng cục Thống kê, Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình năm 2021.

7 Tổng cục Thống kê, Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình năm 2021.

8 Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công văn số 5559/BTNMT-HTQT ngày 15/8/2024.

*Đặc biệt, trong giai đoạn 2020-2021, đại dịch COVID-19 đã tác động nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế - xã hội nhưng mức độ ảnh hưởng đối với nam và nữ là khác nhau.*⁹ Điều này đã góp phần làm tăng khoảng cách giới trong một số lĩnh vực, ảnh hưởng đến việc thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ cũng như triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.

Trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm, Báo cáo tác động của đại dịch COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam¹⁰ cho thấy có tới 87,2% doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực bởi COVID-19. Dịch bệnh COVID-19 khiến cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) do phụ nữ làm chủ bị thiệt hại hơn nhiều so với doanh nghiệp do nam làm chủ. Số DNNVV do nữ làm chủ phải tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh cao gấp đôi so với DNNVV do nam làm chủ. Đại dịch COVID-19 ảnh hưởng đến tình hình lao động việc làm, tạo ra khoảng cách về tỷ lệ thất nghiệp theo hướng bất lợi cho phụ nữ. Tỷ lệ phụ nữ là lao động tự làm hoặc lao động gia đình đã tăng lên và cao gấp đôi so với tỷ lệ này ở nam giới (19,6% so với 8,6% ở nam giới). Đây là nhóm đối tượng lao động phần lớn không có bảo hiểm xã hội (BHXH).

Trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe, COVID-19 làm gián đoạn việc tìm kiếm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu. Việc giãn cách xã hội cũng như các biện pháp phong tỏa trong thời kỳ dịch bệnh làm gián đoạn việc tìm đến các dịch vụ y tế hỗ trợ, nhất là phụ nữ và trẻ em, trong đó phụ nữ mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ là những đối tượng bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Tình trạng này sẽ tác động tiêu cực tới những tiến bộ về giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan tới thai sản mà Việt Nam đã đạt được trong 10 năm qua.¹¹ Việc thiếu hụt dịch vụ chăm sóc y tế cũng như dinh dưỡng đã dẫn đến nguy cơ về sức khỏe đối với phụ nữ và trẻ sơ sinh đặc biệt là nhóm phụ nữ nghèo, phụ nữ lao động di cư. Do nhu cầu tăng đột biến về dịch vụ y tế trong các đợt bùng phát dịch đã tạo ra những khó khăn, áp lực không nhỏ đối với đội ngũ nữ nhân viên y tế tuyến đầu.

9 Chính phủ, Báo cáo số 315/BC-CP ngày 01/9/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; kết quả thực hiện các mục tiêu của Chiến lược 6 tháng đầu năm 2021 và đánh giá tác động của đại dịch COVID-19 đến việc thực hiện Chiến lược, Hà Nội, tr. 12-16.

10 Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Ngân hàng Thế giới (WB), truy cập Báo cáo: https://trungtamwto.vn/file/20758/wb-vcci_bao-cao-covid-19.pdf.

11 UNFPA, Tài liệu kỹ thuật: Tác động của đại dịch COVID-19 đến sức khỏe bà mẹ và kế hoạch hóa gia đình tại Việt Nam, Hà Nội, 2020.



Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, việc thực hiện giãn cách xã hội đã khiến việc học tập của hơn 21 triệu trẻ em Việt Nam bị ảnh hưởng¹² và tác động đến khoảng 26% số hộ gia đình có con trong độ tuổi đi học.¹³ Trong hộ gia đình, tỉ lệ các bà mẹ phải giảm/ngừng việc để trông nom, chăm sóc trẻ em nghỉ học ở nhà nhiều hơn so với các ông bố.¹⁴ Học tập trực tuyến đã làm gia tăng bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, đặc biệt là giữa đồng bằng và vùng dân tộc thiểu số, miền núi do sự gia tăng chi phí giáo dục cũng như yêu cầu về thiết bị và kết nối mạng. Việc đóng cửa trường học đã tác động trực tiếp đến việc làm và thu nhập của các giáo viên hợp đồng tại các nhà trường trong hệ thống giáo dục, đặc biệt là giáo viên mầm non với phần lớn là phụ nữ.

Trong lĩnh vực gia đình và bạo lực trên cơ sở giới, việc giãn cách xã hội cùng những áp lực về tâm lý, sức khoẻ cũng như gánh nặng về kinh tế khi phải nghỉ việc không lương hoặc giảm mức thu nhập hàng tháng gây áp lực cho mỗi gia đình. Tỷ lệ thất nghiệp ngày càng tăng, sự lo lắng gia tăng và căng thẳng tài chính, sự khan hiếm các nguồn lực trong cộng đồng... đã góp phần làm cho

tình trạng bạo lực gia đình và bạo lực đối với trẻ em gia tăng. Sau khi thực hiện giãn cách xã hội trên phạm vi toàn quốc vào tháng 5/2020, số lượng cuộc gọi đến đường dây nóng và số lượng phụ nữ và trẻ em tìm kiếm chỗ tạm lánh tại Ngôi nhà Bình yên thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) Việt Nam đã tăng gấp đôi so với cùng kỳ vào năm 2019...¹⁵

Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, quá trình chuyển đổi từ văn phòng sang làm việc tại nhà diễn ra nhanh chóng ở phạm vi và quy mô lớn, điều này đã dẫn đến nhiều phát sinh đối với phụ nữ hơn so với nam giới. Việc thực hiện biện pháp giãn cách "ở nhà" để kiểm chế COVID-19 đã làm tăng thêm khối lượng công việc chăm sóc không được trả công vốn đã là gánh nặng của phụ nữ như kiểm soát việc học ở nhà của con cái, chăm sóc người cao tuổi, các thành viên bị ốm đau trong gia đình, nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa... Năm 2020, phụ nữ Việt Nam dành nhiều hơn nam giới trung bình hơn 12 tiếng/tuần để làm việc nhà.¹⁶ Trong thời gian đóng cửa trường học, phụ nữ thậm chí còn phải dành nhiều thời gian hơn để chăm sóc con cái và làm việc nhà không lương, điều này làm ảnh hưởng đến chính công việc tạo ra thu nhập cho họ.¹⁷

12 Báo Nhân dân điện tử, <https://nhandan.vn/dua-tre-em-vao-vi-tri-trong-tam-trong-ung-pho-voi-dich-covid-19-tai-viet-nam-post456899.html>, ngày 29/4/2020.

13 WB, 2020. Thu nhập hộ gia đình giảm sâu nhất được ghi nhận vào tháng 4/2020. Thu nhập trung bình của các hộ được khảo sát vào tháng 4/2020 chỉ vào khoảng 29,7% thu nhập tháng 12/2019. Vào tháng 5/2020, con số này tăng lên 51,1%. So với tháng 12/2019, thu nhập trung bình của các hộ được khảo sát đã giảm hơn 70% vào tháng 4/2020 và 49% vào tháng 5/2020.

14 WB, Theo dõi tác động của COVID-19 đối với hộ gia đình Việt Nam: Tóm tắt kết quả Khảo sát tần suất cao qua điện thoại đối với hộ gia đình, 2020.

15 UNICEF, Đánh giá nhanh tác động kinh tế và xã hội của đại dịch COVID-19 đối với trẻ em và gia đình tại Việt Nam, Hà Nội, tháng 8/2020.

16 ILO, Tóm tắt về COVID-19: Thị trường lao động tại Việt Nam, 2020.

17 Báo cáo của UN Women khu vực châu Á - Thái Bình Dương (2020), 100 ngày đầu tiên của đại dịch COVID-19.

2. Thành tựu nổi bật của giai đoạn 2019 đến nay



Trong giai đoạn 2019 đến nay, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện bình đẳng giới, thúc đẩy và nâng cao quyền của phụ nữ, trẻ em gái và đã đạt được một số thành tựu nổi bật. Giai đoạn 2019-2020, Việt Nam tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 với những ưu tiên cụ thể về bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, việc làm, phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Năm 2021, sau khi Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 được ban hành, Việt Nam đã tập trung nguồn lực để thực hiện nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực ưu tiên trên.

2.1. Củng cố và nâng cao hiệu lực, thực thi hiệu quả hệ thống chính sách, pháp luật nhằm thúc đẩy bình đẳng giới, nâng cao quyền năng của phụ nữ và trẻ em gái

Việt Nam đang nỗ lực hoàn thiện khung chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật thể hiện các nguyên tắc về bình đẳng giới, bảo đảm quyền con người, không phân biệt đối xử và phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em gái. Cụ thể: pháp luật bảo đảm sự tham gia bình đẳng của nam và nữ trong quản lý nhà nước (Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2020); tiếp cận đầy đủ hơn tư duy về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động, bảo đảm sự bình đẳng về quyền lợi của nam và nữ khi tham gia thị trường lao động (Bộ luật Lao động năm 2019, Luật BHXH năm 2024, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015); bảo đảm nam và nữ đều bình đẳng trong độ tuổi đi học, được hỗ trợ tạo mọi điều kiện để hoàn thành giáo dục phổ cập cũng như lựa chọn ngành nghề học tập và đào tạo; bảo đảm cơ hội cho cả nam và nữ trong kinh doanh, ưu tiên lựa chọn hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ hơn (Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017) và hệ thống các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật trên)... Bên cạnh đó, nhiều cơ chế, chính sách khác về kinh tế, lao động, việc làm, phúc lợi xã hội có liên quan đến phụ nữ đã được ban hành, góp phần phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) đánh dấu những cải tiến vượt bậc về kỹ thuật lập pháp thông qua việc phân tách quy trình đề xuất chính sách và quy trình quy phạm hóa chính sách, đồng thời cũng đặt ra cho các chủ thể của sáng kiến pháp luật những yêu cầu cao hơn, phức tạp, chặt chẽ hơn, đòi hỏi nhiều vấn đề cần được tính toán, làm rõ hơn ở những công đoạn khác nhau, trải dài trong suốt quá trình lập pháp, trong đó “lồng ghép vấn

Chính sách



Luật và khung chính sách về BDG

đề bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật” là một trong những yêu cầu như vậy. Luật có 18 điều quy định về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), trong đó: (i) về phạm vi, đối tượng lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật quy định tất cả văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương đều phải bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng, ban hành; (ii) về nội dung, hình thức lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật quy định thực hiện thông qua các chủ thể khi tham gia vào từng công đoạn của quá trình xây dựng pháp luật. (iii) về quy trình lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật quy định việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản VBQPPL phải trải đều trong hầu hết các công đoạn của quá trình xây dựng pháp luật đối với cả hai loại quy trình gồm quy trình xây dựng chính sách và quy trình quy phạm hóa chính sách - soạn thảo VBQPPL; (iv) về bảo đảm nguồn lực xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật quy định về mặt nguyên tắc Nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động xây dựng chính sách, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý, hoàn thiện và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.”

Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ), trong đó, quy định các nội dung, yêu cầu đánh giá tác động về giới trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, cũng biên soạn các tài liệu tập huấn hướng dẫn việc xây dựng Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.”

Việc bảo đảm lồng ghép giới trong xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã - hội của ngành, vùng và địa phương đã được Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương quan tâm, triển khai thực hiện và đạt được những kết quả nhất định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành hướng dẫn xây dựng kế hoạch 5 năm và hằng năm cho các bộ, ngành, địa phương, trong đó có hướng dẫn về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định “nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bình đẳng giới” là một trong các căn

cứ để lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 quy định tất cả trẻ em đều thuộc diện được trợ giúp pháp lý; phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính; nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người có khó khăn về tài chính... cũng thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

Ngày 03/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là “tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước”. Chiến lược gồm 6 mục tiêu và 20 chỉ tiêu cụ thể nhằm tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới trong các lĩnh vực: chính trị; kinh tế, lao động; trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; y tế; giáo dục, đào tạo; thông tin, truyền thông.

Trong giai đoạn này, Việt Nam cũng tiếp tục ban hành và triển khai nhiều chương trình, đề án để thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Tiêu biểu như Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Chương trình Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030; Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025; Chương trình Phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025; Đề án Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025; Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030; Đề án “Đưa việc giảng dạy nội dung về giới, bình đẳng giới vào chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và trình độ đại học giai đoạn 2024-2030”; Chương trình phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025; Chương trình Giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030; Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025”; Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai

đoạn 2020-2025; Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em; Chương trình hành động quốc gia về Phụ nữ, hòa bình và an ninh giai đoạn 2024 - 2030... Ngoài ra, một số chương trình mục tiêu quốc gia cũng có các dự án, nội dung, hoạt động nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới như: Chương trình Mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;¹⁸ Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;¹⁹ Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.²⁰

Việc chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện các cam kết quốc tế liên quan tới bình đẳng giới được chú trọng. Việt Nam tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.²¹ Kế hoạch này nhấn mạnh việc tạo điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển và cam kết thực hiện Mục tiêu 5 về đạt được bình đẳng giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái với các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể phù hợp với thực tiễn quốc gia. Năm 2017, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Khuyến nghị của Ủy ban CEDAW giai đoạn 2017-2020²², trong đó phân công các bộ ngành, địa phương thực hiện các Khuyến nghị của Ủy ban CEDAW với nội dung, yêu cầu và lộ trình thời gian cụ thể.

Căn cứ Luật Bình đẳng giới năm 2006, các VBQPPL liên quan tới bình đẳng giới, các đề án, chương trình mục tiêu quốc gia, hoạt động bình đẳng giới và cơ chế thực hiện bình đẳng giới nói chung đã được quy định, thực hiện và đánh giá thường xuyên. Những quy định chống phân biệt đối xử về



giới, các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong một số lĩnh vực, các chính sách quan tâm tới phụ nữ và trẻ em gái, người dễ bị tổn thương đã được cụ thể hoá trong các biện pháp, chương trình hỗ trợ, hướng dẫn. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới với các mục tiêu, chỉ tiêu đã tạo cơ sở, khuôn khổ cho hoạt động của các cơ quan chịu trách nhiệm về bình đẳng giới. Những nỗ lực và quyết tâm trên được đánh giá là một trong những thành công nổi bật, đã tạo khung chính sách, pháp luật khá vững chắc cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức ban hành, triển khai các biện pháp nhằm tăng cường vai trò, sự tham gia của cả nam và nữ đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Điều này cũng tiếp tục thể hiện chủ trương, quan điểm, quyết tâm của Việt Nam trong thúc đẩy bình đẳng giới, nâng cao quyền năng của phụ nữ và trẻ em gái.

2.2. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người đứng đầu các cơ quan, gia đình và xã hội về bình đẳng giới được chú trọng và đẩy mạnh, tập trung vào địa phương, lĩnh vực có nhiều bất bình đẳng giới

Trong giai đoạn 2019-2023, Chính phủ đã tập trung nguồn lực cho công tác truyền thông về bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, coi đây là giải pháp quan trọng để thay đổi nhận thức của tổ chức, cá nhân về bình đẳng giới. Điểm nổi bật của công tác truyền thông về bình đẳng giới trong giai đoạn này là sự tham gia, vào cuộc ngày càng tích cực của cả hệ thống chính trị, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong công tác truyền thông về bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, tạo hiệu ứng tích cực với nhiều kênh thông tin phong phú, đa dạng gắn với quá trình chuyển đổi số quốc gia. Bên cạnh đó, các hoạt động truyền thông đã được đa dạng hóa hình thức truyền thông, quan tâm đến việc tiếp cận của các nhóm người yếu thế; mở rộng và đẩy mạnh công tác giáo dục về bình đẳng

18 Mục tiêu tổng quát của Chương trình có nội dung: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Chương trình có Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em...

19 Mục tiêu, nội dung của Chương trình bao phủ các đối tượng có liên quan đến mục tiêu giảm nghèo bền vững, hỗ trợ hộ nghèo, người lao động thuộc hộ nghèo, trong đó ưu tiên hỗ trợ, trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

20 Mục tiêu tổng quát của Chương trình có nội dung: Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Nội dung thành phần số 8 có nội dung tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội...

21 Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

22 Quyết định số 668/QĐ-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.



giới trong gia đình, nhà trường, cộng đồng và thúc đẩy sự tham gia của trẻ em, nam giới, trẻ em trai trong thực hiện bình đẳng giới. Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hàng năm được bố trí nguồn lực triển khai thực hiện hiệu quả, sáng tạo, phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể.

Qua đo quét, từ ngày 03/03/2021 đến ngày 04/7/2024, có tổng số 12.250 tin, bài trên báo, tạp chí điện tử tuyên truyền các nội dung về bình đẳng giới. Đồng thời, Việt Nam đã khuyến khích sản xuất ra nhiều tác phẩm có chất lượng về bình đẳng giới; bình đẳng giới trong người khuyết tật, cộng đồng LGBT và quyền của phụ nữ trong các lĩnh vực khác nhau bao gồm cả các lĩnh vực vốn được coi là của nam giới như khoa học, công nghệ, kỹ thuật,...;

2.3. Tăng cường sự tham gia phụ nữ trong lĩnh vực chính trị

Thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý và bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở tất cả các cấp là một trong những nội dung trọng tâm trong chính sách bình đẳng giới, bao gồm việc hoàn thiện chính sách, pháp luật và sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo trung ương và địa phương trong tổ chức thực hiện. Ngày càng có nhiều phụ nữ tham gia vào các vị trí quan trọng trong hệ thống chính trị và trên mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội, khẳng định được vai trò, vị thế, đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương, đất nước.

Tính đến tháng 8/2024, Việt Nam có 01 nữ Phó Chủ tịch nước; 01 nữ Phó Chủ tịch Quốc hội; 03/12 nữ Chủ nhiệm ủy ban, cơ quan tương đương của

Quốc hội; 04/30 nữ Bộ trưởng và tương đương; 14/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có nữ lãnh đạo chủ chốt (xem chi tiết tại mục IV - Phần thứ ba của Báo cáo).

2.4. Bảo đảm bình đẳng giới trong kinh tế, lao động và việc làm

Việt Nam xác định phụ nữ tham gia trong hoạt động kinh tế, lao động, việc làm sẽ làm tăng vị thế, sức đóng góp vào nền kinh tế và các giá trị xã hội cho đất nước. Do đó, khi ban hành và thực hiện các chính sách, pháp luật có liên quan đều phải bảo đảm cơ hội bình đẳng cho cả nam và nữ trong thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động, giảm khoảng cách giới trong lao động việc làm, thu hẹp khoảng cách giới về tuổi nghỉ hưu, bảo đảm quyền bình đẳng cho lao động nữ trong việc tiếp cận các chính sách bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe, bình đẳng giới không chỉ là vấn đề riêng của lao động nữ...

Tỷ lệ lao động nữ tham gia thị trường lao động của Việt Nam trong năm 2023 là 62,9%, đạt ở mức cao so với thế giới (tỷ lệ này ở nam giới Việt Nam chiếm 75,2%).²³ Tỷ lệ lao động nữ trong độ tuổi lao động đã qua đào tạo có xu hướng tăng dần trong giai đoạn 2015-2023 (từ 20,1% đến 26,8%).²⁴ Bên cạnh đó, Việt Nam có khoảng 98% tổng số doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, trong đó 20% là do phụ nữ làm chủ, đã góp phần dạy nghề, tạo việc

²³ Tổng cục Thống kê, tháng 12/2023 và tháng 3/2024.

²⁴ Tổng cục Thống kê, Tình hình thị trường lao động Việt Nam năm 2023, ngày 02/01/2024.

làm cho hàng triệu lao động nữ.²⁵ Đến năm 2021, tỉ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã chiếm 28.2%.²⁶ Trong giai đoạn 2012-2022, số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ liên tục tăng với tốc độ ít nhất 2%/năm, cao hơn so với tốc độ tăng trung bình của khu vực doanh nghiệp.²⁷ Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, chương trình nhằm thúc đẩy khả năng tiếp cận nguồn vốn, đầu tư vốn của phụ nữ để phát triển kinh tế, nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ, từ đó nâng cao vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội, góp phần thực hiện bình đẳng giới (xem chi tiết tại mục I - Phần thứ ba của Báo cáo).

2.5. Các mô hình hỗ trợ, thúc đẩy bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới từng bước phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ đối tượng

Cùng với việc thực hiện Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025, Việt Nam đã và đang xây dựng, duy trì các mô hình cung cấp dịch vụ, hỗ trợ bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới đã giúp cho người dân ngày càng tiếp cận được nhiều hơn tới các dịch vụ trợ giúp. Đến năm 2024, Việt Nam có hơn 6.000 mô hình, cơ sở hỗ trợ, cung cấp dịch vụ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình với các hình thức hỗ trợ thiết thực, từng bước đáp ứng nhu cầu của người bị bạo lực. Hàng loạt các mô hình đã được triển khai thí điểm ở cấp địa phương như: Trung tâm công tác xã hội cung cấp dịch vụ hỗ trợ về bình đẳng giới; Trung tâm dịch vụ một cửa hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực; Cơ sở trợ giúp người bị bạo lực trên cơ sở giới; Câu lạc bộ phụ nữ có nguy cơ bị ép kết hôn với người nước ngoài; Thành phố an toàn và thân thiện với phụ nữ và trẻ em gái; Mô hình Địa chỉ tin cậy - Nhà tạm lánh tại cộng đồng; Mô hình "Phòng điều tra thân thiện"²⁸... Việc triển khai các mô hình đã giúp nâng cao nhận thức của người dân về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, đặc biệt việc xây

dựng và vận hành các dịch vụ hỗ trợ về hành pháp, tư pháp, chăm sóc y tế và dịch vụ bảo trợ xã hội cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực được cải thiện, mang lại hiệu quả rõ rệt nên nhiều địa phương đã có trách nhiệm giới hơn trong xây dựng, triển khai luật pháp, chính sách và cam kết bố trí kinh phí để thực hiện (xem chi tiết tại mục III - Phần thứ ba của Báo cáo).

2.6. Thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục tác động của một số cuộc khủng hoảng, đại dịch đến việc thực hiện bình đẳng giới

Trước những tác động nặng nề của Đại dịch COVID-19, Chính phủ đã có nhiều chính sách, giải pháp nhằm hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; trong quá trình thực hiện đã sửa đổi, bổ sung và mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương cho người lao động trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên ở các cấp mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và điều chỉnh các điều kiện đối với chính sách cho vay để trả lương ngừng việc cho người lao động... Sau Đại dịch COVID-19, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình. Ngày 05/4/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030" nhằm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp dễ bị tổn thương sau đại dịch COVID-19... Ngoài ra, để đối phó với tác động của cuộc khủng hoảng khí hậu, Việt Nam đã có nhiều hành động và cam kết đưa vấn đề bình đẳng giới, bảo đảm sự tham gia đầy đủ của phụ nữ vào các khâu và hành động vì khí hậu vào trong chương trình nghị sự cao nhất của đất nước. Việc chuyển hướng sang năng lượng tái tạo sẽ mở ra cơ hội ngăn chặn tình trạng biến đổi khí hậu không mong muốn và giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Từ đó có thể giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của khủng hoảng năng lượng toàn cầu đến việc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam.

25 Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp thông qua tháo gỡ các rào cản: Sách Trắng về doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, 01/2024.

26 Chính phủ, Báo cáo số 237/BC-CP ngày 16/5/2023 Kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023, Phụ lục 01.

27 Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp thông qua tháo gỡ các rào cản: Sách Trắng về doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, 01/2024.

28 Mô hình này được thành lập để phục vụ công tác điều tra, lấy lời khai người bị hại dưới 18 tuổi bị xâm hại hoặc các vụ việc có người dưới 18 tuổi tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phụ nữ, người dưới 18 tuổi bị bạo lực, bạo hành... Đến năm 2024, mô hình này đã được thành lập tại 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.7. Hợp tác quốc tế về thúc đẩy bình đẳng giới và tăng quyền năng cho phụ nữ mang lại hiệu quả thiết thực

Những năm qua, thúc đẩy bình đẳng giới và tăng quyền năng cho phụ nữ luôn là một trong những ưu tiên quan trọng trong triển khai công tác đối ngoại của Việt Nam. Tại các diễn đàn đa phương khu vực và quốc tế, Việt Nam đã ghi dấu ấn mạnh mẽ về hình ảnh một quốc gia tích cực, chủ động, dẫn dắt trong các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới, quyền phụ nữ và vai trò của phụ nữ, được bạn bè quốc tế ghi nhận và đánh giá cao.

Tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Việt Nam tích cực thúc đẩy ưu tiên xuyên suốt về phụ nữ, hòa bình và an ninh với việc chủ trì thông qua Nghị quyết 1889 về vai trò của phụ nữ trong tái thiết hậu xung đột (năm 2009) và tổ chức Hội nghị quốc tế duy nhất với quy mô toàn cầu về phụ nữ, hòa bình, an ninh trong năm 2020 nhân dịp kỷ niệm 25 năm ra đời chương trình nghị sự này. Việt Nam cũng đã cử các nữ sỹ quan tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc (chiếm khoảng gần 15% lực lượng của Việt Nam). Trong hợp tác song phương, thúc đẩy bình đẳng giới và tăng quyền năng cho phụ nữ được lồng ghép vào hoạt động đối ngoại ở các cấp, từ trao đổi, làm việc của lãnh đạo cấp cao, đến giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm và ký kết, thực hiện các Thỏa thuận hợp tác cụ thể, thiết thực với các đối tác.

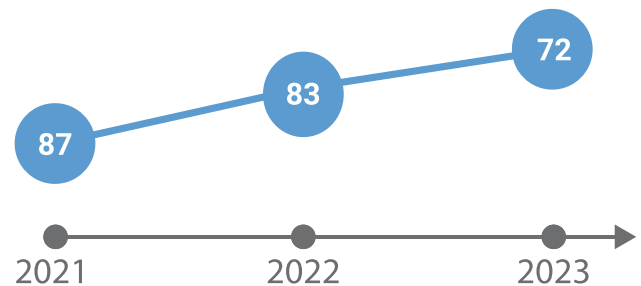
Trong khuôn khổ Hội đồng Kinh tế - Xã hội Liên hợp quốc (ECOSOC), các vấn đề phụ nữ và thúc đẩy bình đẳng giới được thảo luận tại Ủy ban Địa vị phụ nữ (CSW). Việt Nam luôn tích cực tham gia các khóa họp của Ủy ban Địa vị phụ nữ, qua đó đề cao các thành tựu của Việt Nam trong thúc đẩy bình đẳng giới và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đưa ra các biện pháp hữu hiệu nhất nhằm thực hiện tốt các cam kết quốc tế về bình đẳng giới.²⁹

Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, Việt Nam không chỉ giới thiệu cho quốc tế về chủ trương, chính sách và nỗ lực của Việt Nam trong công tác bình đẳng giới và bảo đảm quyền con người, mà còn tranh thủ được thêm nguồn lực, kỹ thuật, kinh nghiệm để góp phần thực hiện thắng lợi những mục tiêu chiến lược về bình đẳng giới và tăng quyền năng cho phụ nữ.

Việt Nam đã đề xuất sáng kiến và nội dung Nghị quyết về “Chuyển đổi số do phụ nữ dẫn dắt và vì phụ nữ” tại Hội nghị Nữ nghị sĩ Đại hội đồng Liên nghị viện các nước ASEAN (WAIPA) trong khuôn khổ Đại hội đồng AIPA lần thứ 44 và Nghị quyết này của Việt Nam là một trong hai Nghị quyết được thông qua tại WAIPA năm 2023.

Tại ASEAN, Việt Nam tích cực tham gia và đóng góp các sáng kiến nhằm bảo vệ quyền phụ nữ và tăng cường vai trò của phụ nữ trong các khuôn khổ Ủy ban liên Chính phủ về Nhân quyền (AICHR), Ủy ban Phụ nữ ASEAN (ACW) và Ủy ban Thúc đẩy và bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em ASEAN (ACWC), như phòng chống mua bán phụ nữ và trẻ em, tăng cường quyền năng cho phụ nữ trong kỷ nguyên số, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, thành lập mạng lưới doanh nhân nữ ASEAN, xoá bỏ bạo lực và phân biệt đối xử.... Trong vai trò Chủ tịch ASEAN 2020, Việt Nam đã đề xuất sáng kiến tổ chức Phiên họp đặc biệt của các Nhà lãnh đạo ASEAN về tăng quyền năng cho phụ nữ trong thời đại số.

Đánh giá chung về các thành tựu:



Qua 30 năm thực thi Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, các chính sách, pháp luật, chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tại Việt Nam đã góp phần tăng cường nhận thức, trách nhiệm và hành động của Nhà nước và xã hội về bình đẳng giới; thúc đẩy bình đẳng giới trong quản lý nhà nước và trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; được cộng đồng quốc tế đánh giá là quốc gia thực hiện khá tốt bình đẳng giới.³⁰ Chỉ số xếp hạng về bình đẳng giới của Việt Nam năm 2023 tăng 15 bậc so với năm 2021, tăng 11 bậc so với năm 2022 (từ vị trí thứ 87/146 quốc gia lên vị trí thứ 83/146 quốc gia và lên vị trí thứ 72/146 quốc gia), tiến độ bình đẳng giới đạt 71,1%.³¹ Xét riêng

29 Tháng 3/2024, lần đầu tiên Lãnh đạo cấp cao nữ của Việt Nam - Phó Chủ tịch nước Võ Thị Ánh Xuân tham dự và phát biểu tại Khóa họp CSW68.

30 UNDP, Báo cáo phát triển con người toàn cầu năm 2020 với tiêu đề “Giới tuyến tiếp theo: Phát triển con người trong kỷ nguyên con người tác động lên khí hậu và môi trường”, 2021; World Economic Forum (WEF), Global gender gap report 2022; UNWomen, ADB, ILO & Australian Aid, Báo cáo tổng quan về bình đẳng giới ở Việt Nam năm 2021.

31 Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu năm 2023 do Diễn đàn Kinh tế thế giới công bố tháng 6/2023.

giai đoạn 2019-2024, Việt Nam đã xây dựng, thực thi hệ thống chính sách, pháp luật về BDG, tăng quyền cho phụ nữ và trẻ em gái với nhiều kết quả toàn diện, phát triển hơn so với giai đoạn 2015-2019. Theo đó, vai trò, vị thế của Việt Nam trong hợp tác quốc tế đã được nâng cao đáng kể.

Xét về tổng thể, nhận thức trong Nhà nước và xã hội về bình đẳng giới đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là trong nhận thức về quyền và thể hiện ở xu hướng gia tăng sự tham gia của phụ nữ trong hoạt động chính trị, kinh tế, sinh hoạt cộng đồng và trong gia đình ở cả thành thị và nông thôn. Kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 đã có những tiến bộ rõ nét. Tính đến cuối năm 2023, đã có 11/20 chỉ tiêu đạt và vượt so với mục tiêu đề ra đến năm 2025, có 03/20 chỉ tiêu đạt 1 phần so với mục tiêu đề ra đến năm 2030, trong đó có 12 chỉ tiêu đạt kết quả tốt hơn so với năm 2022.³²

Nguyên nhân của các thành tựu:

Lĩnh vực bình đẳng giới ngày càng được sự quan tâm chỉ đạo của cả hệ thống chính trị. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030 và các chương trình, đề án nhằm thúc đẩy bình đẳng giới với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể. Qua 17 năm triển khai thi hành, quy định của Luật Bình đẳng giới năm 2006 và các văn bản pháp luật liên quan dần đi vào cuộc sống, góp phần thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới trong quản lý nhà nước và trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Tổ chức bộ máy thực

³² Chính phủ, Báo cáo số 237/BC-CP ngày 16/5/2024 về kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023, Hà Nội.

hiện công tác bình đẳng giới được thành lập từ trung ương đến địa phương; Kinh phí cho công tác bình đẳng giới đã được bố trí theo quy định. Hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới của Chính phủ tại các diễn đàn đa phương và song phương đã góp phần mang lại nhiều kết quả tích cực cho công tác bình đẳng giới. Bên cạnh các chính sách, pháp luật, chương trình, đề án chung về bình đẳng giới, giai đoạn 2019-2023 Việt Nam cũng có sự ưu tiên một số lĩnh vực nhằm nâng cao, thúc đẩy quyền của phụ nữ và trẻ em gái như: Tham gia vào chính trị và có đại diện trong lĩnh vực chính trị; Xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái; Tiếp cận đầy đủ hơn tư duy về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; Giáo dục, đào tạo có chất lượng và học tập suốt đời cho phụ nữ và trẻ em gái; Thay đổi các chuẩn mực xã hội mang tính phân biệt đối xử và các khuôn mẫu giới. Như vậy, Việt Nam vừa triển khai các chính sách, pháp luật, chương trình, đề án tổng thể về bình đẳng giới nhưng đồng thời cũng có những sự ưu tiên đối với một số lĩnh vực cụ thể. Từ đó, Việt Nam đã đạt khá nhiều thành tựu về bình đẳng giới, thúc đẩy, nâng cao quyền của phụ nữ và trẻ em gái trong giai đoạn vừa qua.



3. Hạn chế và tồn tại của giai đoạn 2019 đến nay

3.1. Hạn chế, tồn tại trong công tác xây dựng chính sách, pháp luật

Luật Bình đẳng giới được ban hành từ năm 2006, đến nay, do sự phát triển của kinh tế - xã hội và hệ thống pháp luật nên một số quy định của Luật Bình đẳng giới không còn thực sự phù hợp với tình hình thực tiễn. Một số nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác, một số lĩnh vực mới phát sinh chưa được quy định trong Luật.

Một số Báo cáo đánh giá tác động giới của chính sách trong các đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu số liệu phân tích giới. Việc đánh giá tác động giới gắn với đánh giá tác động kinh tế, tác động về xã hội chưa được làm rõ, mới chỉ dừng ở việc xác định các chính sách không phân biệt đối xử về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung; các chính sách, quy định là trung tính giới, không có nguy cơ gây bất bình đẳng về giới.

3.2. Hạn chế, tồn tại trong công tác tổ chức thi hành pháp luật

Công tác tổ chức thi hành chính sách, pháp luật còn gặp nhiều khó khăn do một số luật và văn bản dưới luật chưa được lồng ghép giới một cách triệt để, hoặc trung tính về giới; chưa đủ nguồn lực con người, kỹ thuật và ngân sách cho công tác bình đẳng giới.

Trong một số lĩnh vực cụ thể còn có những hạn chế, khó khăn nhất định. Tỷ lệ phụ nữ tham gia lĩnh vực chính trị vẫn chưa tương xứng với trình độ, năng lực của phụ nữ. Lao động nữ còn chiếm phần lớn trong các ngành nghề thâm dụng lao động,³³ trình độ chuyên môn thấp hoặc làm việc trong khu vực phi chính thức. Thu nhập bình quân của lao động nam cao hơn lao động nữ là 1,14 lần (8,4 triệu đồng so với 7,4 triệu đồng).³⁴ Số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ vẫn còn nhiều hơn so với nam giới trong công việc này (2,3h/ngày - gấp 1,8 lần so với nam giới).³⁵ Mất cân bằng giới tính khi sinh vẫn chưa giảm, gây ảnh hưởng lâu dài đến cơ cấu dân số Việt Nam cũng như sẽ dẫn tới những hậu quả về xã hội và nhân khẩu học và là một trong những nguyên nhân gây bất bình đẳng giới. Tình trạng bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình, mua bán người vẫn còn xảy ra...

Định kiến giới về vai trò, năng lực của phụ nữ trong công việc, phát triển nghề nghiệp và lãnh đạo vẫn tiếp tục là rào cản đối với lao động nữ trong tìm kiếm việc làm tốt và có thu nhập cao hơn. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng đang làm cho phụ nữ phải đối mặt với những vấn đề về trình độ chuyên môn, kỹ thuật; nguy cơ mất việc làm và những tác động đến đời sống gia đình, cơ hội phát triển nghề nghiệp và bất bình đẳng giới trong xã hội. Lực lượng lao động nữ của Việt Nam chủ yếu vẫn tập trung vào khu vực phi chính thức do đó khả năng tiếp cận bảo trợ xã hội toàn diện, bao gồm tiếp cận các cơ hội đào tạo, nguồn lực tài chính, thu nhập và các chương trình an sinh xã hội còn hạn chế.

Việc sử dụng nguồn số liệu tách biệt giới còn bất cập, mặc dù có số liệu gốc nhưng số liệu công bố

phân tách theo giới vẫn còn hạn chế. Nhân lực làm thống kê về giới vẫn còn thiếu về số lượng và hạn chế về nghiệp vụ.

Sự phát triển của khoa học công nghệ và chuyển đổi số là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và góp phần thúc đẩy bình đẳng giới nhưng cũng gây ra những tác động tiêu cực, làm gia tăng khoảng cách giới trong một số lĩnh vực và phát sinh các hình thức bạo lực trên cơ sở giới mới thông qua việc sử dụng công nghệ.

Nguyên nhân của các hạn chế, tồn tại:

Việc ban hành khung chính sách, pháp luật để hỗ trợ thi hành Luật Bình đẳng giới chưa thực sự đồng bộ đã tạo ra rào cản đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực thi vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn.

Tư tưởng định kiến giới, thái độ gia trưởng và khuôn mẫu giới, trong đó ấn định vai trò, trách nhiệm của phụ nữ và nam giới trong gia đình và xã hội, tâm lý ưa thích con trai hơn con gái vẫn tồn tại trong xã hội đặc biệt là khu vực nông thôn; vẫn còn các hủ tục và tảo hôn ở một số vùng, miền, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đội ngũ công chức quản lý nhà nước về bình đẳng giới thiếu ổn định phải làm kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nhau, nhất là cán bộ ở cấp cơ sở. Kinh phí thực hiện công tác bình đẳng giới vẫn còn chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Công tác thống kê, thông tin, báo cáo về bình đẳng giới chưa bảo đảm hỗ trợ có hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới ở các cấp.



Ảnh © Do Trọng Danh

33 Dùng để chỉ một quá trình hoặc ngành công nghiệp đòi hỏi một lượng lớn lao động để sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ (ví dụ dệt may, da giày, chế biến gỗ...).

34 Tổng cục Thống kê, Tình hình thị trường lao động Việt Nam năm 2023, Hà Nội, ngày 02/01/2024.

35 Chính phủ, Báo cáo số 237/BC-CP ngày 16/5/2023 Kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023, Phụ lục 01.

Ảnh © Nguyễn Văn Xuân

Phần thứ III

Tiến độ thực hiện các lĩnh vực cụ thể của Cương lĩnh hành động Bắc Kinh từ năm 2019 đến nay *

* Phần này sẽ cập nhật tiến độ thực hiện các lĩnh vực trọng tâm của Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh tại Việt Nam từ năm 2019 đến năm 2023 (riêng đối với các thông tin về chính sách, pháp luật có liên quan sẽ được cập nhật đến tháng 8 năm 2024).

1. Phát triển toàn diện, thịnh vượng chung và việc làm bền vững

1.1. Chính sách, pháp luật và hoạt động đã triển khai

Việt Nam luôn đặt trọng tâm về thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao vai trò, vị trí của phụ nữ trong lĩnh vực lao động và việc làm. Trong giai đoạn 2019 đến nay, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật và triển khai nhiều chính sách, mô hình hỗ trợ lao động nữ hướng tới mục tiêu bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của lao động nữ và việc làm tốt cho toàn xã hội (Bộ luật Lao động năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan).³⁶ Bộ luật Lao động năm 2019 có nhiều quy định mới nhằm đảm bảo bình đẳng giới, tạo ra môi trường lao động thân thiện, lành mạnh, hỗ trợ cho người lao động (nam và nữ) cân bằng giữa công việc và cuộc sống, xem bình đẳng giới là vấn đề của cả lao động nam và lao động nữ. Bộ luật đã điều chỉnh tất cả các chủ thể gồm Nhà nước, lao động nữ, lao động nam và chủ sử dụng lao động trong việc đảm bảo bình đẳng giới trong quan hệ lao động. Đây là sự cụ thể hóa các nội dung của Hiến pháp năm 2013 về bình đẳng giới, đảm bảo quyền công dân và quyền con người trong lĩnh vực lao động, thể hiện cách tiếp cận và tư duy mới về bình đẳng giới, phù hợp với yêu cầu, đặc điểm, trình độ của người lao động, tạo hành lang pháp lý căn bản để khai thác tối ưu tiềm năng về nguồn nhân lực trong thời kỳ cơ cấu “dân số vàng”, góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Cùng với Bộ luật Lao động năm 2019, các văn bản hướng dẫn thi hành luật cũng đã được ban hành và có hiệu lực từ năm 2021 nhằm bảo đảm tính thống nhất, khả thi của hệ thống pháp luật về lao động và góp phần thúc đẩy bình đẳng giới, rút ngắn khoảng cách giới trong lĩnh vực lao động, việc làm, đảm bảo quyền đối với lao động nữ và nam.

Việt Nam cũng ban hành các quy định nhằm tiến tới thu hẹp hơn khoảng cách độ tuổi nghỉ hưu của lao động nam và lao động nữ. Theo Bộ luật Lao động năm 2019, kể từ 01/01/2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam; đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ. Sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao

động nam cho đến khi đủ 62 tuổi vào năm 2028 và cứ mỗi năm tăng thêm 04 tháng đối với lao động nữ cho đến khi đủ 60 tuổi vào năm 2035. Nghị định số 50/2022/NĐ-CP ngày 02/8/2022 của Chính phủ cho phép áp dụng quy định nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao trong đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức làm việc trong một số lĩnh vực sự nghiệp đặc thù. Viên chức có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn quy định về tuổi nghỉ hưu nhưng không quá 5 năm (60 tháng), tính từ thời điểm viên chức đủ tuổi nghỉ hưu. Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đã bổ sung nhiều chức danh lãnh đạo nữ được kéo dài tuổi nghỉ hưu, quy định rõ nguyên tắc thực hiện nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn là bảo đảm khách quan, công bằng, công khai và đúng quy định.

Đối với vấn đề quyền lợi của người lao động, Bộ luật Lao động năm 2019 mở rộng đối tượng được hưởng chế độ thai sản; đối tượng được hưởng trợ cấp trong thời gian chăm sóc con ốm đau, thai sản và thực hiện các biện pháp tránh thai.³⁷ Luật BHXH năm 2024 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7 (6/2024)³⁸ đã thực hiện đánh giá tác động chính sách về giới và bảo đảm lồng ghép giới trong xây dựng luật theo quy định với nhiều chính sách tiến bộ, nhằm giảm thiểu bất bình đẳng giới trong tham gia và thụ hưởng BHXH. Theo luật này, số năm đóng BHXH tối thiểu để được hưởng lương hưu là 15 năm. Luật cũng bổ sung quy định công dân Việt Nam được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội khi từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp BHXH hằng tháng, trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ; riêng với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo thì từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (để hình thành hệ thống BHXH đa tầng); bổ sung quy định chế độ đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội. Đồng thời, luật cũng bổ sung chế độ thai sản trong chế độ BHXH tự nguyện và quy định nhằm gia tăng quyền lợi, tính hấp dẫn, khuyến khích người lao động bảo lưu thời gian đóng để hưởng lương hưu thay vì nhận BHXH một lần.

36 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm...

37 Điều 139 Bộ luật Lao động năm 2019.

38 Luật này bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

Trong lĩnh vực kinh tế, để cụ thể hóa Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật này đã bổ sung một số chính sách mới với tỷ lệ và định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ cao hơn so với DNNVV thông thường, bao gồm hỗ trợ về tư vấn và hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho DNNVV.³⁹ Ngoài ra, Hệ thống Đào tạo trực tuyến E-learning hỗ trợ DNNVV được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và vận hành từ năm 2018 đã cung cấp các bài giảng trực tuyến dành riêng cho doanh nghiệp nữ với nhiều nội dung phong phú, phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp do nữ làm chủ như: Kỹ năng lãnh đạo trong kỷ nguyên mới dành cho lãnh đạo, quản lý nữ; Nghệ thuật xây dựng mạng lưới các mối quan hệ; Kỹ năng ra quyết định dành cho lãnh đạo nữ... Bên cạnh đó, Quỹ quốc gia về việc làm vẫn đang là kênh giữ vai trò quan trọng trong tạo việc làm cho người lao động, nhất là lao động nữ nông thôn, trong đó tập trung vào các hoạt động hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và đào tạo nghề.

Đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025⁴⁰ có mục đích nâng cao nhận thức của phụ nữ về chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, thúc đẩy hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia về phát triển doanh nghiệp. Đề án đã đưa ra chỉ tiêu đến năm 2025 có 100.000 doanh nghiệp của nữ mới thành lập được tư vấn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Trong quá trình triển khai Đề án, Trung ương Hội LHPN Việt Nam đã tổ chức nhiều hoạt động gồm: tập huấn cung cấp kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp cho phụ nữ; tổ chức hội chợ kết nối giao lưu học hỏi, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm cho doanh nghiệp nữ...; khuyến khích phụ nữ xây dựng các ý tưởng kinh doanh, phát động các phong trào sản xuất, kinh doanh giỏi, qua đó thúc đẩy niềm đam mê, khát vọng khởi nghiệp của phụ nữ, hỗ trợ thành lập doanh nghiệp, trang trại do phụ nữ làm chủ.

Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 cũng đề ra mục tiêu phấn đấu tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt

ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.

Việt Nam cũng ban hành nhiều chính sách, pháp luật nhằm bảo đảm quyền của phụ nữ trong lĩnh vực đất đai và tiếp cận tín dụng. Đối với quyền liên quan đến đất đai bao gồm quyền được tiếp cận đất đai hợp pháp (bình đẳng với nam giới đối với tài sản chung thông qua việc ghi tên vợ và chồng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bảo đảm sự bình đẳng của phụ nữ khi tham gia các giao dịch thế chấp, tặng cho, cho thuê, chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai); quyền bình đẳng trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của phụ nữ khi tham gia vào quan hệ pháp luật đất đai; bảo vệ quyền của phụ nữ trong lĩnh vực đất đai bằng hoạt động xét xử của Tòa án (Hiến pháp năm 2013, Luật Đất đai năm 2013, Luật Đất đai năm 2024, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Luật Đất đai năm 2024 cấm phân biệt đối xử về giới trong quản lý, sử dụng đất đai (khoản 11 Điều 11). Đối với quyền tiếp cận tín dụng của phụ nữ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2018, 2019, 2023).⁴¹ Ngày 18/01/2024, Quốc hội thông qua Luật Các tổ chức tín dụng mới, trong đó đã sửa đổi, bổ sung các quy định về cấp tín dụng theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức tín dụng chủ động trong hoạt động cấp tín dụng và thỏa thuận với khách hàng trong quá trình quản lý khoản vay và trả nợ của khách hàng; cho phép thực hiện các hoạt động kinh doanh ngân hàng bao gồm hoạt động cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng... Bên cạnh đó, Việt Nam đã có nhiều quy định, biện pháp để tăng cường không sử dụng tiền mặt từ đó góp phần tăng khả năng tiếp cận tài chính của phụ nữ (đặc biệt là phụ nữ vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa).

Trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 225/NQ-CP về

39 Bên cạnh đó, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, theo đó, bổ sung quy định "cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV ưu tiên bố trí kinh phí để hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ" nhằm tăng cơ hội tiếp cận chính sách hỗ trợ của nhà nước cho các đối tượng này.

40 Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

41 Ngoài ra, Thống đốc Ngân hàng nhà nước còn ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 và các thông tư sửa đổi, bổ sung để triển khai chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng đồng thời tổ chức triển khai các chính sách tín dụng trong khuôn khổ Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội...

Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới; Quyết định số 16/2023/QĐ-TTg ngày 01/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện hỗ trợ cho vay để ký quỹ tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với người lao động thuộc đối tượng chính sách đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS của Hàn Quốc. Ngày 29/9/2023, Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành Thông tư số 09/2023/TT-BLĐTBXH về định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo ngoại ngữ cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng... Bên cạnh đó, Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực từ ngày 21/02/2022 quy định người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sẽ tham gia Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước. Những chủ trương, chính sách này đã góp phần tạo điều kiện cho người lao động nói chung và phụ nữ nói riêng khi đi làm việc ở nước ngoài.

Nhằm cải thiện khả năng tiếp cận các công nghệ hiện đại của phụ nữ, Việt Nam đã thực hiện nhiều sáng kiến để tăng khả năng ứng dụng công nghệ số cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ; hỗ trợ phụ nữ nâng cao năng lực, ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp cận chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cán bộ, hội viên, phụ nữ các địa phương...

Trong thời gian qua, Việt Nam cũng ban hành các chính sách, hành động nhằm ghi nhận, giảm thiểu và/hoặc phân bổ lại việc nhà và công việc chăm sóc không lương. Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững tại mục tiêu 5.4 đã xác định bảo đảm bình đẳng trong việc nội trợ và chăm sóc gia đình; công nhận việc nội trợ và các chăm sóc không được trả phí; tăng cường các dịch vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và các chính sách bảo trợ xã hội, các dịch vụ hỗ trợ gia đình, chăm sóc trẻ em. Thông tư số 10/2019/TT-BKHĐT ngày 30/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia quy định chỉ tiêu thống kê số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công; số giờ trung bình làm việc được trả công và làm việc nội trợ không được trả công. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 đề ra mục tiêu giảm số giờ trung bình làm công việc

nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 1,7 lần vào năm 2025 và 1,4 lần vào năm 2030 so với nam giới. Ngoài ra, trong việc phân chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn thì người vợ hoặc chồng ở nhà chăm sóc con, gia đình mà không đi làm được tính là lao động có thu nhập tương đương với thu nhập của chồng hoặc vợ đi làm, bên có công sức đóng góp nhiều hơn sẽ được chia nhiều hơn.⁴²

Với mục đích không ngừng cải thiện đời sống, việc làm của lao động nữ trong các khu công nghiệp, nhiều chính sách và chương trình, đề án đã được thực hiện và huy động doanh nghiệp và các bên tham gia. Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp. Theo đó, trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định được hỗ trợ tối thiểu 160.000 đồng/trẻ/tháng.⁴³

Ngoài việc áp dụng những chính sách nêu trên, còn có các mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ về bình đẳng giới cho người lao động được các tổ chức, cơ quan thực hiện như Mô hình “Câu lạc bộ nữ công nhân nhà trọ” ở các cụm dân cư gần Khu công nghiệp và khu chế xuất do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) chủ trì và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc tại địa phương tổ chức thực hiện thí điểm;⁴⁴ Mô hình dịch vụ gia đình và mô hình câu lạc bộ “Khi bố, mẹ vắng nhà” do Hội LHPN Việt Nam thực hiện... Ngoài ra,

42 Điểm b khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 06/01/2016 quy định: Trường hợp áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định để chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn thì tài sản chung của vợ chồng về nguyên tắc được chia đôi nhưng có tính đến yếu tố sau đây để xác định tỷ lệ tài sản mà vợ chồng được chia: “Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung” là sự đóng góp về tài sản riêng, thu nhập, công việc gia đình và lao động của vợ, chồng trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Người vợ hoặc chồng ở nhà chăm sóc con, gia đình mà không đi làm được tính là lao động có thu nhập tương đương với thu nhập của chồng hoặc vợ đi làm. Bên có công sức đóng góp nhiều hơn sẽ được chia nhiều hơn.

43 Mức hỗ trợ cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương quyết định. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

44 Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020; Công văn số 3989/LĐTBXH-BĐG ngày 21/9/2018 của Bộ LĐTBXH về việc triển khai thí điểm mô hình “Câu lạc bộ nữ công nhân nhà trọ năm 2018”.

Chiến dịch truyền thông nhằm thúc đẩy nhận thức xã hội về bình đẳng trong vai trò và khả năng của nam giới và nữ giới trong việc chăm sóc gia đình và phát triển kinh tế; mô hình “Người cha trách nhiệm”⁴⁵ “Người mẹ mẫu mực, bàn tay yêu thương của cha”⁴⁶ đã được triển khai ở các địa phương.

Trong giai đoạn chịu sự tác động của đại dịch COVID-19, Chính phủ thực hiện 12 chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch (Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19). Trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch COVID-19, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình và Nghị quyết số 6/NQ-CP ngày 10/01/2023 về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội.

1.2. Kết quả đạt được

Số lao động có việc làm năm 2023 ghi nhận tăng ở cả khu vực thành thị và nông thôn cũng như ở nam giới và nữ giới, số lao động có việc làm ở khu vực thành thị là 19,0 triệu người, tăng 1,9% (tương ứng tăng 364,4 nghìn người), lao động ở khu vực nông thôn là 32,2 triệu người, tăng 1,0% (tương ứng tăng 318 nghìn người).⁴⁷ Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của lao động nữ Việt Nam trong năm 2023 là 62,9% (tỷ lệ này ở nam giới chiếm 75,2%).⁴⁸ Việt Nam là một trong những quốc gia có tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động cao trên thế giới. Tỷ lệ lao động nữ trong độ tuổi lao động đã qua đào tạo có xu hướng tăng dần trong giai đoạn 2015-2023 (từ 20,1% đến 26,8%).⁴⁹

Việt Nam có khoảng 98% tổng số doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, trong đó 20% là do phụ nữ làm chủ, đã góp phần dạy nghề, tạo việc làm

cho hàng triệu lao động nữ.⁵⁰ Đến năm 2021, tỉ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã chiếm 28.2%.⁵¹ Trong giai đoạn 2012-2022, số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ liên tục tăng với tốc độ ít nhất 2%/năm, cao hơn so với tốc độ tăng trung bình của khu vực doanh nghiệp.⁵²

Theo Chỉ số Nữ doanh nhân của Mastercard (MIWE) được công bố vào năm 2020, Việt Nam xếp thứ 23 trên tổng số 58 quốc gia được chọn để đánh giá về tỉ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp. Tại Việt Nam, phụ nữ sở hữu 26,5% tổng số doanh nghiệp, và tỉ lệ này là tương đối cao so với một số nước trong khu vực ASEAN. Ngành nghề kinh doanh của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tập trung nhiều nhất ở các ngành dịch vụ bán buôn, bán lẻ, chiếm khoảng 75%, ngành công nghiệp chế biến chế tạo 14,6%; khoa học công nghệ 7,3%.⁵³

Chính phủ đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng, phát triển hạ tầng cơ sở và các dịch vụ thanh toán không cần tiền mặt, dẫn đến tỉ lệ tiếp cận tài chính không dùng tiền mặt đã tăng lên.⁵⁴ Ngày càng nhiều người dân, đặc biệt là phụ nữ ở vùng sâu, vùng xa đã được tiếp cận đến nguồn tài chính nhờ vào các dịch vụ trên.

Đến ngày 30/6/2024,⁵⁵ tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội đạt 350.741 tỷ đồng, tăng 3,8% so với năm 2023 với hơn 6.888 nghìn khách hàng còn dư nợ. Tổng số khách hàng là nữ giới đứng tên vay vốn các chương trình tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã là 4,7 triệu khách hàng, chiếm 68% tổng số khách hàng đang còn dư nợ, với dư nợ là 165.262 tỷ đồng chiếm 47% tổng dư nợ. Trong đó, Hội LHPN Việt Nam đã triển khai các hoạt động hỗ trợ nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ, trong đó tập trung các giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi, phù hợp cho các nhóm đối tượng phụ nữ⁵⁶

45 Do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam triển khai tại các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương: Bắc Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Ninh, Đà Nẵng, Lâm Đồng.

46 Tăng cường sự tham gia của nam giới trong chia sẻ việc nhà, thúc đẩy, động viên nam giới tham gia các lớp học tiền sản, chăm sóc, nuôi dưỡng con...

47 Tổng cục Thống kê, 01/2024.

48 Tổng cục Thống kê, tháng 12/2023 và tháng 3/2024.

49 Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê năm 2023, NXB Thống kê, Hà Nội, tr. 181.

50 Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp thông qua tháo gỡ các rào cản: Sách Trắng về doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, 01/2024.

51 Chính phủ, Báo cáo số 237/BC-CP ngày 16/5/2023 Kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023, Phụ lục 01.

52 Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp thông qua tháo gỡ các rào cản: Sách Trắng về doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, 01/2024.

53 Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 5/2024.

54 Báo Nhân dân điện tử, <https://nhandan.vn/thanh-toan-khong-dung-tien-mat-tang-truong-an-tuong-post801417.html>, ngày 25/3/2024.

55 Công văn số 6344/NHNN-TCCB ngày 31/7/2024 của Ngân hàng Nhà nước.

56 Công văn số 3647/ĐCT-QT ngày 01/7/2024 của Đoàn Chủ tịch, Hội LHPN Việt Nam.

Phát huy hiệu quả phương thức nhận ủy thác vốn tín dụng chính sách xã hội thông qua việc thực hiện hiệu quả Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội. Tính đến tháng 6/2024, dư nợ ủy thác qua Hội LHPN Việt Nam đạt trên 132 nghìn tỷ đồng với gần 2,6 triệu hộ vay vốn trong đó đa số thành viên vay vốn là phụ nữ thông qua gần 20 chương trình vay vốn, tập trung chủ yếu nguồn vốn tín dụng phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế và việc làm chiếm trên 73%, vốn phục vụ sinh hoạt, tiêu dùng chiếm 27%.

Đẩy mạnh tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, Hội LHPN Việt Nam đã ký kết Thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn để tiếp tục thúc đẩy phát triển tổ vay vốn tại các địa bàn để tạo cơ hội cho phụ nữ tiếp cận nguồn vốn ưu đãi trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, đến 30/6/2024 với dư nợ trên 31 nghìn tỷ cho trên 206 nghìn hộ vay, với tỷ lệ nợ xấu 0,48%.

Nâng cấp, phát triển các tổ chức, chương trình dự án tài chính vi mô hoạt động chuyên nghiệp, an toàn, hiệu quả, bền vững theo đúng các quy định của pháp luật tạo cơ hội cho phụ nữ tiếp cận thuận lợi với nguồn tín dụng tại các địa bàn triển khai thực hiện. Tính đến 31/12/2023, 51/63 tỉnh/thành có chương trình, dự án tài chính vi mô đang được thực hiện. Đến 30/6/2024, tổng dư nợ vốn vay của các Quỹ xã hội, các chương trình, dự án tài chính vi mô đạt trên 1.752 tỷ đồng với tổng số khách hàng gần 155 nghìn khách hàng, tổng dư tiết kiệm đạt trên 926 tỷ đồng. Tổ chức Tài chính vi mô Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tinh thương (TYM) tập trung ứng dụng công nghệ thông tin, đa dạng hóa sản phẩm tài chính và phi tài chính, đáp ứng nhu cầu của nhiều nhóm phụ nữ khác nhau, trong đó có nhóm phụ nữ khởi nghiệp với hơn 2,3 nghìn tỷ đồng cho 116 nghìn phụ nữ vay vốn trong 6 tháng đầu năm 2024, dư nợ tín dụng hơn 2,5 nghìn tỷ đồng. Vốn tạo việc làm giải ngân gần 27 tỷ, dư nợ vốn vay tạo việc làm và vốn đầu tư là gần 116 tỷ với gần 2500 khách hàng dư nợ.

Đa dạng hóa các nguồn vốn tín dụng hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh. Theo đó, Hội LHPN các cấp ký kết chương trình phối hợp với các ngân hàng Ngân hàng Bưu điện Liên

Việt (LPBank), Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank), với dư nợ của Ngân hàng LPBank là hơn 760 tỷ đồng giúp gia tăng cơ hội cho phụ nữ, thuận tiện trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính phù hợp với nhu cầu (bảo hiểm vi mô, tín dụng cho khởi nghiệp, tín dụng cho phát triển kinh doanh...).

Một số kết quả hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ:⁵⁷ Năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai Chương trình đào tạo chuyển đổi số cho 28 doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNVV) trong lĩnh vực sản xuất, chế biến do nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ trên phạm vi toàn quốc với mục tiêu nâng cao nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho DNNVV về chuyển đổi số. Năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Bộ Tài chính để tiếp tục bố trí vốn cho các Bộ ngành và địa phương để tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp theo pháp luật về hỗ trợ DNNVV, trong đó nội dung hỗ trợ chuyển đổi số là một trong những nội dung hỗ trợ trọng tâm và có vai trò quan trọng. Từ năm 2021-2023, bên cạnh nguồn ngân sách, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động huy động nguồn lực Quốc tế hỗ trợ tư vấn xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi số cho gần 100 DNNVV trong hơn 44% là DNNVV do phụ nữ làm chủ và DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ. Đến nay, có khoảng 28% DNNVV do phụ nữ làm chủ thực hiện một hoặc nhiều hình thức “chuyển đổi số” và chưa đến một nửa trong số đó có “kế hoạch chuyển đổi số”. Việc thực hiện chuyển đổi số này thường diễn ra nhiều nhất ở các DNNVV do phụ nữ làm chủ và diễn ra tương đối đồng đều giữa tất cả các ngành. Đặc biệt, có gần 9.000 DNNVV do phụ nữ làm chủ đang phát triển các mô hình thương mại điện tử hoặc kinh doanh trực tuyến.

Trong những năm qua, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nữ, đặc biệt ở khu vực nông thôn được chú trọng. Công tác đào tạo nghề có nhiều đổi mới cả về nội dung chương trình và hình thức đào tạo theo hướng xã hội hóa, hợp tác liên kết để nâng cao chất lượng, gắn với nhu cầu xã hội.

Từ 2019 đến nay, mỗi năm có khoảng 35-40% lao động nữ trong tổng số khoảng hơn 100 nghìn lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (riêng năm 2023, tổng số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài là 159.986 lao động, trong đó có 55.804 nữ, chiếm tỷ lệ gần 35%⁵⁸).

57 Bộ KH&ĐT, 5/2024.

58 Cục Quản lý lao động ngoài nước (Bộ LĐ-TB&XH), 01/2024.

góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững; đồng thời tạo điều kiện cho lao động nữ có cơ hội học hỏi kinh nghiệm, hội nhập và rèn luyện tác phong công nghiệp, kỷ luật trong lao động sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ.

Giai đoạn vừa qua các doanh nghiệp trong nước cũng như FDI đã có sự quan tâm tới đời sống của nhân viên bằng nhiều chế độ phúc lợi tốt để họ có điều kiện thuận lợi trong công việc và cuộc sống. Giai đoạn vừa qua cũng đánh dấu sự tham gia tích cực, rộng rãi của khối các doanh nghiệp trên cả nước vào công tác bình đẳng giới. Kết quả công tác bình đẳng giới những năm qua đều có những chuyển biến tích cực, và được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao.⁵⁹ Năm 2024 là lần thứ 6 Việt Nam tham gia Sự kiện “Rung chuông vì bình đẳng giới”.⁶⁰ Sự kiện nhằm nhấn mạnh vai trò then chốt của khu vực tư nhân trong thúc đẩy bình đẳng giới và tăng cường quyền năng kinh tế cho phụ nữ hướng tới doanh nghiệp và xã hội phát triển bền vững.

Nhiều chính sách, giải pháp hỗ trợ phục hồi sau đại dịch COVID-19 (thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội) bảo đảm tính khả thi, kịp thời, hiệu quả; như chính sách tín dụng của Ngân hàng chính sách xã hội, chính sách giảm thuế giá trị gia tăng 2%, miễn giảm gia hạn thuế... đã phát huy tác dụng tích cực giúp người dân, doanh nghiệp tiết giảm chi phí, duy trì dòng tiền, vượt qua khó khăn, duy trì và phục hồi sản xuất kinh doanh.

1.3. Một số khó khăn và thách thức

Vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm vẫn còn một số thách thức. Tỷ lệ lao động nữ trong độ tuổi lao động đã qua đào tạo có xu hướng tăng dần trong giai đoạn 2015-2023 (từ 20,1% đến 26,8%) nhưng vẫn còn thấp hơn so với nam giới (tăng từ 23,6% đến 31,8%)⁶¹.

Mặc dù các quy định về tiền lương và tiền công

bảo đảm sự công bằng về giới, nhưng trung bình tiền lương chính của lao động nữ vẫn thấp hơn so với lao động nam. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh thu hẹp khoảng cách độ tuổi nghỉ hưu vẫn đang thực hiện theo lộ trình nên đến nay vẫn còn sự khác biệt về tuổi nghỉ hưu giữa nam và nữ trong quy định của pháp luật.

Chuẩn mực xã hội về giới và những kỳ vọng mang tính định kiến giới đã trở thành gánh nặng kéo dài hàng thập kỷ, không chỉ tác động đến sự tự tin mà còn ảnh hưởng đến quyết định khởi nghiệp của phụ nữ. Khi quyết định khởi nghiệp, có những trường hợp phụ nữ phải đối mặt với sự phân biệt và đánh giá thiếu công bằng từ xã hội do định kiến về giới. Đôi khi, những thành tựu và nỗ lực của phụ nữ trong doanh nghiệp chưa được đánh giá đầy đủ và toàn diện.

Do những rào cản về văn hóa - xã hội, các doanh nghiệp nữ làm chủ ở Việt Nam cũng giống như ở nhiều nước đang phát triển khác, thường hạn chế về quy mô phát triển, phần lớn các DNNVV hoặc các hộ kinh doanh thuộc khu vực kinh tế phi chính thức; về phạm vi, lĩnh vực hoạt động thường tập trung ở các ngành thâm dụng lao động, sử dụng công nghệ thấp, do đó lợi nhuận thấp và khả năng chống chịu trở nên kém bền vững trước những biến động của nền kinh tế.⁶²

Nền kinh tế phi chính thức với quy mô tương đối lớn của Việt Nam đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo đảm khả năng tiếp cận các cơ hội tạo thu nhập cho phụ nữ và nam giới, góp phần vào mức độ hoạt động kinh tế cao và tỷ lệ thất nghiệp thấp. Tuy nhiên, lao động làm việc trong khu vực phi chính thức có nguy cơ đối mặt với tình trạng nghèo đói và rủi ro nghề nghiệp lớn hơn. Năm 2023, số lao động phi chính thức là 33,3 triệu người, tỉ lệ lao động có việc làm phi chính thức là 64,9% (trong đó tỉ lệ của nam giới là 49,7% và nữ giới là 74,3%).⁶³ Trong đó, phụ nữ chiếm đa số trong nhóm lao động giúp việc gia đình. Năm 2023, số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ vẫn nhiều hơn so với nam giới.

Việc bảo đảm khi thực hiện quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người phụ nữ được thực thi vẫn còn gặp khó khăn do phát sinh thủ tục hành chính và chi phí cấp đổi

59 Thông tin đánh giá tại Hội thảo Tổng kết, đánh giá công tác truyền thông năm 2023 và xây dựng Kế hoạch thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2024, UN Women tại Việt Nam và Bộ LĐTBXH tổ chức tháng 5/2024.

60 Đây là sáng kiến của UN Women, Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), Sáng kiến Sở Giao dịch chứng khoán bền vững (SSE), Hiệp ước Toàn cầu Liên hợp quốc (UNGC) và Liên đoàn Sở Giao dịch chứng khoán thế giới (WFE).

61 Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê năm 2023, NXB Thống kê, Hà Nội, tr. 181.

62 Tạp chí Kinh tế và Dự báo (Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tháng 01/2024.

63 Tổng cục Thống kê, Tình hình thị trường lao động Việt Nam năm 2023, Hà Nội, ngày 02/01/2024; Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê năm 2023, NXB Thống kê, Hà Nội, tr. 175.

Giấy chứng nhận mang tên cả vợ và chồng đối với những trường hợp đã cấp Giấy chứng nhận là có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình, có chung quyền sử dụng đất của vợ và chồng nhưng chỉ ghi tên người chồng trên Giấy chứng nhận.

Vấn đề an ninh mạng, an toàn mạng cũng đang vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với phụ nữ trong tiếp cận tài chính toàn diện, một mặt, giúp phụ nữ tiếp cận các nguồn thông tin an toàn về nguồn tín dụng, cung cấp thông tin về các thủ đoạn lừa đảo tài chính giúp phụ nữ hiểu, phòng tránh, mặt khác, phụ nữ cũng là nhóm đối tượng dễ bị lừa đảo thông qua công nghệ, đặc biệt là phụ nữ ít có cơ hội tiếp cận thông tin (vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa)...

Một số yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động như: tình trạng mất việc làm của lao động nữ chưa qua đào tạo do thay đổi công nghệ sản xuất, áp dụng công nghệ tự động hóa. Công nghệ tự động hóa làm tăng hiệu quả sản xuất nhưng cũng đồng nghĩa với việc một số công việc thường do lao động nữ đảm nhận sẽ giảm dần hoặc không còn cần đến. Vấn đề giới trong tiếp cận, tham gia trong các nghề nghiệp mới xuất hiện trong bối cảnh xuất hiện ngày càng nhiều các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Vấn đề giới trong bối cảnh bình thường mới sau đại dịch COVID-19 như xu hướng làm việc tại nhà, làm việc từ xa... Những vấn đề này đòi hỏi cần có hành động sớm để có thể sử dụng các công nghệ mới vào việc thu hẹp khoảng cách giới.

2.Xóa nghèo, bảo trợ xã hội và dịch vụ xã hội

2.1. Chính sách, pháp luật và hoạt động đã triển khai

Năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 để bảo đảm mức sống tối thiểu và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Mục tiêu tổng quát của Chương trình này nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Trong đó, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo là một trong những đối tượng được ưu tiên, quan tâm của chương trình.

Chính sách trợ giúp xã hội của Việt Nam không ngừng được bổ sung và sửa đổi phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của đất nước, từng bước tiếp cận xu hướng phát triển trợ giúp xã hội của thế giới. Chính sách trợ giúp xã hội đã được thiết kế hướng vào mục tiêu bao phủ hầu hết các nhóm đối tượng theo vòng đời từ độ tuổi ấu thơ đến người già nhằm phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục các rủi ro của con người trong suốt cuộc đời. Chính sách trợ giúp xã hội hỗ trợ đa dạng, từng bước đáp ứng các nhu cầu cơ bản của đối tượng về thu nhập, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, hướng nghiệp, dạy nghề đảm bảo tốt hơn các quyền của đối tượng thụ hưởng

chính sách, bao gồm: trợ cấp tiền mặt hàng tháng cho đối tượng và hộ gia đình, hỗ trợ mua bảo hiểm y tế (BHYT), miễn giảm học phí và chi phí học tập cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt (nghèo và dân tộc thiểu số); hỗ trợ về nhà ở, tiếp cận nước sạch, thông tin đối với người nghèo, đồng bào nông thôn, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn khác. Chính sách trợ giúp xã hội đã tạo thành lưới an toàn xã hội rộng khắp, đan xen, có khả năng bao phủ nhiều đối tượng thuộc nhiều tầng lớp khác nhau trong đó có phụ nữ và trẻ em gái. Các chính sách trợ giúp xã hội về cơ bản đã phản ánh các yếu tố đặc thù theo vùng, miền (vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa như chính sách, chương trình hỗ trợ cho học sinh phổ thông); hỗ trợ hộ nghèo (BHYT, sản xuất, tiền điện), hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số (dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số). Một số chính sách, hoạt động tiêu biểu giai đoạn 2019 - 2024 gồm: Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ); Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/08/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hằng tháng⁶⁴; Nghị định 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của

⁶⁴ Nghị định này thay thế Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hằng tháng. Trước đó, Nghị định số 42/2023/NĐ-CP được ban hành để thay thế Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hằng tháng.

Chính phủ quy định về công tác xã hội...

Năm 2023, Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và triển khai thực hiện.⁶⁵ Quy hoạch này đã tạo hành lang pháp lý cho công tác an sinh xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và từng địa phương trong từng giai đoạn, thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc tiếp tục mở rộng đối tượng, nâng cao mức sống, tiến tới bao phủ toàn bộ các đối tượng yếu thế trong xã hội. Trợ giúp xã hội lấy con người là trung tâm, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, kịp thời, hiệu quả và thân thiện trong tiếp cận.

Việt Nam đã ban hành và thực thi Luật Người khuyết tật và các VBQPPL quy định các chính sách liên quan đến người khuyết tật với quan điểm không có bất kì sự phân biệt đối xử và bảo đảm thúc đẩy quyền của phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật. Thời gian qua, Bộ LĐTBXH đã phối hợp với Trung ương Hội LHPN Việt Nam ban hành Kế hoạch công tác hỗ trợ phụ nữ khuyết tật để thực hiện Luật Người khuyết tật và các chương trình, kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đặc biệt, Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030 được ban hành, trong đó tập trung các hoạt động chủ yếu gồm: Trợ giúp y tế; trợ giúp giáo dục, trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế; phòng, chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai; trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng; trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; trợ giúp pháp lý; hỗ trợ người khuyết tật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; trợ giúp phụ nữ khuyết tật, hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng; nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật và giám sát đánh giá.

Trợ giúp pháp lý là một trong những lĩnh vực được Đảng, Nhà nước và xã hội quan tâm. Đến nay Việt Nam đã ban hành Luật về trợ giúp pháp lý năm 2006 và sửa đổi, bổ sung năm 2017. Theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, có 14 nhóm đối tượng được Nhà nước trợ giúp pháp lý miễn phí, trong đó bao phủ nhóm phụ nữ và trẻ em (các nhóm đối tượng được trợ giúp miễn phí gồm: người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; trẻ em; người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18

tuổi; người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo; một số nhóm có khó khăn về tài chính). Bên cạnh đó, một số VBQPPL khác cũng có quy định liên quan đến trợ giúp pháp lý: Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015... Có thể thấy, từ năm 2021 đến nay thể chế về trợ giúp pháp lý tiếp tục được hoàn thiện, trong đó lần đầu tiên Nghị quyết của Đảng giao nhiệm vụ và đề ra giải pháp cho công tác trợ giúp pháp lý là nâng cao vai trò, chuyên nghiệp, chất lượng, xây dựng mạng lưới, hiện đại hóa hệ thống trợ giúp pháp lý;⁶⁶ Bộ Tư pháp ban hành tiêu chí xác định việc tham gia tố tụng thành công và quy định việc trợ giúp pháp lý tham gia phiên tòa trực tuyến.⁶⁷ Trong năm 2021 và 2022, nội dung trợ giúp pháp lý đã được ghi nhận đồng bộ trong tất cả các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 thể hiện vai trò tích cực trong an sinh và phát triển kinh tế xã hội.⁶⁸

Trong giai đoạn vừa qua, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách nhằm cải thiện sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em gái như bảo hiểm y tế (BHYT) toàn dân, chăm sóc y tế cơ bản, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục. Hướng tới mục tiêu BHYT toàn dân, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ BHYT giai đoạn 2022-2025: Giao tỷ lệ bao phủ BHYT toàn quốc năm 2022 là 92,6%, năm 2023 là 93,2%, năm 2024 là 94,1%, năm 2025 là 95,15%. Trong đó, tập trung hỗ trợ người thuộc hộ gia đình cận nghèo, hộ gia đình nghèo đa chiều không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 9 Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT, bảo đảm đạt mục tiêu 100% các đối tượng này tham gia BHYT; hỗ trợ người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình; học sinh, sinh viên để tăng

66 Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

67 Quyết định số 1179/QĐ-BTP ngày 16/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công; Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 15/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến.

68 Bộ Tư pháp, Báo cáo số 01/BC-BTP ngày 01/01/2024 Tình hình công tác tư pháp năm 2023, đánh giá kết quả công tác đến giữa nhiệm kỳ; định hướng nhiệm vụ công tác tư pháp đến hết nhiệm kỳ và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác năm 2024.

65 Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

tỷ lệ tham gia BHYT của các nhóm đối tượng này...

Đại dịch Covid-19 xuất hiện từ đầu năm 2020 và nhanh chóng lây lan trở thành đại dịch toàn cầu. Trong bối cảnh đó, *Việt Nam đã kịp thời ban hành 04 gói chính sách chính trong giai đoạn 2020-2022 để hỗ trợ người dân, người lao động và doanh nghiệp gặp khó khăn do tác động của dịch Covid-19, theo đó phụ nữ, trẻ em luôn được xác định là đối tượng ưu tiên và có hỗ trợ cao hơn*. Nghị quyết số 68/NQ-CP có 12 chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động, bên cạnh các nhóm chính sách hỗ trợ người lao động, đã có chính sách hỗ trợ bổ sung cho phụ nữ đang mang thai hoặc người lao động nuôi con dưới 6 tuổi, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật. Chính sách này hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người đối với 03 nhóm đối tượng: (i) người lao động phải ngừng việc, tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương, chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp nếu đang mang thai hoặc nuôi con dưới 6 tuổi; (ii) trẻ em phải điều trị do nhiễm COVID-19 hoặc cách ly y tế trong thời gian điều trị; (iii) người cao tuổi và người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng phải điều trị nhiễm COVID-19 hoặc cách ly y tế theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là nhóm chính sách ưu tiên cho phụ nữ mang thai, nhóm đối tượng yếu thế ngoài các chính sách áp dụng cho lao động thông thường, theo đó hồ sơ, thủ tục được quy định đơn giản để tạo thuận lợi tối đa cho quá trình thực hiện.

Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới giai đoạn 2016-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2016 đã và đang được tiếp tục thực hiện với mục tiêu nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở, trong đó nhấn mạnh tăng cường đào tạo nhân viên y tế thôn bản và cô đỡ thôn bản cho các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và yêu cầu các trạm y tế xã phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của chăm sóc sức khỏe ban đầu bao gồm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em. Bên cạnh đó, Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025 với mục tiêu “Khống chế có hiệu quả tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, tiến tới đưa tỷ số giới tính khi sinh trở lại mức cân bằng tự nhiên” cũng đang được tiếp tục thực hiện. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 cũng đưa ra 4 chỉ tiêu cụ thể trong lĩnh vực y tế.

Ngày 28/4/2020, Việt Nam đã ban hành Quyết định số 588/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030. Mục tiêu của Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030. Chương trình giúp tăng mức sinh ở những địa phương đang có mức sinh thấp, giảm mức sinh ở những địa phương đang có mức sinh cao, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Quyền được giáo dục, học tập là một trong những quyền quan trọng nhất của con người. Do đó, Nhà nước luôn khẳng định chính sách nhất quán về việc bảo đảm quyền được giáo dục và coi đây là động lực quan trọng thúc đẩy công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam đã thực hiện các chính sách công bằng trong tiếp cận giáo dục, đặc biệt đối với học sinh, sinh viên nghèo, trẻ em người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi nhằm đảm bảo cho các em cơ hội được học tập. Giai đoạn 2019-2023, nhiều chương trình, chính sách nổi bật đã và đang được triển khai nhằm hỗ trợ tiếp cận giáo dục cơ bản, cải thiện giáo dục - đào tạo cho người dân, trong đó có phụ nữ và trẻ em gái như chính sách miễn học phí cho trẻ em học lớp mẫu giáo 5 tuổi ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn⁶⁹, trẻ mầm non 5 tuổi ở các trường công lập⁷⁰; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; chính sách cấp bù học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và đại học, miễn giảm học phí cho học sinh nam và nữ thuộc gia đình nghèo, cận nghèo, hỗ trợ tiền ăn, ở cho học sinh mẫu giáo, học sinh phổ thông (nữ và nam), con hộ nghèo hoặc học bán trú tại các xã đặc biệt khó khăn, hỗ trợ tiền ăn, ở cho học sinh nữ và nam học bán trú các trường phổ thông dân tộc nội trú, hỗ trợ tiền ăn trưa cho học sinh 3, 4 tuổi đang theo học mầm non, chính sách vay ưu đãi học sinh, sinh viên... Nhờ đó, những nhóm phụ nữ, trẻ em gái có hoàn cảnh khó khăn như nghèo, người dân tộc thiểu số, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã có cơ hội đến trường, cơ hội học văn hóa, học nghề, nâng cao trình độ để có thể tìm kiếm việc làm tốt, thoát nghèo, có tương lai tươi sáng hơn. Bên cạnh đó, Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018 - 2025 được tiếp tục triển khai với mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, trẻ em khuyết

69 Được áp dụng từ 01/12/2018 (Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ).

70 Được áp dụng từ năm học 2024-2025 (Công văn số 2179/BGDĐT-KHTC ngày 13/5/2024 của Bộ Giáo dục & Đào tạo).

tật được tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cộng đồng để được hòa nhập cộng đồng và có cơ hội thực hiện đầy đủ các quyền của trẻ em khuyết tật.⁷¹ Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 cũng đưa ra 4 chỉ tiêu cụ thể trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.⁷² Từ năm 2024, Việt Nam đã triển khai Đề án “Đưa việc giảng dạy nội dung về giới và bình đẳng giới vào chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và trình độ đại học giai đoạn 2024 -2030”.⁷³ Đồng thời, Việt Nam đã ban hành chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục để thu hẹp khoảng cách số như: Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội quy định trang bị máy tính bảng theo Chương trình “Sóng và máy tính cho em” từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng và sử dụng hiệu quả.

2.2. Kết quả đạt được

Việt Nam là quốc gia có thành tựu giảm nghèo nổi bật trong khu vực và trên thế giới. Tỷ lệ hộ nghèo ở Việt Nam đã giảm mạnh, đến năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo cả nước là 2,93%.⁷⁴ Các chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo trong thời kỳ vừa qua của Chính phủ, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ đã triển khai một số biện pháp hỗ trợ, tạo điều kiện cho các nhóm phụ nữ, trẻ em gái được tiếp cận và hưởng lợi tốt hơn.⁷⁵

Việt Nam luôn chú trọng đảm bảo an sinh xã hội, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái. Một số chính sách trợ giúp xã hội đã quan tâm nhất định đến nhu cầu đặc thù của đối tượng là phụ nữ (bao gồm cả phụ nữ khuyết tật) và trẻ em gái. Cụ thể, khi tính

định mức nuôi dưỡng các đối tượng là nữ trong cơ sở bảo trợ xã hội đã tính đến tiền vệ sinh phụ nữ hàng tháng; trong các cơ sở trợ giúp xã hội có bố trí nhà tắm, vệ sinh riêng biệt cho nữ và nam. Năm 2023, cả nước thực hiện trợ cấp xã hội hằng tháng cho 3,3 triệu người, trong đó có 1,4 triệu người cao tuổi, 1,6 triệu người khuyết tật; 21.000 trẻ em đang hưởng chế độ đối với trẻ em mồ côi, mất nguồn nuôi dưỡng; 146.000 trẻ em hưởng chế độ đối với trẻ em dưới 3 tuổi; 84.000 người đang hưởng chế độ người đơn thân nuôi con dưới 16 tuổi (chủ yếu là phụ nữ); 76.000 đối tượng khác. Đồng thời, cả nước có 349.000 hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng hằng tháng. 100% đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng; 100% người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp kịp thời, không người dân nào bị đói. Hơn 90% người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời; hơn 90% người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời....⁷⁶

Việt Nam đã thành lập được 425 cơ sở trợ giúp xã hội (195 cơ sở công lập và 230 cơ sở ngoài công lập). Trong đó, có 46 cơ sở chăm sóc người cao tuổi, 73 cơ sở chăm sóc người khuyết tật, 149 cơ sở chăm sóc trẻ em, 102 cơ sở tổng hợp, 32 cơ sở chăm sóc người tâm thần và 23 trung tâm công tác xã hội.⁷⁷ Cho đến nay, mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đã đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội 30% đối tượng cần trợ giúp xã hội với các dịch vụ như tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội; tổ chức hoạt động phục hồi chức năng, lao động sản xuất, dạy văn hoá, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp và cung cấp các dịch vụ công tác xã hội. Tác động của trợ giúp xã hội đến đối tượng hưởng lợi rất tích cực. Mức trợ giúp xã hội liên tục được điều chỉnh tăng lên. Mức chuẩn trợ cấp xã hội đã tăng từ 45.000 đồng/tháng (năm 2000)⁷⁸ lên mức 500.000 đồng (từ ngày 01/7/2024).⁷⁹

Nhiều mô hình trợ giúp xã hội thành công trong chăm sóc trẻ em, người khuyết tật, trợ giúp người cao tuổi do các địa phương thực hiện. Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, có chức năng cung cấp các dịch vụ công tác xã hội cho các đối tượng xã

71 Quyết định 1438/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

72 - Chỉ tiêu 1: Nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm từ năm 2025 trở đi.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học đạt trên 90% vào năm 2025 và khoảng 99% vào năm 2030; tỷ lệ hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt khoảng 85% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt trên 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ đạt không dưới 50% từ năm 2025 trở đi. Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

73 Ban hành kèm theo Quyết định số 4247/QĐ-BGDĐT ngày 12/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

74 Quyết định số 134/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/01/2024 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

75 Viện Khoa học Lao động - Xã hội, 2018.

76 Cục Bảo trợ xã hội (Bộ LĐ-TB&XH), Hội nghị tổng kết công tác năm 2023 và triển khai công tác bảo trợ xã hội năm 2024, 12/2023.

77 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2022.

78 Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 của Chính phủ.

79 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ.

hội trên địa bàn. Trong các nhóm đối tượng phục vụ có nhóm nạn nhân bị phân biệt đối xử về giới, bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi... Trong các nhiệm vụ của Trung tâm có trợ giúp gia đình và tư vấn, cung cấp thông tin, hỗ trợ bình đẳng giới... Các tổ chức đoàn thể, xã hội cũng có nhiều chương trình xã hội nhân đạo, từ thiện trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội như chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; chương trình phẫu thuật nụ cười; chương trình giáo dục chuyên biệt, hoà nhập; quỹ hỗ trợ nạn nhân chiến tranh.

Về kết quả trợ giúp pháp lý,⁸⁰ Việt Nam đã thành lập 63 Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước đặt tại 63 tỉnh/thành phố và 97 Chi nhánh của Trung tâm ở cấp huyện. Bên cạnh đó, còn có các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý gồm: (1) tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp; (2) tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý. Trong năm 2023, cả nước tiếp nhận 38.371 vụ việc trợ giúp pháp lý, đã kết thúc 33.013 vụ việc trợ giúp pháp lý cho 33.013 lượt người (tăng 19% so với năm 2022), trong đó vụ việc tham gia tố tụng là 25.506 vụ việc (chiếm 77% tổng số vụ việc, tăng 19% so với năm 2022). Trong năm 2023, tất cả vụ việc được thẩm định, đánh giá đều đạt chất lượng trở lên. Giai đoạn 2021-2023, các Trung tâm Trợ giúp pháp lý đã thực hiện 83.389 vụ việc, trong đó có 67.748 vụ trợ giúp tố tụng (chiếm khoảng 77% tổng số vụ việc). Giai đoạn này hầu hết các vụ việc được đánh giá đạt chất lượng trở lên. Nhìn chung, chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý ngày càng được nâng cao, thực sự là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý. Thông qua các vụ việc trợ giúp pháp lý đã giúp người yếu thế tiếp cận công lý, góp phần quan trọng trong xác định sự thật khách quan của vụ án, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người nghèo, đối tượng chính sách và các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội qua đó góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân.⁸¹ Bên cạnh đó, đến nay, Việt Nam đang tích cực triển khai các nội dung về trợ giúp pháp lý trong các Chương trình mục tiêu quốc gia. Nhìn chung, các văn bản triển khai nội dung trợ giúp pháp lý trong các Chương trình tại địa phương bảo đảm cụ thể, khả thi, phù hợp, không chồng chéo về đối tượng và nội dung

hỗ trợ trên cùng địa bàn; xác định rõ đối tượng thụ hưởng, cơ quan có trách nhiệm thực hiện, cơ quan phối hợp thực hiện và lộ trình thời gian thực hiện, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc phối hợp triển khai. Để thực hiện chỉ tiêu trợ giúp pháp lý theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, các Trung tâm đã tổ chức thực hiện truyền thông trợ giúp pháp lý tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã xây dựng nông thôn mới, cấp phát tài liệu miễn phí cho người dân, đồng thời lồng ghép tư vấn, hướng dẫn, giải đáp pháp luật cho nhiều trường hợp có vướng mắc về pháp lý. Qua hoạt động truyền thông, nhận thức về quyền được trợ giúp pháp lý của người dân, đặc biệt là các đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý được nâng cao, nhiều trường hợp chủ động đề nghị được trợ giúp pháp lý.

Hệ thống dịch vụ y tế của Việt Nam đang ngày một hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu của người dân. Việt Nam thành công trong việc mở rộng độ bao phủ BHYT. Năm 2008, cả nước có 11% dân số tham gia BHYT, đến năm 2009 (sau 01 năm thực hiện Luật BHYT), đã có 58% dân số tham gia BHYT.⁸² Diện bao phủ BHYT tiếp tục phát triển bền vững qua các năm: năm 2021 tỷ lệ bao phủ là 91,01% (vượt 0,01%); năm 2022 là 92,04% (vượt 0,04%); năm 2023 có trên 93,3 triệu người tham gia đạt tỷ lệ 93,35% (vượt 0,15% so với Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ) tiệm cận mục tiêu BHYT toàn dân. Hằng năm, có hơn 100 triệu lượt người khám, chữa bệnh BHYT được bảo đảm quyền lợi.⁸³ Đặc biệt thẻ BHYT được cấp miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi, nhiều nhóm đối tượng được hỗ trợ mua BHYT hoặc cấp thẻ BHYT miễn phí. Kết quả Tổng điều tra dân số năm 2019 cho thấy tỷ suất tử vong mẹ ở Việt Nam là 46/100.000 trẻ đẻ sống, giảm mạnh so với mức 69/100.000 trẻ đẻ sống năm 2009. Số ca tử vong mẹ được báo cáo trong hệ thống thống kê y tế cho thấy xu hướng tiếp tục giảm trong những năm qua và ước tính đến năm 2025 còn 42/100.000 trẻ đẻ sống (đạt chỉ tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 đề ra). Bên cạnh đó, tuổi thọ trung bình của người dân đã tăng đều đặn từ 65,5

80 Bộ Tư pháp, Báo cáo số 01/BC-BTP ngày 01/01/2024 Tình hình công tác tư pháp năm 2023, đánh giá kết quả công tác đến giữa nhiệm kỳ; định hướng nhiệm vụ công tác tư pháp đến hết nhiệm kỳ và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác năm 2024.

81 Bộ Tư pháp, Báo cáo số 01/BC-BTP ngày 01/01/2024 Tình hình công tác tư pháp năm 2023, đánh giá kết quả công tác đến giữa nhiệm kỳ; định hướng nhiệm vụ công tác tư pháp đến hết nhiệm kỳ và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác năm 2024.

82 BHXH Việt Nam, Hội nghị trực tuyến tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 07/9/2009 của Ban Bí thư về "Đẩy mạnh công tác BHYT trong tình hình mới", ngày 16/4/2024.

83 Ban cán sự Đảng Bộ Y tế, Hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 38 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác BHYT trong tình hình mới, 24/5/2024.

tuổi năm 1993 lên 73,7 tuổi năm 2023.⁸⁴ Trong đó, tuổi thọ trung bình của nữ giới là 76,5 tuổi, nam giới là 71,1 tuổi.

Việt Nam hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2017. Đến năm 2022, 63/63 tỉnh, thành phố, 100% đơn vị cấp huyện và 99,9% đơn vị cấp xã duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Mục tiêu đến năm 2025 của bậc học mầm non, đó là các địa phương huy động trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến cơ sở giáo dục mầm non để được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non đạt 95%. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo đạt 97% vào năm 2030. Ở cấp tiểu học, cũng tính đến hết năm học 2022-2023, tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi trên cả nước đạt 99,7%, tăng 0,74% so với năm học 2012-2013. Tính đến hết năm học 2022-2023, tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi ở cấp trung học cơ sở (THCS) trên cả nước đạt 91,96%, trong khi đó, tỷ lệ này ở năm học 2012-2013 đạt 89,92%, tăng 2,05%. Hiện nay, cả nước có 63/63 tỉnh, thành phố duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó có 30/63 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, tăng 6 đơn vị cấp tỉnh so với năm 2015; 11 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; 7 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3. Năm 2023, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt 94,3% (trong đó trẻ em DTTS đạt tỷ lệ 96%); tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục THCS đạt 90,7% (trong đó trẻ em người dân tộc thiểu số đạt tỷ lệ 90%).⁸⁵ Có thể nhận thấy khoảng cách giới trong tham gia giáo dục tối thiểu ở Việt Nam gần như đã được xóa bỏ.

Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ (mới tính riêng trong ngành giáo dục) là 39%, vượt chỉ tiêu đề ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.

Thời gian qua, Việt Nam cũng đã thực hiện một số giải pháp để góp phần bảo đảm sự phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19 sẽ thu hẹp khoảng cách giới trong các vấn đề liên quan đến nghèo đói, việc làm, bảo trợ xã hội, giáo dục và/hoặc sức khỏe mà đại dịch đã làm trầm trọng thêm: Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 30/3/2021 ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương

trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình; Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030”... Trong 02 năm 2021-2022, từ ngân sách nhà nước và các quỹ bảo hiểm đã chi hơn 101 nghìn tỷ đồng, hỗ trợ cho 68 triệu lượt người dân và gần 1,4 triệu lượt người sử dụng lao động chung sức vượt qua khó khăn do tác động của đại dịch COVID-19, phục hồi phát triển kinh tế - xã hội.⁸⁶ Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, duy trì, phục hồi sản xuất, từ đó giữ việc làm và thu nhập cho người lao động; các chính sách hỗ trợ người lao động, người dân (tiền mặt, tiền thuê nhà...) để duy trì nhu cầu sống tối thiểu, giữ chân người lao động, góp phần phục hồi nhanh thị trường lao động, không để xảy ra tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng lao động. Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, người lao động nữ cũng là đối tượng được tiếp cận, hưởng lợi từ các chính sách hỗ trợ này. Qua đó góp phần hỗ trợ, thúc đẩy bình đẳng giới trong nền kinh tế.⁸⁷



Chương trình “Mẹ đỡ đầu” do Hội LHPN Việt Nam thực hiện nhằm hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi bởi dịch bệnh COVID-19 và trẻ mồ côi có hoàn cảnh khó khăn. Đây là Chương trình mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc được triển khai rộng khắp, nhận được sự đánh giá cao của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và sự ủng hộ của nhân dân. Hội LHPN các tỉnh, thành, đơn vị đã lựa chọn những cách làm phù hợp, có thể trực tiếp nhận hoặc làm cầu nối hỗ trợ nguồn lực, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mồ côi, giúp các em có cuộc sống ổn định về

⁸⁴ Bộ Y tế, Thông tin tại Lễ mít tinh hưởng ứng Ngày Dân số thế giới, 7/2023; Tổng cục Thống kê, Thông cáo báo chí về tình hình dân số, lao động việc làm Quý IV và năm 2023, ngày 29/12/2023.

⁸⁵ Chính phủ, Báo cáo số 237/BC-CP ngày 16/5/2023 Kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023, Phụ lục 01.

⁸⁶ Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, <https://molisa.gov.vn/baiviet/235386?tintucID=235386>, 25/01/2023.

⁸⁷ Công văn số 6255/BKHĐT-LĐVX ngày 06/8/2024 của Bộ KH&ĐT.

vật chất, tinh thần. Sau một năm, Chương trình được các cấp Hội hưởng ứng triển khai, thu hút sự quan tâm của các cấp, các ngành, các đơn vị, tổ chức và các cá nhân đồng hành cùng với tổ chức Hội. Tính đến tháng 5/2024, Hội LHPN các cấp và hội viên, phụ nữ cả nước đã vận động được gần 170 tỷ đồng, hỗ trợ chăm sóc, đỡ đầu gần 30.900 trẻ mồ côi có hoàn cảnh khó khăn trên cả nước.⁸⁸

2.3. Một số khó khăn và thách thức

Phần lớn các chính sách về trợ giúp xã hội thường xuyên và trợ giúp xã hội đột xuất đều trung tính về giới.

Các chính sách trợ giúp xã hội mới chỉ tập trung vào khắc phục rủi ro cho nhóm người nghèo, yếu thế và dễ bị tổn thương, chưa chú trọng nhiều đến việc tăng cường khả năng phòng ngừa và ứng phó với rủi ro của người dân theo vòng đời. Mức trợ giúp xã hội còn thấp so với mức sống của

người dân. Cơ sở vật chất của một số cơ sở trợ giúp xã hội còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ làm công tác xã hội hiện nay còn hạn chế, các dịch vụ giúp hành nghề công tác xã hội chưa phát triển. Trong thực tế, sự tham gia của hệ thống tư nhân (doanh nghiệp và cá nhân) vào công tác bảo trợ xã hội chưa cao.

Tình trạng phá thai ở người chưa thành niên, phá thai tại một số cơ sở y tế tư nhân không đảm bảo điều kiện vẫn diễn ra. Con của phụ nữ di cư còn gặp khó khăn trong tiếp cận giáo dục công lập.

Nội dung giáo dục giới tính trong nhà trường đã được đưa vào chương trình giảng dạy nhưng nội dung này vẫn còn mới, sơ lược, kiến thức đang tập trung nhiều ở lý thuyết. Giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy đối với nội dung này. Bên cạnh đó, hiện còn thiếu thông tin, số liệu thống kê đã được phân tích trong mảng giáo dục, đặc biệt là lĩnh vực STEM để phân tích rõ được khoảng cách giới tính.

88 Công văn số 3647/DCT-QT ngày 01/7/2024 của Đoàn Chủ tịch, Hội LHPN Việt Nam.

3. Không bị bạo lực, kỳ thị và định kiến

3.1. Chính sách, pháp luật và hoạt động đã triển khai

Phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới đã và đang được Chính phủ Việt Nam quan tâm và ưu tiên thực hiện. Căn cứ vào quy định của Hiến pháp năm 2013,⁸⁹ Luật Bình đẳng giới năm 2006 và các văn bản pháp luật có liên quan, trong giai đoạn này các nội dung điều chỉnh những hành vi vi phạm, bạo lực trong lĩnh vực bình đẳng giới và gia đình tiếp tục được đưa vào các VBQPPL quan trọng như Bộ luật Lao động năm 2019; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 và nhiều văn bản dưới luật khác.⁹⁰

Tiếp nối, củng cố những kết quả đã đạt được trong công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch hành

động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, năm 2020 Việt Nam ban hành Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu chung là tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, ngăn chặn sự gia tăng của tình trạng này thông qua việc nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân và phát triển, tăng cường khả năng đáp ứng của các cơ sở cung cấp dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Bộ LĐTBXH ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai cho cả giai đoạn đến năm 2025 và trong hướng dẫn công tác hằng năm,⁹¹ trong đó cụ thể các nhiệm vụ và giải pháp cho từng nhiệm vụ, mục tiêu cho giai đoạn và hằng năm gồm: Truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới bằng các hình thức đa dạng, phù hợp với các nhóm đối tượng; duy trì, nhân rộng và nâng cao hiệu quả các mô hình, cơ sở cung cấp dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, cộng tác viên phụ trách lĩnh vực liên quan đến bạo lực trên

89 Khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

90 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình; Nghị định số 125/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới...

91 Công văn số 212/LĐTBXH-BĐG ngày 26/01/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

cơ sở giới; huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế trong phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Bên cạnh đó, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 đã xác định phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới là một mục tiêu để bảo đảm bình đẳng giới. Để thực hiện các văn bản trên, ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, ngành cơ quan Trung ương và các địa phương; các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án liên quan khác để thực hiện hoạt động và giải pháp của Chiến lược và Chương trình.

Về phòng, chống bạo lực gia đình, Việt Nam thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình vào năm 2022 thay thế cho Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 với cách tiếp cận dựa trên quyền con người và lấy người bị bạo lực gia đình làm trung tâm, sửa đổi, bổ sung các hành vi bạo lực gia đình. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 thực hiện phòng ngừa bạo lực gia đình chủ động với quy định về thông tin truyền thông, giáo dục các kiến thức, kỹ năng trong phòng, chống bạo lực gia đình. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 sửa đổi, bổ sung các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình để khắc phục những bất cập của Luật năm 2007, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Luật cũng sửa đổi quy định về hòa giải nhằm tránh lợi dụng hòa giải để trốn tránh xử lý hành vi bạo lực gia đình; bổ sung quy định về “Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình”; và bổ sung trách nhiệm trong xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình và sử dụng âm thanh, hình ảnh về hành vi bạo lực gia đình. Cùng với đó, điểm mới của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 là khuyến khích xã hội hóa công tác phòng, chống bạo lực gia đình, đồng thời nâng cao trách nhiệm của Nhà nước trong bố trí nguồn lực cho phòng, chống bạo lực gia đình để hướng tới xây dựng và phát triển các cơ sở trợ giúp về phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động chuyên nghiệp hiệu quả. Thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, ngày 01/11/2023 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 76/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình trong đó có nội dung liên quan đến bảo vệ hỗ trợ an toàn cho người bị bạo lực là phụ nữ. Luật xử lý vi phạm hành chính có quy định về việc người có hành vi bạo lực gia đình vi phạm quyết định cấm tiếp xúc theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình có

thể bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính với mục đích ngăn chặn ngay hành vi có khả năng thực tế xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác (điểm d khoản 1 Điều 120). Bên cạnh đó, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình dành một mục riêng (vi phạm hành chính về phòng, chống bạo lực gia đình), quy định cụ thể các hành vi vi phạm hành chính về bạo lực gia đình.

Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 đã đề ra các mục tiêu về giải quyết vụ việc bạo lực gia đình, hỗ trợ cung cấp các dịch vụ thiết yếu nhằm giảm tác hại của bạo lực gia đình, đặc biệt với phụ nữ, người yếu thế và trẻ em. Để góp phần thực hiện hiệu quả Chiến lược, Việt Nam đã phê duyệt Chương trình quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025.⁹² Mục tiêu của Chương trình nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống bạo lực gia đình tạo chuyển biến về nhận thức, hành động trong phòng, chống bạo lực để từng bước giảm dần bạo lực gia đình, kịp thời hỗ trợ người bị bạo lực gia đình.

Về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc, Bộ luật Lao động năm 2019 quy định nhiều điểm mới về chính sách đối với lao động nữ. Trên cơ sở thay đổi từ quan điểm bảo vệ lao động nữ sang thúc đẩy và bảo đảm thực hiện bình đẳng giới, có nhiều chính sách mở nhằm phát huy vai trò của lao động nữ cũng như quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Khái niệm về quấy rối tình dục tại nơi làm việc được quy định cụ thể tại khoản 9 Điều 3 bộ luật này: “Quấy rối tình dục tại nơi làm việc là hành vi có tính chất tình dục của bất kỳ người nào đối với người khác tại nơi làm việc mà không được người đó mong muốn hoặc chấp nhận. Nơi làm việc là bất kỳ nơi nào mà người lao động thực tế làm việc theo thỏa thuận hoặc phân công của người sử dụng lao động”.⁹³ Các hành vi về quấy rối tình dục nơi công cộng hiện nay được xử phạt theo Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống

⁹² Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 13/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

⁹³ Hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, BHXH, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. So với quy định trước đây,⁹⁴ Nghị định số 144/2021/NĐ-CP đã quy định đa dạng hơn các hành vi vi phạm về quấy rối tình dục nơi công cộng, tăng mức tiền phạt đối với các hành vi về quấy rối tình dục nơi công cộng lên một cách đáng kể.

Về phòng, chống mua bán người, Việt Nam đã ban hành Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.⁹⁵ Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, địa phương đã nghiêm túc, tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình. Ngoài ra, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 giao Bộ Công an chủ trì, xây dựng, triển khai và báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống mua bán người; Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030⁹⁶ đưa ra nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống tội phạm mua bán trẻ em vì mục đích bóc lột sức lao động. Đặc biệt, để tăng cường sự phối hợp và thực hiện có hiệu quả công tác tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, Bộ LĐTBXH, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao ban hành Quy chế phối hợp trong công tác tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán. Đây là một dấu mốc quan trọng, khẳng định nỗ lực và quyết tâm chung trong công tác phòng, chống mua bán người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân bị mua bán, khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn phối hợp triển khai việc tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân. Việc ban hành Quy chế đã truyền đi thông điệp mạnh mẽ về cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người. Bên cạnh đó, Hội LHPN Việt Nam chủ trì thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền về phòng, chống mua bán người tại cộng đồng, trong đó chú trọng tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi tại cộng đồng, đổi mới hình thức tuyên truyền; Xây dựng, nhân rộng các mô hình truyền thông; mô hình hỗ trợ nạn nhân có hiệu quả về mua bán người; cung cấp thông tin và kết nối nạn nhân với các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân cộng đồng; tạo điều kiện để nạn nhân bị mua bán được tham gia các chương trình hỗ trợ vay vốn của Hội phụ nữ các cấp; Nâng cao kỹ năng

tuyên truyền về phòng, chống mua bán người cho mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên tại địa phương.⁹⁷

Để cung cấp các hỗ trợ cần thiết và kịp thời cho nạn nhân bị mua bán người, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội,⁹⁸ theo đó quy định nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục, thân thể; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động là đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp thuộc diện nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tạm thời tại cộng đồng. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Việc quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội, đồng thời cũng mở rộng các loại hình dịch vụ, trong đó có các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

Về phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, để thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống xâm hại trẻ em và mua bán người, Bộ Công an ban hành Thông tư số 43/2021/TT-BCA ngày 22/4/2021 quy định trách nhiệm của lực lượng công an nhân dân trong việc thực hiện một số trình tự, thủ tục tố tụng hình sự thân thiện trong quá trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, điều tra vụ án xâm hại người dưới 18 tuổi. Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có các quy định nhằm ngăn chặn mua bán người trong lĩnh vực việc làm và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng với các quy định cụ thể như Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định doanh nghiệp dịch vụ bị thu hồi Giấy phép nếu lợi dụng hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để mua bán người, bóc lột, cưỡng bức lao động. Đồng thời, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã ban hành Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của Bộ luật Hình sự, hướng dẫn giải quyết các vướng mắc trong thực tiễn xét xử và việc tổ chức xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi. Bên cạnh đó, ngày 16/6/2023, Bộ LĐTBXH, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ

94 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

95 Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

96 Quyết định số 782/QĐ-TTg ngày 27/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

97 Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

98 Nghị định này được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ.

Công an đã ban hành Quy chế phối hợp số 2236/QCPH-LĐTĐBXH-GDĐT-YT-CA về phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em.

Để có các hành động can thiệp nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn, cưỡng ép kết hôn vẫn còn tồn tại ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực có điều kiện kinh tế khó khăn, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trong đó có riêng 1 dự án về thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (Dự án 8).

Về phòng, chống bạo lực, xâm hại trên không gian mạng, Việt Nam đã Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025”⁹⁹ nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện các hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng, xử lý các hành vi lợi dụng môi trường mạng thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm đối với trẻ em dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật. Thực hiện Chương trình trên, các cơ quan liên quan đã thiết lập quy chế phối hợp liên ngành trong tiếp nhận thông tin, điều tra, xử lý đối với các hành vi xâm hại trẻ em và theo dõi dữ liệu liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em trên môi trường mạng; Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong đó quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em, đảm bảo hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em luôn được thực hiện theo nguyên tắc bảo vệ quyền và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Bên cạnh đó, ngày 18/8/2022, Bộ Công an, Bộ LĐTĐBXH, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chế số 05/QC-BCA-BLĐTĐBXH-BTTTT phối hợp giữa Bộ Công an, Bộ LĐTĐBXH, Bộ Thông tin và Truyền thông trong tiếp nhận thông tin, điều tra xử lý đối với cách hành vi xâm hại trẻ em và theo dõi dữ liệu liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em trên môi trường mạng.

Việt Nam là một trong số ít quốc gia trên thế giới thực hiện điều tra quốc gia lần thứ 2 về bạo lực đối với phụ nữ (năm 2019). Sau gần 10 năm kể từ cuộc điều tra lần thứ nhất (năm 2010), các kết quả thu được cho thấy những thay đổi tích cực và một số tồn tại, hạn chế. Thay đổi tích cực đang diễn ra rõ nét ở nhóm phụ nữ trẻ tuổi. Những người có trình độ học vấn cao có tỷ lệ bị bạo lực cũng thấp hơn và điều này cho thấy học vấn có ý nghĩa rất

quan trọng, giúp phụ nữ tự tin hơn, mạnh mẽ và độc lập hơn trong cuộc sống.¹⁰⁰

Vấn đề chống kỳ thị, không phân biệt đối xử nói chung và đối với một số nhóm yếu thế cũng được pháp luật Việt Nam quy định khá cụ thể. Hiến pháp năm 2013 quy định: “Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội” (khoản 2 Điều 16).¹⁰¹ Nguyên tắc này đã được cụ thể hóa trong nhiều đạo luật (bao gồm cả những quy định sẵn có trong các đạo luật đã được thông qua trước sự ra đời của Hiến pháp năm 2013). Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nguyên tắc mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) coi không phân biệt đối xử là một nguyên tắc cơ bản trong xử lý người phạm tội. Bộ luật Lao động năm 2019 nghiêm cấm phân biệt đối xử trong lao động (khoản 1 Điều 8). Nguyên tắc cấm phân biệt đối xử đã được nhấn mạnh trong các luật về bảo vệ quyền của các nhóm yếu thế. Điều 5 Luật Bình đẳng giới năm 2006 định nghĩa phân biệt đối xử về giới là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình đồng thời coi “nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới” là một nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới. Luật Trẻ em năm 2016 (Điều 6) nghiêm cấm kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em. Luật Quảng cáo năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) cấm quảng cáo có tính chất kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc, xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo, định kiến về giới, về người khuyết tật (khoản 6 Điều 8)... Ngoài ra, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính cũng có nhiều quy định về hành vi bị nghiêm cấm và xử phạt liên quan đến phân biệt đối xử.

3.2. Kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2019-2023, việc bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng cho đội cán bộ quản lý nhà nước, nhân viên công tác xã hội, người cung cấp dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, phòng, chống xâm hại

99 Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

100 Báo cáo Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019.

101 Nguyên tắc không phân biệt đối xử cũng được quy định tại một số điều khoản khác của Hiến pháp năm 2013: khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 24, khoản 1, 3 Điều 26.

bạo lực trẻ em và công tác truyền thông về phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới và bạo lực, xâm hại trẻ em tiếp tục được Chính phủ Việt Nam quan tâm triển khai thực hiện.

Nội dung tập huấn tập trung vào cung cấp các kiến thức, kỹ năng trợ giúp cho người bị bạo lực; kỹ năng phối hợp trong phòng ngừa và ứng phó với bạo lực; kỹ năng làm việc với người gây bạo lực; quản lý ca... Bộ LĐTBXH tổ chức biên soạn và tập huấn thử nghiệm Bộ tài liệu tập huấn giảng viên nguồn về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; phát hành Danh bạ địa chỉ cơ quan, tổ chức cung cấp các dịch vụ hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực, xâm hại; tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề, hội thi, trong đó có Hội thảo chia sẻ các Mô hình về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tại Việt Nam và các nước ASEAN; tái bản 1.000 cuốn tài liệu Hướng dẫn thực hành quản lý trường hợp với người bị bạo lực trên cơ sở giới; tiến hành khảo sát về an toàn nơi công cộng đối với phụ nữ, trẻ em gái... Bộ Công an phối hợp với UN Women tổ chức 4 hội thảo tập huấn về hướng dẫn điều tra có nhạy cảm giới trong các vụ liên quan đến tội phạm mua bán người và hướng dẫn hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ bị mua bán. Bộ Công an đã tổ chức các buổi tập huấn cho điều tra viên và cán bộ điều tra kỹ năng làm việc thân thiện với nạn nhân là trẻ em, kỹ năng giải quyết tin báo tố giác tội phạm, cũng như kỹ năng tiếp xúc ban đầu đối với tin báo tố giác tội phạm như thế nào trong các vụ xâm hại tình dục trẻ em. Bộ Công an cũng đã biên soạn 2 tài liệu tập huấn cấp phát cho cơ sở; đồng thời, cấp phát 1.400 chứng chỉ cho các điều tra viên về kỹ năng làm việc thân thiện với nạn nhân trong quá trình giải quyết vụ việc. Bộ Tư pháp đã xây dựng nhiều tài liệu hướng dẫn¹⁰² và tổ chức tập huấn cho Trợ giúp viên pháp lý, chuyên viên pháp lý, người tập sự Trợ giúp pháp lý, luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của một số Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Từ năm 2019 đến nay, Việt Nam tiếp tục tập trung nguồn lực cho công tác truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, bao gồm “Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức

vào tháng 6 hằng năm, “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới” do Bộ LĐTBXH chủ trì từ ngày 15/11 đến ngày 15/12 hằng năm. Các sáng kiến này bao gồm chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức cho các thành viên trong cộng đồng, lãnh đạo ở địa phương, nhà hoạch định chính sách cũng như xây dựng tài liệu giáo dục và truyền thông, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện bình đẳng giới tại các địa phương. Công an các địa phương phối hợp với các sở, ngành, tổ chức đoàn thể vận động, tuyên truyền phát động quần chúng tố giác tội phạm qua hộp thư, hòm thư tố giác, qua số điện thoại, đường dây nóng; lồng ghép nội dung phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới và phòng, chống bạo lực gia đình trong các buổi tuyên truyền phòng, chống tội phạm, ma túy, mua bán người và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo tăng cường vận động nhân dân đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội, ngăn chặn buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới. Do đó, nhận thức và sự quan tâm của cộng đồng đối với hoạt động phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới ở địa phương đã có những thay đổi tích cực, góp phần nâng cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực này.

Bộ Công an chỉ đạo lực lượng công an các cấp tổ chức điều tra cơ bản, nắm tình hình, xác định diện nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới và bạo lực gia đình, đặc biệt nạn nhân là trẻ em; diện đối tượng xâm hại và bạo lực; xác định các hành vi bạo lực, xâm hại có nguyên nhân từ gia đình, như: gia đình có cha, mẹ phạm tội, nghiện ma túy; gia đình thường xuyên có các hành vi bạo lực, bạo hành với nhau và với phụ nữ, trẻ em,...; chỉ đạo lực lượng công an các cấp triển khai các Kế hoạch cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, trong đó có tội phạm liên quan đến bạo lực gia đình nhằm đảm bảo an ninh, trật tự trong các dịp lễ, tết, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội trên phạm vi toàn quốc; phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam xây dựng và phát sóng phim phóng sự “Nâng cao hiệu quả phòng, chống mua bán người”; xây dựng và phát sóng chuyên mục “Nhận diện tội phạm mua bán người”; phối hợp với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng chỉ đạo lực lượng Công an và Biên phòng các địa phương biên giới điều tra cơ bản tình hình tội phạm mua bán người trên các tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia; triển khai cao điểm tấn công trấn áp tội phạm mua bán người năm 2023, trong đó trọng tâm chỉ đạo lực lượng Cảnh sát hình sự nắm chắc tình hình

¹⁰² Tài liệu hướng dẫn trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực và nạn nhân bị mua bán; Tài liệu hướng dẫn trợ giúp pháp lý có nhạy cảm giới và phối hợp cho nạn nhân bạo lực và mua bán người; Một số lớp tập huấn trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật dựa trên quyền và nhạy cảm giới; cho nạn nhân bạo lực và nạn nhân bị mua bán và Tài liệu hướng dẫn trợ giúp pháp lý nhạy cảm giới và phối hợp cho nạn nhân bạo lực và mua bán người.

từ cơ sở, chủ động phân tích, nhận diện, dự báo chính xác tình hình tội phạm mua bán người và các loại tội phạm có liên quan; chỉ đạo Công an các địa phương biên giới phối hợp chặt chẽ với lực lượng Biên phòng duy trì tổ chức giao ban, gặp gỡ, đàm phán, trao đổi thông tin qua đường dây nóng, tuần tra kiểm soát biên giới, triển khai các kế hoạch nghiệp vụ với đơn vị đối đẳng trong đấu tranh trấn áp tội phạm mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi¹⁰³; kịp thời xác minh, trao trả trẻ em là nạn nhân bị mua bán trở về; trao đổi thông tin qua hợp tác với Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (Interpol, Aseanapol) về thông tin các đối tượng có tiền án, tiền sự phạm tội xâm hại trẻ em ở nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam để có biện pháp phòng ngừa.¹⁰⁴ Bộ Công an triển khai sử dụng và tuyên truyền rộng rãi ứng dụng “Người trợ lý ảo - Phòng, chống xâm hại trẻ em” hướng dẫn kỹ năng tuyên truyền, phòng, chống xâm hại trẻ em, mua bán người đến cán bộ, chiến sỹ và Nhân dân. Đến nay, ứng dụng đã có gần 20.000 lượt tải, sử dụng và đánh giá tích cực trên hệ điều hành Android - Google Play. Đến tháng 7/2024, Bộ Công an đã triển khai xây dựng mô hình “Phòng điều tra thân thiện” tại 100% các đơn vị, địa phương để giải quyết các vụ việc liên quan đến người dưới 18 tuổi, trong đó tập trung vào các đối tượng là phụ nữ, trẻ em gái.¹⁰⁵ Đồng thời, xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng điều tra thân thiện cho lực lượng công an cấp cơ sở.

Tính đến tháng 6/2024, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức được 41 Tòa gia đình và người chưa thành niên tại 38 Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 01 Tòa án nhân dân cấp huyện, 02 Tòa án nhân dân cấp cao và thành lập Vụ Giám đốc, kiểm tra lao động, gia đình và người chưa thành niên tại Tòa án nhân dân tối cao.¹⁰⁶

Việt Nam đã có giải pháp chỉ đạo các nhà xuất bản không được phép xuất bản các ấn phẩm, sách báo các loại có nội dung phân biệt về giới, định kiến về giới dưới mọi hình thức, không xác nhận đăng ký xuất bản những ấn phẩm có liên quan đến phân biệt về giới dưới mọi hình thức nhằm quản lý chặt

chế lĩnh vực này.¹⁰⁷

Các mô hình thúc đẩy bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới từng bước phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ đối tượng. Các dịch vụ hỗ trợ cho nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới (gồm bạo lực gia đình, mua bán người, xâm hại tình dục, mại dâm ép buộc) đã được quan tâm phát triển. Các dịch vụ nêu trên được thực hiện ở các cấp độ khác nhau, tùy thuộc vào quy mô của các cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ người bị bạo lực như: địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh ở cộng đồng; cơ sở trợ giúp xã hội (công lập và ngoài công lập); mô hình thí điểm Trung tâm dịch vụ một cửa hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới. Năm 2018, Bộ LĐTBXH đã ban hành Quy định tiêu chuẩn tạm thời về điều kiện tối thiểu của Địa chỉ tin cậy - Nhà tạm lánh tại cộng đồng và đến nay vẫn đang tiếp tục thực hiện quy định này.¹⁰⁸ Thông qua việc thực hiện các mô hình đã góp phần nâng cao nhận thức, năng lực và trách nhiệm của chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức liên quan và cộng đồng trong việc phòng ngừa và ứng phó bạo lực trên cơ sở giới, chú trọng nhóm đối tượng có nguy cơ cao gây bạo lực, đối tượng dễ bị tổn thương do bạo lực trên cơ sở giới. Đến năm 2024, Việt Nam có hơn 6.000 mô hình, cơ sở hỗ trợ, cung cấp dịch vụ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình với các hình thức hỗ trợ thiết thực, từng bước đáp ứng nhu cầu của người bị bạo lực. Một số mô hình có hiệu quả tiếp tục được triển khai và nhân rộng như: Nhà Bình yên; Trung tâm dịch vụ một cửa hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới (mô hình Ngôi nhà Ánh Dương); mô hình một cửa hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực, xâm hại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (Mô hình Bồ Công Anh); mô hình thành phố an toàn, thân thiện, không bạo lực; đường dây nóng tư vấn hỗ trợ người bị bạo lực của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (1800.1768), mô hình “Bữa sáng ruy băng trắng”... Các mô hình này đã phát huy hiệu quả trong việc tiếp nhận người cần sự hỗ trợ ngay tại cộng đồng; cung cấp các dịch vụ tư vấn; hỗ trợ các dịch vụ thiết yếu và kết nối, chuyển tuyến hỗ

103 Phối hợp Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng chỉ đạo hệ lực lượng 10 địa phương giáp Lào điều tra cơ bản tình hình tội phạm mua bán người trên tuyến biên giới Việt Nam - Lào.

104 Báo cáo Kết quả thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, công tác gia đình và trẻ em trong Công an nhân dân năm 2023.

105 Công văn số 2314/BCA-X036 ngày 11/7/2024 của Bộ Công an.

106 Tòa án nhân dân tối cao, Báo cáo Tổng kết thực tiễn thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Hà Nội, năm 2022. Đồng thời, số liệu này cũng được Tòa án nhân dân tối cao cung cấp tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội Khóa XV, tháng 6/2024.

107 Bộ Thông tin và Truyền thông.

108 Ban hành theo Quyết định số 1814/QĐ-LĐTBXH ngày 18/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH. Các hoạt động triển khai của các Địa chỉ tin cậy - Nhà tạm lánh tại cộng đồng áp dụng theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 12/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình phát triển công tác xã hội, trợ giúp người khuyết tật, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030.

trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới tới các dịch vụ chuyên biệt theo nhu cầu. Thông qua các mô hình đang được thí điểm triển khai, Bộ LĐTBXH tiếp tục nghiên cứu để xây dựng các văn bản hướng dẫn về điều kiện, tiêu chuẩn của các mô hình, cơ sở cung cấp dịch vụ, quy chế phối hợp liên ngành trong phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới cho phù hợp với thực tiễn và khả thi khi áp dụng triển khai. Hiện nay, 100% cơ sở trợ giúp xã hội công lập đều triển khai nhiệm vụ trợ giúp cho đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp là nạn nhân của bạo lực gia đình, nạn nhân bị xâm hại tình dục, nạn nhân bị buôn bán, nạn nhân bị cưỡng bức lao động theo quy định.¹⁰⁹

Hội LHPN Việt Nam đã chủ động thành lập các mạng lưới, Tổ tư vấn pháp luật và tâm lý, Tổ công tác tham mưu giải quyết các vụ việc, điểm nóng liên quan đến phụ nữ, trẻ em ở cả trung ương và cấp tỉnh/thành phố. Giai đoạn 2017-2022 đã có 31.333 vụ việc về bạo lực gia đình, bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em do phụ nữ thông báo/tổ giác 5.663 vụ việc. Nhiều vụ việc xâm hại phụ nữ, trẻ em nghiêm trọng do Trung ương Hội LHPN Việt Nam kiến nghị đã được các cơ quan tiến hành tố tụng phúc đáp văn bản, chỉ đạo giải quyết kịp thời vụ việc.¹¹⁰ Hội cũng đã phối hợp với UN Women tổ chức Diễn đàn quốc tế “Phụ nữ, An ninh Mạng và STEM” nhằm hưởng ứng chủ đề do Liên hợp quốc phát động, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm và kêu gọi nỗ lực chung thúc đẩy bình đẳng giới, khuyến khích phụ nữ làm chủ Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học (STEM) và không gian mạng. Đồng thời, Hội LHPN Việt Nam thí điểm mô hình “CLB Phụ nữ hội nhập trên môi trường mạng” tại Hà Tĩnh để tuyên truyền nâng cao nhận thức về mặt tích cực và hạn chế của sử dụng internet và mạng xã hội; kỹ năng tự bảo vệ mình khi tham gia mạng xã hội (nhận diện tin giả, kiểm chứng thông tin, ứng xử văn minh trên mạng...).

Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức phát động Cuộc vận động “Ứng xử văn minh trên không gian mạng” giai đoạn 2023-2030, với mục tiêu tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thanh thiếu niên về ý thức, trách nhiệm đối với việc ứng xử trên mạng xã hội, giúp thanh thiếu niên chủ động thay đổi, điều chỉnh hành vi để tham gia không gian mạng an toàn, lành mạnh.

Mạng lưới đối tác hành động về phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới được thành lập (12/2021) và duy trì hoạt động qua các cuộc họp thường kỳ.¹¹¹ Đây là diễn đàn để các thành viên Mạng lưới cùng trao đổi, chia sẻ, cập nhật về các hoạt động phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới được các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện; tham gia thảo luận, góp ý đối với các dự thảo VBQPPL có liên quan; chia sẻ về các sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả lĩnh vực công tác này.

Giai đoạn 2020-2023, Bộ LĐTBXH đã tổ chức các đoàn kiểm tra việc thực hiện Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025. Qua báo cáo kết quả thực hiện của các địa phương cho thấy một số địa phương quan tâm và thực hiện tốt Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới như: Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh...

Ngoài ra, nhiều hoạt động, dự án can thiệp của các tổ chức phi chính phủ và tổ chức quốc tế đã mang lại những hiệu quả trong can thiệp, giúp đỡ nạn nhân bị bạo lực gia đình nói riêng và bạo lực trên cơ sở giới nói chung. Một số tổ chức đã rất tích cực trong các hoạt động truyền thông, can thiệp ứng phó giúp đỡ nạn nhân bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới như UN Women, UNFPA, UNICEF, UNODC, Plan International, CSAGA ...

Tình trạng bạo lực đối với phụ nữ, bạo lực gia đình ở địa phương ngày càng được quan tâm giải quyết và các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện tốt hơn. Dịch bệnh COVID-19 không chỉ ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội mà còn gây tác động tiêu cực tới phụ nữ và trẻ em. Tỷ lệ bạo lực gia đình được phát hiện vào tháng 4/2020 đã tăng 7% so với tháng 12/2019. Giai đoạn 2021-2023, số nạn nhân bạo lực gia đình được phát hiện là 11.658 người¹¹². Tính riêng số liệu của năm 2023, có 3.193 nạn nhân của bạo lực gia đình, trong đó: nạn nhân nữ là 2.628 người, chiếm 82,3% (năm 2022 là 3.440 người, chiếm 87,73%); nạn nhân là nam giới là 565 người, chiếm 17,7%, năm 2022 là

109 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ).

110 Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), Báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững năm 2022, Hà Nội, tháng 7/2023.

111 Mạng lưới có sự tham gia của 40 thành viên là đại diện các cơ quan Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức Liên hợp quốc và các chuyên gia, luật sư, nhà báo. Mục tiêu của Mạng lưới nhằm huy động và kết nối các sáng kiến, kinh nghiệm, nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

112 Tổng hợp từ Báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới của Chính phủ các năm 2021, 2022, 2023.

481 người, chiếm 12,27%.¹¹³ Như vậy, so với các năm trước số vụ và số nạn nhân của bạo lực gia đình đều giảm. Dựa vào số liệu thống kê cho thấy, trong năm 2023 việc tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ đang có xu hướng tăng, cụ thể: số nạn nhân được tư vấn là 74,6% (năm 2022 là 74%), số nạn nhân được chăm sóc hỗ trợ sau bạo lực là 22,5% (năm 2022 là 19,3%), hỗ trợ cai nghiện rượu 2,9% (năm 2022 là 1%), đào tạo nghề là 2,7% (năm 2022 là 2,04%). Năm 2023, tổng số người gây bạo lực gia đình là 3.208 người (năm 2022 là 3.975), trong đó nam giới là 2.677 người chiếm (83,4%), nữ giới là 531 chiếm (16,6%). Số người gây bạo lực gia đình bị chịu các hình thức xử lý là 2.949/3.208 người (92%), trong đó biện pháp chủ yếu là góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư (2.215 người, chiếm 75,1%); áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc 58 người; áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã/phường/thị trấn 259 người; xử phạt vi phạm hành chính 288 người; xử lý hình sự 129 người.¹¹⁴ Đa phần các nạn nhân được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản như tư vấn; chăm sóc hỗ trợ sau khi bị bạo lực; hỗ trợ cần thiết khác (cai nghiện rượu, điều trị rối loạn tâm thần do chất gây nghiện; đào tạo nghề, giới thiệu việc làm).

Trong giai đoạn này, cơ quan công an đã tiếp nhận và giải quyết 560 tố giác, tin báo về tội phạm mua bán người và liên quan đến mua bán người, xử lý hình sự 808 đối tượng.¹¹⁵ Lực lượng Bộ đội biên phòng đã triển khai đồng bộ các biện pháp, kịp thời phát hiện, bắt giữ, xử lý 400 vụ với 231 đối tượng; giải cứu, tiếp nhận 276 nạn nhân và nghi nạn nhân bị bán qua biên giới.¹¹⁶ Đường dây nóng tư vấn và hỗ trợ nạn nhân của mua bán người tiếp nhận và tư vấn 1.537 cuộc gọi trong đó có 77 cuộc gọi từ trẻ em, chuyển tuyến 64 ca để hỗ trợ cho 72 nạn nhân bị mua bán người.¹¹⁷ Sau khi tiếp nhận nạn nhân, các cơ quan chức năng đã lập hồ sơ, tiến hành các thủ tục hỗ trợ cho nạn nhân bị mua bán trở về theo các quy định. Các nạn nhân được sắp xếp chỗ ăn, ở an toàn, được tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe, giáo dục kỹ năng sống, trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu, được chuyển tuyến về gia đình và các cơ sở hỗ trợ nạn nhân khác an toàn. Như vậy, 100% nạn nhân bị mua bán trở về

được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ đều được hưởng các dịch vụ hỗ trợ theo đúng quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

Khảo sát trực tuyến về vấn đề an toàn với phụ nữ và trẻ em gái ở nơi công cộng trong 2 năm 2022 và 2023 đã được Bộ LĐTBXH phối hợp với tổ chức Plan International Việt Nam thực hiện với mục tiêu tập trung tìm hiểu về thực trạng an toàn nơi công cộng; vấn đề quấy rối tình dục tại nơi công cộng và tìm kiếm sự trợ giúp của nạn nhân bị bạo lực, quấy rối nơi công cộng. Kết quả khảo sát cho thấy vấn đề an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái ở nơi công cộng đã có những cải thiện tích cực hơn thông qua việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Tình trạng quấy rối tình dục ở nơi công cộng đã giảm đáng kể do những thành quả từ chương trình xây dựng nông thôn mới mang lại: treo lắp đèn đường, sang sửa đường phố, cơ sở hạ tầng, lắp đặt camera... Tuy nhiên, các cơ quan chức năng ở cả Trung ương và địa phương cần tiếp tục nỗ lực để thực hiện hiệu quả hơn nữa việc bảo đảm an toàn cho người dân nói chung, phụ nữ và trẻ em gái nói riêng khi tham gia vào các hoạt động ở nơi công cộng.

Theo số liệu thống kê từ Bộ LĐTBXH, từ năm 2021-2023, có 185 lượt thông báo về các kênh, clip có nội dung độc hại với trẻ em trên môi trường mạng; có 1.300 cuộc gọi đến tổng đài 111 với nội dung bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng. Bộ Thông tin và Truyền thông đã làm việc với các nền tảng xuyên biên giới, điển hình là Facebook, Google, TikTok, Youtube... và yêu cầu các nền tảng này phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, phải ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung vi phạm pháp luật, nội dung độc hại. Nhờ đó, tỷ lệ ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung vi phạm pháp luật trên các nền tảng này đều tăng và các nền tảng này đều đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của Chính phủ Việt Nam. Từ 2020 đến nay, Facebook đã chặn gỡ 105 hội nhóm có nội dung độc hại liên quan đến trẻ em, phụ nữ đồng thời Facebook đã cam kết thực hiện tiếp nhận không giới hạn đối với các vi phạm liên quan tới dân sự như xử lý các group độc hại liên quan đến trẻ em, quảng cáo vi phạm...; YouTube tăng cường xử lý các kênh vi phạm, giảm thời gian xử lý; TikTok nâng cấp đội ngũ kiểm duyệt viên tại Việt Nam, tăng cường biện pháp bảo vệ trẻ em trên mạng, kiểm soát tốt hơn các nội dung trên nền tảng của mình, hạn chế tối đa nội dung độc hại, không phù hợp với văn hóa Việt Nam.¹¹⁸

113 Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Báo cáo số 27/BC-BVHTTDL ngày 31/01/2024 của về thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023.

114 Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Báo cáo số 27/BC-BVHTTDL ngày 31/01/2024 về thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023, Hà Nội.

115 Công văn số 2314/BCA-X036 ngày 11/7/2024 của Bộ Công an.

116 Công văn số 3374/BQP-CT ngày 19/8/2024 của Bộ Quốc phòng.

117 Công văn số 443/CTE-PTTG ngày 27/6/2024 của Cục Trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

118 Công văn số 2903/BTTTT-HTQT ngày 22/7/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đã trình Chính phủ Nghị định thay thế Nghị định 72/2013/NĐ-CP và Nghị định 27/2018/NĐ-CP, trong đó đã bổ sung các quy định cụ thể đối với mạng xã hội (cả trong nước và nước ngoài) nhằm bảo vệ trẻ em và phụ nữ khỏi các nội dung xấu, độc trên không gian số. Cụ thể, các quy định mới yêu cầu mạng xã hội phải gỡ bỏ nội dung vi phạm trong vòng 24 giờ và có thể khóa vĩnh viễn các kênh vi phạm nghiêm trọng, đồng thời bắt buộc xác thực tài khoản người dùng thông qua số điện thoại hoặc số định danh cá nhân. Ngoài ra, các nền tảng phải phân loại và cảnh báo nội dung không phù hợp với trẻ em, kịp thời xử lý khiếu nại trong vòng 48 giờ, và gỡ bỏ các nội dung vi phạm pháp luật khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài ra, Bộ Thông tin và Truyền thông còn triển khai Chiến dịch “Tin” với thông điệp “không gian ảo, niềm tin thực,” bao gồm nhiều hoạt động nhằm nâng cao ý thức cộng đồng về phòng chống tin giả và tin xấu độc. Các video tham dự cuộc thi “Anti Fake News” thu hút hơn 130 triệu lượt xem, và kêu gọi hơn 1 triệu video gắn hashtag #AntiFakeNews trên TikTok, góp phần lan tỏa thông điệp chống lại tin giả, góp phần bảo vệ trẻ em và phụ nữ trước sự lan tràn của thông tin sai lệch và độc hại. Song song với đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Trung tâm xử lý tin giả, tin xấu độc, nơi tiếp nhận và xử lý hàng ngàn phản ánh về tin giả và tin xấu độc. Kể từ năm 2021, Trung tâm đã xử lý hơn 7.500 phản ánh, công bố hơn 150 tin giả và yêu cầu các nền tảng mạng xã hội nước ngoài xử lý hơn 700 tin giả, tin xấu độc, cũng như chặn gỡ hơn 1.700 tên miền cờ bạc. Qua việc phối hợp chặt chẽ với các nền tảng xuyên biên giới, từ 2020 đến nay, Facebook đã chặn gỡ 105 hội nhóm độc hại (Link về các em gái bé nhỏ, chat dâm, Trai đẹp Hà Nội, động gái ngon, gái ngành, thổ dân gái...) và cam kết thực hiện tiếp nhận không giới hạn đối với các phản ánh về các group độc hại liên quan đến trẻ em, quảng cáo vi phạm...Google đã gỡ 441 game cờ bạc, đổi thưởng, game bạo lực, game không phép tại Việt Nam (tỷ lệ gỡ game vi phạm đạt 96%); Apple đã gỡ 150 game cờ bạc, không phép (tỷ lệ gỡ game vi phạm đạt 90%).” Ngoài ra, YouTube đã tăng cường xử lý các kênh vi phạm, giảm thời gian xử lý phản ánh. TikTok đã nâng cấp đội ngũ kiểm duyệt viên tại Việt Nam, tăng cường biện pháp bảo vệ trẻ em trên mạng, kiểm soát tốt hơn các nội dung trên nền tảng của mình, hạn chế tối đa nội dung độc hại, không phù hợp với văn hóa Việt.”

Bộ Công an chỉ đạo ban hành kế hoạch xây dựng và duy trì 38 mô hình “Phòng ngừa, trợ giúp, giáo dục cảm hóa người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật hoặc chấp hành xong án phạt tù có thời hạn hòa nhập cộng đồng”, “Phòng ngừa trẻ em bị xâm hại tình dục”, “Phòng ngừa trẻ em bị bạo lực, bạo hành, bị mua bán” tại các địa phương trọng điểm; triển khai 10 mô hình tuyên truyền công tác phòng ngừa trẻ em và người chưa thành niên làm trái pháp luật gắn với tiện ích VneID ở địa bàn cơ sở tại Bắc Ninh, Thanh Hóa, Đồng Nai.

Về vấn đề kỳ thị, không phân biệt đối xử, năm 2022, Bộ Y tế đã yêu cầu tất cả các cơ sở khám chữa bệnh trên cả nước đều thực hiện thăm khám và chăm sóc sức khỏe đối với mọi người dân, không có sự phân biệt, kỳ thị đối với người đồng tính, song tính và chuyển giới.¹¹⁹ Nhiều chương trình, hoạt động, lớp tập huấn đã được triển khai nhằm giảm kỳ thị và phân biệt đối xử đối với các nhóm yếu thế đã được triển khai trong giai đoạn vừa qua như: Tập huấn về giảm kỳ thị và phân biệt đối xử liên quan đến HIV/AIDS trong cơ sở y tế; Phòng, chống phân biệt đối xử với trẻ khuyết tật; Sổ tay dành cho báo chí nhằm chống lại sự phân biệt đối xử với các nhóm dễ bị tổn thương... Việt Nam hiện đang tham gia Sáng kiến giảm kỳ thị trong khu vực Đông Nam Á cùng với các nước Lào, Campuchia và Thái Lan từ năm 2017, với mục đích thúc đẩy việc thực hiện các hoạt động giảm kỳ thị và phân biệt đối xử liên quan tới HIV/AIDS ở cấp độ quốc gia và cơ sở y tế thông qua việc đo lường thường quy, áp dụng phương pháp; cải thiện chất lượng trong giảm kỳ thị và phân biệt đối xử đồng thời; tăng cường việc học hỏi cũng như chia sẻ lẫn nhau giữa các cơ sở y tế.

3.3. Một số khó khăn và thách thức

Pháp luật chưa có quy định cụ thể khái niệm “quấy rối tình dục tại nơi công cộng”. Đội ngũ cán bộ tham gia công tác phòng, chống bạo lực còn hạn chế về số lượng và năng lực, nguồn kinh phí được cấp còn chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao. Thông tin, số liệu thống kê về bạo lực gia đình hiện nay đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện thống kê từ trung ương tới địa phương. Bên cạnh đó, một số cơ quan cũng đang thực hiện thống kê về bạo lực gia đình. Tuy nhiên, việc thống kê hiện nay chưa được đồng bộ, kết nối, chia sẻ. Tại Việt Nam không sẵn có các số liệu thống kê về quấy rối tình dục ở nơi làm việc. Công tác phối hợp giữa

119 Công văn số 4132/BYT-PC ngày 03/8/2022 của Bộ Y tế về việc chấn chỉnh công tác khám bệnh, chữa bệnh đối với người đồng tính, song tính và chuyển giới.

các cơ quan có liên quan trong giải quyết bạo lực còn chưa chặt chẽ, có nơi chưa kịp thời.

Nhiều khuôn mẫu định kiến về vai trò, vị trí của nam giới và nữ giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, gia đình, trong các ấn phẩm, tài liệu và tư tưởng thích con trai hơn con gái vẫn còn tồn tại trên thực tế. Nhận thức của người dân về bạo lực trên cơ sở giới còn chưa cao. Nhiều người bị bạo lực còn tâm lý cam chịu, sợ bị kỳ thị và không muốn đi báo cáo việc bị bạo lực vì cho rằng đó là chuyện bình thường, phần lớn người bị bạo lực chỉ đi báo cáo và tìm sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng khi vụ việc nghiêm trọng, bạo lực xảy ra trong thời gian dài hoặc có thể dẫn đến chấm dứt hôn nhân. Điều

này gây khó khăn cho công tác thống kê số liệu cũng như triển khai các giải pháp, dịch vụ hỗ trợ, can thiệp và ứng phó với bạo lực.

Tỷ lệ chênh lệch giới tính khi sinh còn cao (năm 2023 là 112 bé trai/100 bé gái).¹²⁰ Ở một số vùng dân tộc thiểu số vẫn có tình trạng tảo hôn do các tập tục lâu đời, gây những ảnh hưởng nặng nề đến sức khỏe bà mẹ, trẻ em; làm suy giảm chất lượng dân số; ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực và là một trong những lực cản đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và sự phát triển bền vững của vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

¹²⁰ Chính phủ, Báo cáo số 237/BC-CP ngày 16/5/2024 Kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023, Phụ lục 01.

4. Sự tham gia, trách nhiệm giải trình và các thể chế có trách nhiệm giới

4.1. Chính sách, pháp luật và hoạt động đã triển khai

Việt Nam đã có nhiều hành động, biện pháp để thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào đời sống xã hội và ra quyết định. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 xác định mục tiêu cụ thể về lĩnh vực chính trị, phấn đấu đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ. Ngày 31/12/2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2282/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030”. Mục tiêu của chương trình là đảm bảo sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách nhằm phát huy tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ, hướng tới thực hiện cam kết đạt mục tiêu phát triển bền vững về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.¹²¹ Có thể thấy, nâng cao vị thế của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị có vai trò đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm mục tiêu bình đẳng giới và đáp ứng yêu cầu phát triển

bền vững, hội nhập quốc tế của đất nước.

Năm 2022, Việt Nam đã ban hành các nghị định quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức, viên chức nữ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.¹²² Điều này cho thấy, chính sách của Việt Nam đã xác lập, từng bước hiện thực hóa, xóa bỏ bất bình đẳng giới, phát huy ngày càng cao hơn vai trò tham chính của phụ nữ. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng ban hành Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP), trong đó quy định chỉ tiêu nâng ngạch cuối cùng thì ưu tiên với nữ trong xác định người trúng tuyển nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Cụ thể hóa chính sách của Nhà nước, Việt Nam đang tiến hành triển khai nhiều chương trình, dự án nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương. Đề án Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2023-2025¹²³ được ban hành năm 2022 và đang triển khai đã xác định đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ (dưới 45 tuổi) có năng lực nổi trội, có

¹²¹ 1. Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75%, các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ. Đối với một số ngành, lĩnh vực đặc thù có tỷ lệ nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thấp dưới 30% có thể điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp với thực tiễn cơ quan, đơn vị; 2. Tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch các chức danh quản lý, lãnh đạo các cấp đạt ít nhất 40% vào năm 2025 và đạt 50% vào năm 2030; 3. Tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch các chức danh quản lý, lãnh đạo các cấp được đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực đạt 75% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030; 4. Ở những địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số, phải có cán bộ lãnh đạo là người dân tộc thiểu số phù hợp với cơ cấu dân cư.

¹²² Đã nêu cụ thể tại mục I, Phần thứ ba của Báo cáo này.

¹²³ Quyết định số 1641/QĐ-TTg ngày 28/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

chiều hướng phát triển và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ, bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện để cử đi bồi dưỡng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành.¹²⁴ Mục tiêu của Đề án nhằm nâng cao năng lực hoạch định chính sách, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành cho đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương. Đồng thời, tạo chuyển biến lớn trong nhận thức và cách thức tổ chức quản lý; tiếp cận với cách tư duy mới, góp phần xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài.

Thời gian qua, Chính phủ Việt Nam cũng rất quan tâm và có chính sách khuyến khích sự tham gia bình đẳng của tất cả phụ nữ trong hệ thống chính trị, bao gồm cả phụ nữ trẻ và các nhóm thiểu số như phụ nữ là người dân tộc ít người. Đề án Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025¹²⁵ vẫn đang được tiếp tục triển khai và thực hiện nhằm tạo sự chuyển biến tích cực trong thực hiện bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ ở vùng dân tộc thiểu số, góp phần thúc đẩy thực hiện thành công các mục tiêu của Chiến lược quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.

Trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, Việt Nam đã có nhiều chính sách giúp tăng cường khả năng tiếp cận và tham gia của phụ nữ vào quá trình ra quyết định. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 đề ra mục tiêu bình đẳng giới trong lĩnh vực thông tin, truyền thông.¹²⁶ Thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, ngày 23/10/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 1790/QĐ-TTg về Chương trình Truyền thông về bình đẳng giới

đến năm 2030.¹²⁷ Lần đầu tiên Việt Nam có một chương trình truyền thông riêng về bình đẳng giới với tầm nhìn đến năm 2030. Chương trình đặt mục tiêu đến năm 2025 đạt 100% bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, triển khai hoạt động Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hằng năm. Phấn đấu đến năm 2030 nhận thức về bình đẳng giới của các nhóm đối tượng trong cộng đồng tăng từ 10 - 15% so với năm 2025; phấn đấu đến năm 2025 đạt ít nhất 70% cơ quan truyền thông áp dụng thí điểm và đến năm 2030 đạt 90% cơ quan truyền thông chính thức áp dụng Bộ chỉ số về giới trong truyền thông; đến năm 2025 đạt 95% và đến năm 2030 đạt 100% các hương ước, quy ước của cộng đồng đã được thông qua không có sự phân biệt đối xử về giới. Chương trình cũng đặt mục tiêu hằng năm, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân được truyền thông, phổ biến, cập nhật thông tin về pháp luật, chính sách về bình đẳng giới ít nhất 2 cuộc. Chương trình tạo bước đột phá về chất lượng, hiệu quả trong công tác truyền thông về bình đẳng giới; nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật, chuyển đổi hành vi và ủng hộ tích cực của toàn xã hội trong công tác bình đẳng giới.

Đề án Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025 xác định mục tiêu phấn đấu 80% số hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người được tiếp cận thông tin về giới và pháp luật về bình đẳng giới. Các hoạt động truyền thông trong khuôn khổ Đề án được tổ chức thường xuyên và liên tục, thông qua các kênh thông tin đại chúng như: Xây dựng chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới và chuyển thể thành 09 thứ tiếng dân tộc phát thanh trên VOV; xây dựng chuyên trang, xuất bản các phụ san tuyên truyền về bình đẳng giới trên Báo Dân tộc và Phát triển, Tạp chí Dân tộc. Các bộ, ngành lồng ghép hoạt động tuyên truyền về bình đẳng giới qua các kênh như: Đài truyền hình Việt Nam, sách, báo, ấn phẩm...

Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) đã yêu cầu các cơ quan soạn thảo phải tuân thủ thực hiện các quy định về thực hiện lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng VBQPPL.¹²⁸ Yêu cầu này đã mở rộng phạm vi về thực hiện lồng ghép giới trong các nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

124 Các cán bộ nữ được cử đi học gồm: a) Cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ (dưới 45 tuổi) giữ chức danh Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; b) Cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ giữ chức danh Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh còn đủ tuổi công tác đến hết nhiệm kỳ 2025 - 2030; c) Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ (dưới 45 tuổi) có năng lực nổi trội, có thành tích xuất sắc trong công tác và có triển vọng phát triển, được quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2026 và 2026 - 2030.

125 Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

126 Chỉ tiêu 1: Phấn đấu đạt 60% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030 dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới. Chỉ tiêu 2: Từ năm 2025 trở đi 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới. Chỉ tiêu 3: Từ năm 2025 trở đi 100% xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở. Chỉ tiêu 4: Duy trì đạt 100% đài phát thanh và đài truyền hình ở Trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hàng tháng.

127 Quyết định số 1790/QĐ-TTg ngày 23/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

128 Điều 5 của Luật Ban hành VPQPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

4.2. Kết quả đạt được

Năm 2024, Việt Nam được bầu vào Hội đồng Chấp hành Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ (UN Women) nhiệm kỳ 2025-2027. Tại đây, Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội để thực hiện những mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc. Từ tháng 1/2025 đến hết năm 2027, Việt Nam sẽ tham gia điều phối xây dựng và triển khai các định hướng lớn của UN Women, thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.

Việt Nam là quốc gia có tỷ lệ phụ nữ tham gia làm lãnh đạo, quản lý cao trên thế giới. Tính đến tháng 8/2024, Việt Nam có 01 nữ Phó Chủ tịch nước; 01 nữ Phó Chủ tịch Quốc hội; 03/12 nữ Chủ nhiệm ủy ban, cơ quan tương đương của Quốc hội; 04/30 nữ Bộ trưởng và tương đương; 14/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có nữ lãnh đạo chủ chốt; Tỷ lệ chính quyền địa phương cấp tỉnh có lãnh đạo chủ chốt là nữ (Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chiếm 74,6% (47/63 tỉnh/TP trực thuộc trung ương).¹²⁹ Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ 2021-2026 là 30,3% tăng 3,58% so với nhiệm kỳ 2016-2021 là 26,72%. Tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 là nữ đạt 29% (1079 đại biểu, cao hơn 2,44% so với nhiệm kỳ trước); tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện là nữ đạt 29,08% (6.557 người, cao hơn 1,58% so với nhiệm kỳ trước); tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã là nữ đạt 28,48% (68.265 người, cao hơn 1,89% so với nhiệm kỳ trước).

Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam là cơ quan liên ngành có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, phối hợp giải quyết những vấn đề liên ngành liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ trong phạm vi cả nước từ năm 2008 cùng với Bộ LĐTBXH - cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới tiếp tục phát huy vai trò chủ đạo của mình trong công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ trong giai đoạn 2019-2023, đặc biệt là mục tiêu thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

Bên cạnh sự nỗ lực vươn lên, phấn đấu của nữ ứng cử viên để đạt được sự tín nhiệm của cử tri trở thành những nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, còn phải kể đến vai trò của các lớp tập huấn cho nữ ứng cử viên lần đầu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp

nhiệm kỳ 2021-2026 do Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, Bộ LĐTBXH, Trung ương Hội LHPN Việt Nam và nhiều địa phương đã tổ chức. Các lớp tập huấn đã tập trung vào những nội dung như: một số vấn đề cần quan tâm trong quá trình ra ứng cử của ứng cử viên nữ; kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng trong quá trình tiếp xúc cử tri và vận động bầu cử; giới thiệu những yêu cầu về nữ lãnh đạo quản lý trong hệ thống chính trị Việt Nam; kinh nghiệm của nữ đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp trong thực hiện nhiệm vụ đại biểu của nhân dân; xây dựng và trình bày chương trình hành động của nữ ứng cử viên trước cử tri; kỹ năng xây dựng hình ảnh và làm việc với truyền thông. Bên cạnh đó, Ủy ban Về các vấn đề xã hội (nay là Ủy ban Xã hội) của Quốc hội tổ chức các Hội thảo nữ ứng cử viên đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và việc thúc đẩy bình đẳng giới. Đây là các hoạt động truyền thống đã được các cơ quan trên tổ chức trong rất nhiều kỳ bầu cử trước đây và tiếp tục phát huy vai trò trong kỳ bầu cử năm 2021.

Ngoài ra, một hoạt động quan trọng, thường xuyên được Ủy ban quốc gia Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam và Bộ LĐTBXH thực hiện hàng năm là tập huấn về kiến thức bình đẳng giới, nhạy cảm giới cho phóng viên báo chí, những người làm truyền thông ở cấp Trung ương và địa phương.

Để thực hiện Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030”, Bộ Nội vụ tích cực phối hợp với Trung ương Hội LHPN Việt Nam và các cơ quan liên quan tiến hành rà soát, đánh giá tình hình cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý để đề xuất xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và sử dụng cán bộ nữ theo lộ trình. Đối với Đề án “Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2023-2025”, tính đến 30/5/2024 đã tổ chức 06 khóa bồi dưỡng (02 khóa tại Nhật Bản và 04 khóa tại Cộng hòa Pháp cho 96 người (50 cán bộ là nữ) nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ nói chung và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương nói riêng.¹³⁰

Nội dung về giới và bình đẳng giới được lồng ghép trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức. Bộ Nội vụ đã tổ chức đào tạo, bồi

¹²⁹ Chính phủ, Báo cáo số 237/BC-CP ngày 16/5/2024 về kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023, Hà Nội. Số liệu được Bộ Nội vụ cập nhật đến tháng 8/2024.

¹³⁰ Công văn số 3664/BNV-CTTN ngày 26/6/2024 của Bộ Nội vụ.

duỡng đội ngũ nữ cán bộ nguồn; tập huấn chuyên sâu cho nữ cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp bộ (từ cấp Vụ và tương đương trở lên), cấp tỉnh (lãnh đạo cấp sở và tương đương), cấp huyện (lãnh đạo chủ chốt cấp huyện và tương đương). Năm 2023, có gần 400 nữ lãnh đạo, quản lý được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Bộ Nội vụ tổ chức.¹³¹ Bộ LĐTBXH đã tổ chức các lớp tập huấn về thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ với sự tham dự của hơn 950 đại biểu là nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nữ cán bộ trong diện quy hoạch, thành viên Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các sở, ban, ngành, quận huyện thuộc các tỉnh, thành phố.

Việc triển khai các Chương trình, Đề án án ban hành từ năm 2020 đến nay đã góp phần giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng quản lý, lãnh đạo và các kỹ năng mềm... Từ năm 2018 đến nay, Bộ Nội vụ đã phối hợp với cơ quan báo chí, đài truyền hình kỹ thuật số VTC, Đài tiếng nói Việt Nam tổ chức truyền thông thay đổi nhận thức, thay đổi hành vi của các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách và toàn xã hội về vai trò của phụ nữ trong tham chính trên truyền hình, nhằm mục đích nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân về vị trí, vai trò và đóng góp của phụ nữ, của cán bộ, công chức, viên chức nữ trong đời sống chính trị - xã hội góp phần thay đổi nhận thức hành vi của các nhà lãnh đạo và hoạch định chính sách cũng như toàn xã hội đối với vai trò của phụ nữ trong tham chính.

Các cơ quan soạn thảo, cơ quan thẩm định tuân thủ thực hiện vấn đề lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng VBQPPL ngày càng nghiêm túc. Chất lượng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới ngày càng nâng cao. Các bộ, ngành chủ động phối hợp với Ủy ban Xã hội của Quốc hội tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo tham vấn với các chuyên gia có kinh nghiệm về giới và các lĩnh vực công tác để đánh giá tác động của chính sách từ góc độ giới và thúc đẩy lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình lập đề nghị, soạn thảo VBQPPL. Năm 2023, Bộ Tư pháp đã thẩm định đối với 44 đề nghị xây dựng VBQPPL và 194 dự án, dự thảo VBQPPL; tham gia thẩm định các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và tham gia góp ý gần 500

dự án, dự thảo văn bản đề án khác.¹³²

Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.¹³³ Tại các địa phương, theo thống kê chưa đầy đủ, năm 2023 có 120 cuộc thanh tra, hơn 400 cuộc kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, phát hiện hơn 100 trường hợp vi phạm.¹³⁴

4.3. Một số khó khăn và thách thức

Tỷ lệ phụ nữ tham gia lĩnh vực chính trị chưa tương xứng với trình độ, năng lực của phụ nữ hiện nay. Nhiệm kỳ 2021-2026, phụ nữ không còn có mặt trong số 4 vị trí lãnh đạo cao nhất của Việt Nam.

Chỉ tiêu đặt ra đến năm 2025 có 60% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ, hiện khó có khả năng đạt được ở chính quyền cấp huyện và cấp xã.

Việc đánh giá tác động giới trong quá trình xây dựng VBQPPL đôi khi còn hình thức, thiếu số liệu phân tách giới. Các chính sách, quy định của các dự án luật khi trình Quốc hội chủ yếu trung tính về giới, chưa tính đến sự khác biệt giới để đề xuất các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

¹³² Bộ Tư pháp, Báo cáo số 569/BC-VSTBPN ngày 29/12/2023 của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp.

¹³³ Trong năm 2023, Thanh tra Bộ LĐTBXH đã tiến hành lồng ghép nội dung thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật đối với lao động nữ trong 66 cuộc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp, trong đó có 48 kiến nghị các doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí giữ trẻ mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại Khoản 4 Điều 136 Bộ Luật Lao động; Bộ GDĐT kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm việc thực hiện chế độ chính sách đối với phụ nữ, học sinh sinh viên nữ tại các địa phương, đơn vị. Năm 2023, Bộ GDĐT đã tổ chức các đoàn kiểm tra tại các tỉnh Đắk Lắk, Tp. Hồ Chí Minh; Bộ LĐTBXH và Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam tổ chức các đoàn kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Chiến lược và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ tại một số địa phương như: Vĩnh Long, Quảng Bình, Bình Thuận, Hà Giang, Hòa Bình, Bắc Giang, Bộ Nội vụ...

¹³⁴ Chính phủ, Báo cáo số 237/BC-CP ngày 16/5/2024 về kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023.

¹³¹ Bộ Nội vụ, Báo cáo số 402/BC-BNV ngày 23/01/2024 về thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

5. Xã hội hòa bình và hòa nhập

5.1. Chính sách, pháp luật và hoạt động đã triển khai

Nhận diện rõ tầm quan trọng của Chương trình nghị sự về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh, Việt Nam đã tham gia Chương trình nghị sự về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh do Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đưa ra vào tháng 10 năm 2000 thông qua Nghị quyết 1325 (UNSCR 1325) và các nghị quyết tiếp theo về phụ nữ, hòa bình và an ninh. Trên cơ sở Nghị quyết 1325 (UNSCR 1325) và các nghị quyết tiếp theo về phụ nữ, hòa bình và an ninh Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 101/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về Phụ nữ, hòa bình và an ninh giai đoạn 2024 - 2030. Mục tiêu của chương trình là bảo đảm và thúc đẩy hơn nữa bình đẳng giới; nâng cao vai trò, vị thế, tiếng nói, quyền lợi và nghĩa vụ, trách nhiệm của phụ nữ trong tham gia các lĩnh vực hòa bình, an ninh, góp phần duy trì hòa bình, ổn định và sự phát triển bền vững của quốc gia và trên phạm vi quốc tế. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 là tăng cường sự tham gia đầy đủ, bình đẳng, có ý nghĩa của phụ nữ Việt Nam trong các lĩnh vực chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và xử lý, ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống của quốc gia, cũng như trong gìn giữ hoà bình, an ninh quốc tế; Phòng ngừa và ứng phó tốt hơn với bạo lực trên cơ sở giới trong bối cảnh sự cố, thảm họa và ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống; Tăng cường lồng ghép giới trong hoạt động cứu trợ và phục hồi, bao gồm khắc phục hậu quả chiến tranh, phòng, chống, xử lý, ứng phó với sự cố, thảm họa và các thách thức an ninh phi truyền thống; Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực Phụ nữ, hòa bình và an ninh.

Để đạt được mục tiêu trên, Chương trình đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp cần thực hiện như: Rà soát và hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực hoà bình, an ninh; trong khắc phục hậu quả chiến tranh và phòng, chống, xử lý, ứng phó với sự cố, thảm họa và các thách thức an ninh phi truyền thống; Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, đáp ứng nhu cầu cụ thể và thúc đẩy sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ trong bối cảnh khắc phục hậu quả chiến tranh, phòng, chống, xử lý, ứng phó với sự cố, thảm họa và các thách thức an ninh phi truyền thống. Chương trình hành động quốc gia về Phụ nữ, hòa bình và an ninh giai đoạn 2024-2030

được ban hành và triển khai thực hiện đã bổ sung và hoàn thiện các khuôn khổ chính sách về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, đặc biệt sẽ là khuôn khổ tổng thể đầu tiên về nội dung này trong lĩnh vực hoà bình và an ninh, với những mục tiêu và giải pháp cụ thể để thúc đẩy hơn nữa các hành động vì phụ nữ, hòa bình và an ninh, nhất là trước những thách thức mới nổi, các thách thức an ninh phi truyền thống.

Việt Nam luôn coi truyền thông là giải pháp quan trọng để nâng cao nhận thức đối với chương trình nghị sự về phụ nữ, hòa bình và an ninh. Mục tiêu thứ 5 trong Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững đã yêu cầu sử dụng truyền thông để nâng cao nhận thức đối với chương trình nghị sự về phụ nữ, hòa bình và an ninh.¹³⁵

Bên cạnh đó, Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến 2030 xác định mục tiêu hằng năm, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân được truyền thông, phổ biến, cập nhật thông tin về pháp luật, chính sách về bình đẳng giới ít nhất 02 cuộc; đến năm 2025 đạt 100% bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, triển khai hoạt động Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hằng năm; phấn đấu đến năm 2030, nhận thức về bình đẳng giới của các nhóm đối tượng trong cộng đồng tăng từ 10 - 15% so với năm 2025; phấn đấu đến năm 2025, đạt ít nhất 70% cơ quan truyền thông áp dụng thí điểm và đến năm 2030 đạt 90% cơ quan truyền thông chính thức áp dụng Bộ chỉ số về giới trong truyền thông; đến năm 2025 đạt 95% và đến năm 2030 đạt 100% các hương ước, quy ước của cộng đồng đã được thông qua không có sự phân biệt đối xử về giới.

Để nâng cao năng lực của các tổ chức trong lĩnh vực an ninh về quyền con người và phòng, chống bạo lực tình dục, bạo lực trên cơ sở giới cũng như bóc lột và lạm dụng tình dục, ngày 30/11/2020 Việt Nam đã ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Mục đích kế hoạch là tổ chức thực hiện có hiệu quả Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (Công ước ACTIP), góp phần hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả phòng, chống mua bán người có tổ chức xuyên

¹³⁵ Quyết định số 1790/QĐ-TTg ngày 23/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

quốc gia và các loại tội phạm có liên quan; Xác định nội dung, lộ trình nội luật hóa các quy định của Công ước ACTIP phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, chính sách và điều kiện của Việt Nam; bảo đảm các yêu cầu về đối nội, đối ngoại, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của quốc gia thành viên Cộng đồng ASEAN trong phòng, chống buôn bán người; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, cá nhân; góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đang được triển khai với mục tiêu: Phòng ngừa, phát hiện, hỗ trợ, can thiệp trẻ em lao động trái quy định của pháp luật và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em; Truyền thông về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em; Đào tạo, tập huấn về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, Định hướng đến năm 2030: Phấn đấu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4,5%; giảm tối đa tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trong số lao động trẻ em và người chưa thành niên.¹³⁶

Về vấn đề giảm khoảng cách trong lĩnh vực số liên quan đến giới, Việt Nam đã ban hành Luật Viễn thông năm 2023 và Luật Giao dịch điện tử năm 2023. Trên cơ sở quy định của Hiến pháp 2013 và thực hiện quy định của pháp luật về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng VBQPPL, ngay từ giai đoạn lập đề nghị xây dựng dự án luật, các đơn vị soạn thảo đã thực hiện việc đánh giá tác động về giới của các chính sách nêu trong đề nghị xây dựng dự án luật.¹³⁷ Kết quả rà soát và đánh giá cho thấy các chính sách đều không có ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt đối xử. Trong quá trình triển khai thực thi Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử sau khi được Quốc hội thông qua và có hiệu lực, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng các chương trình, kế hoạch thực thi góp phần ổn định kinh tế, chính trị, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống của

người dân để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện thúc đẩy bình đẳng giới, góp phần rút ngắn khoảng cách giới, nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội.

5.2. Kết quả đạt được

Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đóng góp thiết thực vào việc thực hiện Hiến chương Liên hợp quốc, duy trì hòa bình, an ninh, thúc đẩy hợp tác và phát triển, nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Trong thành tích chung đó, có đóng góp rất quan trọng của các nữ quân nhân, sĩ quan Quân đội Nhân dân và Công an Nhân dân Việt Nam. Tháng 01/2018, Việt Nam cử nữ sĩ quan quân đội đầu tiên tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc theo hình thức cá nhân với vị trí sĩ quan tham mưu tác chiến tại Phái bộ Nam Xu-đăng. Tính đến tháng 8/2024, có 117 lượt nữ quân nhân được triển khai đến phái bộ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc (trong đó có 19 lượt nữ sĩ quan được triển khai theo hình thức cá nhân, 98 nữ quân nhân triển khai theo đội hình đơn vị).¹³⁸ Đặc biệt, Việt Nam cũng đã có 04 nữ sĩ quan trong lực lượng Công an nhân dân Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc. Việt Nam hiện là nước có tỷ lệ nữ quân nhân tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc đạt gần 15%.¹³⁹ Trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam tích cực đóng góp xây dựng các khuôn khổ chính sách của khu vực về Phụ nữ, Hoà bình và An ninh và tham gia Nhóm Phụ nữ ASEAN về hòa giải.

Tại các phái bộ, nữ quân nhân của Việt Nam đảm nhiệm và hoàn thành xuất sắc nhiều vị trí công tác khác nhau như quan sát viên quân sự, sĩ quan tham mưu tác chiến, sĩ quan tham mưu huấn luyện, bác sĩ, điều dưỡng. Tại Hội nghị quốc tế về phụ nữ với hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc ngày 26/11/2022 tại Hà Nội, Liên hợp quốc đánh giá Việt Nam là một trong những quốc gia đi đầu về nỗ lực tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc. Đồng thời Liên hợp quốc cũng đánh giá cao lực lượng gìn giữ hòa bình của Việt Nam trong việc thực hiện sứ mệnh mang đến hòa bình, hy vọng và cơ hội về một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân ở những nơi khó khăn nhất trên thế giới. Những nữ quân nhân gìn giữ hòa bình của Việt Nam chính là cầu nối mang hình ảnh đất nước,

¹³⁶ Quyết định số 782/QĐ-TTg ngày 27/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

¹³⁷ Công văn số 2903/BTTTT-HTQT ngày 22/7/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

¹³⁸ Công văn số 3374/BQP-CT ngày 19/8/2024 của Bộ Quốc phòng.

¹³⁹ Công văn số 444/CQTT ngày 26/6/2024 của Cơ quan Thường trực Ban Vĩ sự tiến bộ của Phụ nữ Bộ Quốc phòng.

con người, văn hóa Việt Nam tới bạn bè quốc tế.

Việt Nam đã thực hiện một số chương trình, mô hình nhằm thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào công tác bảo vệ an ninh biên giới quốc gia như:¹⁴⁰ Chương trình “Vận động phụ nữ tham gia xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia”, mô hình “Tổ phụ nữ bảo vệ đường biên, cột mốc giới”, Câu lạc bộ “Phụ nữ tham gia bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới”, “Phong trào quần chúng tham gia tự quản an ninh, trật tự khu vực biên giới”... Các cấp hội phụ nữ đã vận động hội viên và gia đình tham gia cùng Bộ đội biên phòng quản lý đường biên, mốc quốc giới. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống các hoạt động vi phạm biên giới, buôn lậu, di cư trái phép, mua bán người (nhất là phụ nữ, trẻ em) qua biên giới.

Thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 xác định quan điểm sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số. Ngày 31/3/2022, Thủ tướng ban hành Quyết định số 411/QĐ-TTg, xác định rõ giải pháp tổ chức Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khối phố, thôn, bản với các tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm và các thành viên tại chỗ năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Viet Nam”, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp trên toàn quốc. Điều này hỗ trợ các phụ nữ và trẻ em gái trong việc giáo dục, đưa các sản phẩm lên giao dịch điện tử và góp phần nâng cao dân trí, cải thiện đời sống người dân trên mọi mặt. Tính đến tháng 6/2023, cả nước đã có 52/63 tỉnh hoàn thành thành lập 100% các Tổ công nghệ số cộng đồng đến cấp xã (với tổng 74.422 Tổ và 348.362 thành viên, mỗi tổ có từ 4 đến 9 thành viên).¹⁴¹

Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ động lồng ghép các nội dung thông tin, tuyên truyền về các Nghị quyết, chính sách của Đảng, Chính phủ, pháp luật về bình đẳng giới vào các nội dung khác để tuyên truyền trên hệ thống thông tin, truyền thông cơ sở tại địa phương, các đài phát thanh tại phường, xã, thôn, bản nhằm nâng cao ý thức

về bình đẳng giới đến mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số còn hạn chế tiếp cận các phương tiện thông tin đại chúng. Đặc biệt, một số đài địa phương như Quảng Nam, An Giang, Lai Châu, Điện Biên, Đắk Nông, Kon Tum,... đã có chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc tới đồng bào dân tộc thiểu số.

Đồng thời, Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai một số chương trình bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về chuyển đổi số cho người dân như: Tổ chức bồi dưỡng về chuyển đổi số thông qua các khóa học trực tuyến mở đại trà trên nền tảng One Touch, cung cấp tài liệu miễn phí về chuyển đổi số qua cuốn “Cẩm nang chuyển đổi số”.

Tính đến năm 2023, Việt Nam có 8.273 Điểm Bưu điện Văn hóa xã, được Nhà nước giao cho Tổng công ty Bưu điện Việt Nam xây dựng, duy trì, quản lý để cung ứng các dịch vụ bưu chính công ích và các dịch vụ kinh doanh khác đồng thời là nơi tổ chức các hoạt động đọc sách, báo, tra cứu internet phục vụ cộng đồng và còn là nơi cung ứng các dịch vụ bưu chính, viễn thông, cung cấp hàng hóa thiết yếu cho người dân ở vùng nông thôn. Cụ thể, các điểm Bưu điện Văn hóa xã được ưu tiên lựa chọn để: Cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng trong Chương trình viễn thông công ích; Tổ chức triển khai các chương trình, dự án phát triển thông tin và truyền thông nông thôn và các chương trình, dự án khác của Nhà nước về nông thôn phù hợp quy định tiến tới 100% xã, thị trấn được kết nối, cập nhật các thông tin, giao dịch điện tử; hỗ trợ sản phẩm nông sản, làng nghề lên sàn thương mại điện tử, góp phần đầu tư đồng bộ các dự án thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia. Đây cũng là một trong những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam triển khai nâng cao tiếp cận thông tin, tri thức và sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông cho phụ nữ và trẻ em gái ở các địa phương còn khó khăn.

5.3. Một số khó khăn và thách thức

Cho đến nay, dù chiến tranh đã qua lâu, người dân và nhất là phụ nữ Việt Nam vẫn phải chịu ảnh hưởng các hậu quả của chiến tranh để lại do bom mìn, vật nổ và chất độc hoá học/dioxin còn sót lại, ảnh hưởng đến cuộc sống, an toàn, an ninh thường nhật và sinh kế.

Mặc dù số cán bộ nữ giữ chức vụ quản lý, chỉ huy so với số lượng cán bộ nữ đang công tác tăng từ 30,25% (năm 2015) lên 35% (năm 2024) tuy nhiên

¹⁴⁰ Thực tiễn tại một số địa phương: Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Sơn La, Nghệ An, Bình Phước, Gia Lai, An Giang, Long An, Trà Vinh, Bến Tre...

¹⁴¹ Công văn số 2903/BTTTT-HTQT ngày 22/7/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

tỷ lệ phụ nữ trong các cơ quan quân đội, an ninh, thực thi pháp luật, các đoàn đàm phán hòa bình nói chung còn ít.¹⁴² Tỷ lệ nữ làm việc trong lĩnh vực quốc phòng năm 2024 là 3,11% trong tổng lực lượng quân đội (1,8% vào năm 2010). Trong ngành công an, đến 12/2023 tỷ lệ nữ chiếm 14,68% tổng số biên chế lực lượng CAND. Số lượng cán bộ nữ giữ vị trí lãnh đạo các cấp chiếm 9,58% trong tổng số lãnh đạo các cấp, chiếm tỷ lệ 16,54% trong tổng số cán bộ nữ trong công an nhân dân...¹⁴³

Việt Nam đã và đang đối diện với các tác động của môi trường số, sự phát triển của khoa học công nghệ đến việc thực hiện BDG. Trong cuộc chuyển đổi số, xu hướng số hóa, đưa hoạt động thuộc các lĩnh vực này lên môi trường số đang diễn ra, điều này có nghĩa rằng chuyển đổi số tác động tới quá trình thúc đẩy bình đẳng giới ở nước ta cũng như các quốc gia khác trên thế giới, trong đó, có cả vấn đề bạo lực trên cơ sở giới. Các nghiên cứu đánh giá tác động của chuyển đổi số, cũng chỉ ra rằng lao động nữ sẽ là đối tượng chịu tác động mạnh mẽ nhất, do phụ nữ phải đối

mặt với những vấn đề về trình độ chuyên môn, kỹ thuật và những ràng buộc liên quan tới gia đình; các công việc giản đơn phụ nữ chiếm đa số; các rào cản, định kiến xã hội; phụ nữ còn chịu tác động bởi gánh nặng bảo đảm an sinh xã hội của các cơ quan, tổ chức sử dụng lao động, họ là đối tượng có nguy cơ bị cắt giảm, mất việc làm trước tiên trước áp lực bảo đảm nguồn lực, tài chính cho tổ chức, doanh nghiệp, ngay cả khi chưa đến tuổi nghỉ hưu. Phụ nữ, trẻ em gái thường vẫn gặp nhiều khó khăn hơn nam giới trong việc sử dụng và tương tác với công nghệ số do tác động bởi các chuẩn mực xã hội đối với phụ nữ; các chương trình giáo dục giảng dạy kỹ năng số có thể chưa đủ độ khuyến khích, kích thích nhu cầu tham gia môi trường số... dẫn tới phụ nữ dễ bị tác động hơn, có nguy cơ không tiếp cận, sử dụng được các dịch vụ số. Bên cạnh đó, phụ nữ, trẻ em gái cũng dễ bị các hành vi bạo lực giới trên các nền tảng trực tuyến, các ứng dụng tin tức, mạng xã hội, trò chơi trực tuyến... như: gửi tin nhắn quấy rối, ảnh chụp lén, xúc phạm, phát tán thông tin cá nhân và thậm chí cả hình ảnh, video không được phép của cá nhân. Điều này có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng như rối loạn tâm lý, xa lánh cộng đồng...

142 Công văn số 444/CQTT ngày 26/6/2024 của Cơ quan Thường trực Ban Vĩ sự tiến bộ của Phụ nữ Bộ Quốc phòng.

143 Công văn số 2314/BCA-X03 ngày 11/7/2024 của Bộ Công an.

6. Bảo tồn, bảo vệ và phục hồi môi trường

6.1. Chính sách, pháp luật và hoạt động đã triển khai

Thực hiện lồng ghép quan điểm về giới vào các chính sách môi trường đã được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Khoản 3 Điều 4 luật này quy định bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cũng đã dành chương VII, với 7 điều quy định về ứng phó với biến đổi khí hậu. Điều 90 của luật này quy định triển khai hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng và dựa vào hệ sinh thái; ứng phó với nước biển dâng và ngập lụt đô thị. Với quy định này, vấn đề biến đổi khí hậu, giới và vai trò của cộng đồng tiếp tục được khẳng định, nêu rõ ở cấp độ luật, tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển các chính sách, chiến lược, chương trình lồng ghép về giới, cộng đồng và biến đổi khí hậu cả ở quy mô quốc gia, ngành, vùng và địa phương.

Luật Đất đai năm 2024 quy định nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới trong quản lý, sử dụng đất đai. Việc lồng ghép vấn đề giới để góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội, giúp cả hai giới nam và nữ tiếp cận tốt hơn các chính sách đất đai của nhà nước, công bằng và bình đẳng trong quyền quản lý đất đai, sử dụng đất đai. Khoản 5 Điều 4 Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định phòng, chống thiên tai phải bảo đảm tính nhân đạo, công bằng, minh bạch và bình đẳng giới. Luật cũng quy định nhóm đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm phụ nữ mang thai hoặc bà mẹ có con dưới 36 tháng tuổi, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo và người nghèo được nhà nước ưu tiên các chính sách hỗ trợ về đời sống và sản xuất bị thiệt hại do thiên tai gây ra.

Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến 2050¹⁴⁴ đã đưa ra các giải pháp ứng với các nhiệm vụ cụ thể trong đó có “đảm bảo an sinh

144 Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

xã hội và bình đẳng giới”, tập trung vào nâng cao nhận thức, kiến thức và năng lực về thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu cho phụ nữ, bên cạnh việc xây dựng các chính sách về huy động và quản lý các nguồn lực tài chính nhằm khuyến khích và tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp và người dân, đặc biệt là phụ nữ.

Việt Nam đã ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050¹⁴⁵ với mục tiêu chung nhằm giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động của biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế quốc gia.¹⁴⁶ Kế hoạch quốc gia đã nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ: “Nâng cao nhận thức, kiến thức về biến đổi khí hậu và thiên tai của các cấp [...], tăng cường năng lực, phát triển nguồn nhân lực nữ, thúc đẩy bình đẳng giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu.” Trong Kế hoạch, giới được xem xét thông qua nâng cao năng lực của phụ nữ, phát triển nguồn nhân lực nữ để tham gia vào quá trình thích ứng với biến đổi khí hậu, và phục vụ mục tiêu thứ hai của Kế hoạch. Bình đẳng giới cũng được đề cập trong các giai đoạn II và III của Kế hoạch từ sau năm 2030 đến năm 2050, thúc đẩy các kết quả đạt được trong giai đoạn 2021-2030 để giải quyết nhiều vấn đề, trong đó có bất bình đẳng giới.

Thông qua các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các tổ chức chính trị - xã hội trong đó có Hội LHPN Việt Nam từ Trung ương đến địa phương đã có thêm căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Đó là thông qua chương trình phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, các cấp Hội thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; chủ trì tổ chức các hoạt động Hội và vận động hội viên, phụ nữ tích cực tham gia

bảo vệ môi trường theo quy định; chủ trì/tham gia giám sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và góp ý xây dựng pháp luật về bảo vệ môi trường.

Việt Nam cũng đã ban hành Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030” trong đó đề cập rõ ràng vai trò thực hiện của Trung ương Hội LHPN Việt Nam (tại mục 11 phần V Điều 1). Hội LHPN Việt Nam cũng đã chủ trì ban hành Sổ tay Hướng dẫn Lồng ghép bình đẳng giới trong lập kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng ở cấp xã từ năm 2017.

Về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, nội dung về giới cũng đã được lồng ghép trong các chương trình, chính sách của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó có Kế hoạch hành động bình đẳng giới giai đoạn 2020 - 2025 tập trung vào cơ chế đảm bảo bình đẳng giới trong chiến lược phát triển nguồn nhân sự của Bộ. Kế hoạch hành động này nhằm mục tiêu tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, góp phần thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.

Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được thiết kế không chỉ là xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất, các thiết chế cứng, mà chú trọng nhiều đến phát triển kinh tế, giữ gìn bản sắc nông thôn, phát huy văn hóa truyền thống, nâng cao năng lực cộng đồng cư dân trong xã hội nông thôn. Chương trình kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa kinh tế - văn hóa và xã hội trên địa bàn nông thôn. Đây là những vấn đề mới so với giai đoạn vừa qua nhưng sẽ bảo đảm nông thôn mới phát triển hài hòa, bền vững, giàu bản sắc, nâng cao dân trí và chất lượng sống cho người dân khi được tiếp cận giáo dục, y tế, dinh dưỡng, bình đẳng giới...

Có thể thấy, các chính sách gần đây đã có những bước tiến quyết định trong lồng ghép biến đổi khí hậu và bình đẳng giới. Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu cấp quốc gia đã giao Bộ LĐTBXH thực hiện các hoạt động cụ thể và thu thập dữ liệu cho 2 chỉ số (số lượng chương trình đào tạo nghề và chuyển đổi sinh kế cho các cộng đồng, đối tượng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu; tỷ lệ (%) người dân, nữ giới ở vùng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu được đào tạo nghề và chuyển đổi

145 Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

146 Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu. Nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ, hội viên phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân, đặc biệt ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai. Từ nay đến năm 2030, tăng cường vai trò, năng lực và sự tham gia của phụ nữ và thanh thiếu niên trong hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai; đẩy mạnh các phong trào, hoạt động nâng cao nhận thức, kiến thức cho thanh thiếu niên về biến đổi khí hậu và các giải pháp trong phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

sinh kê).¹⁴⁷ Ngoài ra, Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu đặt ra nhiệm vụ “Phát triển các mô hình an sinh xã hội và chuyển đổi công bằng phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái và xã hội của các vùng khác nhau”¹⁴⁸...

6.2. Kết quả đạt được

Việt Nam đã có nhiều hành động và cam kết đưa vấn đề bình đẳng giới, đảm bảo sự tham gia đầy đủ của phụ nữ vào các khâu và hành động vì khí hậu vào trong chương trình nghị sự cao nhất của đất nước. Bình đẳng giới được lồng ghép vào các chính sách liên quan đến phòng, chống thiên tai trong các giai đoạn từ phòng ngừa, ứng phó đến khắc phục hậu quả thiên tai (Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2020)... Bình đẳng giới cũng được lồng ghép trong việc quy định lực lượng chuyên trách phòng, chống thiên tai các cấp. Quy định này làm cơ sở kiện toàn thống nhất lực lượng, cán bộ chuyên trách phòng, chống thiên tai hiện có ở Trung ương và địa phương, đặc biệt là lực lượng chuyên trách quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai nhằm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quản lý nhà nước quy định trong Luật Phòng, chống thiên tai và đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai trong thời gian tới. Lực lượng này không phân biệt giới tính, đảm bảo yêu cầu về bình đẳng giới theo quy định của pháp luật. Ngoài ra trong số 09 nội dung cốt lõi của công tác phòng ngừa thiên tai được quy định tại Điều 13 Luật Phòng, chống thiên tai, các nội dung về giới đã được phản ánh ở một mức độ nhất định trong các khoản 1, 2, 3 và rõ nét hơn trong khoản 8 và 9. Đồng thời, cần nhắc đến các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương cũng được quy định tại điểm a, b, đ, e khoản 1 Điều 30 trong giai đoạn khắc phục hậu quả thiên tai. Ngoài ra, Việt Nam cũng có nhiều chính sách hỗ trợ người dân (trong đó có phụ nữ, trẻ em gái) chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt (thực hiện các biện pháp cứu trợ khẩn cấp đối với những vùng chịu thiệt hại nặng do thiên tai, dịch bệnh, chính sách hỗ trợ gạo cho một số tỉnh trong thời gian giáp hạt¹⁴⁹)...

Việt Nam đã trở thành một trong số ít những quốc gia trên thế giới coi bình đẳng giới như một nội dung xuyên suốt trong chiến lược giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của quốc gia. Tháng 9/2020, Chính phủ Việt Nam đã đệ trình bản cập nhật đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC) cho Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), trong đó cam kết tăng mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính cho đến năm 2030.

Từ năm 2019 đến năm 2022, Việt Nam đã xây dựng các chỉ số liên quan đến giới và dữ liệu dân số phân tách về giới tính, tuổi và khuyết tật (SADDD) bổ sung cho cơ sở dữ liệu về dân sinh kinh tế của Hệ thống Giám sát Thiên tai Việt Nam. Bộ dữ liệu SADDD giúp hiểu rõ hơn về các rủi ro đối với từng nhóm dễ bị tổn thương, các tác động theo giới và nội dung liên quan đến mức độ dễ bị tổn thương do thiên tai.

Việt Nam nỗ lực triển khai các cam kết tại Hội nghị các bên tham gia công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26), trong đó có cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050; cũng như các cam kết theo các Công ước quốc tế về quyền con người Việt Nam đã tham gia, nhằm bảo vệ và thúc đẩy quyền con người cũng như triển khai thực hiện các cam kết về quyền tự do cơ bản của con người, bao gồm quyền tham gia và thông tin, minh bạch, trách nhiệm, bình đẳng và không phân biệt đối xử trong các nỗ lực giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Sau 3 năm triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn tiếp tục được đầu tư cải tạo, nâng cấp và làm mới tương đối đồng bộ; môi trường nông thôn được cải thiện theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp. Trong quá trình triển khai Chương trình giai đoạn 2021-2025 tại các địa phương đã được quán triệt để không rơi vào tình trạng “rập khuôn” giống nhau ở các địa phương. Hình ảnh xây dựng nông thôn mới đã từng bước dựa trên các giá trị truyền thống địa phương, tính đặc thù mỗi vùng miền, từ đó đa dạng về ý tưởng quy hoạch, kiến trúc cảnh quan nông thôn. Nông thôn có đặc thù là không gian mở, con người gần gũi với con người, con người gần gũi với thiên nhiên, đan xen giữa công trình và mảng xanh, tạo ra những không gian sinh hoạt cho cộng đồng, sự giao lưu, kết nối của cư dân nông thôn và mở ra cách tiếp cận với khu vực đô

147 Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

148 Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

149 Ví dụ: Quyết định số 1823/QĐ-TTg ngày 17/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho các tỉnh: Hà Tĩnh, Nghệ An, Bình Định để hỗ trợ cứu đói cho nhân dân vùng lũ bị thiên tai, mưa lũ; Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 13/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho 6 địa phương để hỗ trợ nhân dân trong thời gian giáp hạt năm 2023.

thị.¹⁵⁰

Hội LHPN Việt Nam đã có nhiều hoạt động tích cực đóng góp hiệu quả vào công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường. Trong công tác chỉ đạo, bảo vệ môi trường trở thành nội dung quan trọng của Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” (được Hội LHPN Việt Nam phát động từ năm 2010), góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Nội dung công tác bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu được nêu cụ thể trong Văn kiện Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII, đó là tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức và kỹ năng cho phụ nữ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu; Phát huy vai trò đại diện của tổ chức Hội trong các ban chỉ đạo/ban chỉ huy phòng, chống thiên tai các cấp, trọng tâm là “hậu cần tại chỗ” trong phương châm “4 tại chỗ”; Đẩy mạnh vai trò của tổ chức Hội trong tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường, tổ chức Tết trồng cây hằng năm với chủ đề “Phụ nữ vun trồng tương lai” nhằm hưởng ứng Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025” của Chính phủ, phân loại rác thải tại nguồn và chống rác thải nhựa... Hằng năm, Hội LHPN Việt Nam đều đưa nội dung trọng tâm về công tác bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu vào kế hoạch hướng dẫn triển khai công tác Hội trên cơ sở tình hình cụ thể của địa phương và các nhóm đối tượng; lồng ghép, tranh thủ nguồn lực để thực hiện và xây dựng, nhân rộng các mô hình hiệu quả.¹⁵¹

Hơn 10 năm qua, kể từ khi Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được ban hành, nhiều mô hình bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH hiệu quả được các cấp Hội xây dựng, duy trì, nhân rộng tại nhiều địa phương, thu hút sự tham gia, hưởng ứng của đông đảo cán bộ, hội viên, phụ nữ và người dân; được cấp ủy, chính quyền địa phương và các ngành chức năng ghi nhận, đánh giá cao. Ở các địa phương, các cấp Hội đã kế thừa, thành lập mô hình mới, sáng tạo. Theo Báo cáo 5 năm thực hiện phong trào chống rác thải nhựa của Hội LHPN Việt Nam (giai đoạn 2018 - 2023), tổng số mô hình bảo vệ môi trường, chống rác thải nhựa do Hội chủ trì là: 9.153 mô hình, trong đó phổ biến là các mô hình “Phụ nữ không sử dụng túi ni lông”;

“Phụ nữ nói không với túi ni lông, sản phẩm nhựa dùng một lần”; “Biến rác thành tiền”; “Phân loại rác thải đầu nguồn”... Bên cạnh đó, các mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu như nuôi gà thả đồi” (Lào Cai), nuôi trồng thủy sản (Cà Mau), trồng sen (Quảng Nam, Bình Định), trồng và chế biến măng tây (Ninh Thuận)... được các cấp Hội tích cực triển khai ở nhiều địa phương, thu hút sự tham gia đông đảo của hội viên, phụ nữ. Đến nay, 100% các tỉnh/thành Hội đều có các mô hình về bảo vệ môi trường, đã có 29.815 cơ sở Hội có ít nhất 1 mô hình tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường hoặc mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu. Các mô hình tại cộng đồng không chỉ góp phần hiệu quả thực hiện bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu mà còn có ý nghĩa hỗ trợ các cấp Hội thực hiện các hoạt động an sinh xã hội. Thông qua các mô hình phụ nữ thu gom phế liệu để bán gây quỹ thăm hỏi hội viên, phụ nữ và đỡ đầu các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, theo số liệu của 45/65 tỉnh, thành, đơn vị, các cấp Hội đã gây được nguồn quỹ 5,7 tỷ đồng và trao tặng học bổng, BHYT cho hàng chục nghìn phụ nữ, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên cả nước.¹⁵²

Phát huy vai trò của phụ nữ trong công tác giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, Hội LHPN Việt Nam đã tích cực, chủ động phối hợp với các bộ, ngành, tổ chức quốc tế triển khai các chương trình, dự án lồng ghép giới trong phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Có thể kể tới một số mô hình như: Sản xuất mắm, ruốc, khô khuyết tại Huế; trồng gừng trong bao và trồng cây chùm ngây tại Quảng Bình; tổ hợp tác đan lục bình ở Đồng Tháp; trồng thâm canh lạc đỏ địa phương thích ứng với xói mòn theo tiêu chuẩn của VietGap; nuôi gà thả vườn an toàn sinh học tại Lào Cai; trồng sen trên đất lúa kém hiệu quả theo tiêu chuẩn của VietGAP... Việc tuân thủ các kỹ thuật sản xuất bền vững không chỉ bảo vệ sức khỏe của người sản xuất và người tiêu dùng, làm tăng hiệu quả kinh tế mà còn bảo vệ môi trường, đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải chung của quốc gia.

6.3. Một số khó khăn và thách thức

Thực tế cho thấy, mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu về phát triển kinh tế xã hội, tuy nhiên bất bình đẳng giới vẫn tồn tại ở một số nơi, không chỉ gia tăng rủi ro và tác động của thiên tai lên phụ nữ mà còn hạn chế khả năng và đóng góp của phụ nữ trong ứng phó với thiên tai.¹⁵³

¹⁵⁰ Tạp chí Con số & Sự kiện, Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), 7/2023.

¹⁵¹ Tạp chí Môi trường (Viện Chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường), số 11/2023.

¹⁵² Tạp chí Môi trường (Viện Chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường), số 11/2023.

¹⁵³ Công văn số 4835/BNN-ĐD ngày 08/7/2024 của Bộ NN&PTNT.

Phụ nữ và trẻ em dễ tổn thương hơn so với nam giới do các nguy cơ về môi trường, khí hậu, do phụ nữ tập trung nhiều hơn trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, nhất là ở nông thôn, khu vực phi chính thức - là những lĩnh vực chịu tác động tiêu cực nhiều hơn.¹⁵⁴ Kết quả khảo sát do Bộ LĐTBXH thực hiện năm 2022 cho thấy, 81,9% người trả lời cho rằng mức độ, phạm vi dễ tổn thương, chịu tác động tiêu cực của phụ nữ và trẻ em nhiều hơn so với nam giới trước những nguy cơ về môi trường, khí hậu, nhất là các nhóm phụ nữ yếu thế, chịu bất bình đẳng đa tầng như phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ ở khu vực nông thôn, nghèo và di cư.¹⁵⁵

Tiếng nói của giới nữ ở cấp cơ sở trong quá trình xây dựng các văn bản có các chính sách về môi trường, biến đổi khí hậu còn ít hơn so với nam giới. Đặc biệt, phụ nữ có ít cơ hội tham gia vào quá trình ra quyết định ở các cấp về các vấn đề liên

quan đến môi trường, biến đổi khí hậu.¹⁵⁶ Chưa nhìn nhận phụ nữ đóng vai trò là một tác nhân của sự thay đổi, một phần của giải pháp trong quá trình xây dựng, thực hiện và giám sát, đánh giá các hành động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nam giới và phụ nữ có năng lực khác nhau trong tư cách là người sử dụng tài nguyên và đóng góp vào việc thực hiện các chính sách khí hậu. Trong ngành quản lý chất thải, 90% người thu gom và nhặt phế liệu là phụ nữ. Trong ngành năng lượng, hầu hết các công việc trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng và kỹ thuật được coi là chỉ phù hợp với nam giới theo truyền thống, do đó sự đóng góp của phụ nữ chiếm tỷ lệ thấp.¹⁵⁷

154 GIZ, Bình đẳng giới và biến đổi khí hậu tại Việt Nam: Thành tựu, khoảng trống chính sách, thách thức và khuyến nghị, Hà Nội, 2022 trang 24-25; UNDP, Bản tóm tắt chính sách: Bình đẳng giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu và thảm họa thiên tai ở Việt Nam, 2017.

155 Bộ LĐTBXH, Báo cáo kết quả khảo sát thực trạng triển khai thi hành và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Bình đẳng giới năm 2006, Hà Nội, 7/2022.

156 UN Women và EmPower, Tóm tắt khuyến nghị chính sách: Thực trạng bình đẳng giới và biến đổi khí hậu tại Việt Nam, 2021. Xem báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh tại đây: https://www2.unwomen.org/-/media/images/unwomen/emp/attachments/2021/04/publication_vietnam%20report_digital2.pdf?la=en&vs=1328

157 Báo cáo "Thực trạng lồng ghép giới trong chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam" do Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường (ISPONRE) phối hợp UN Women và Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP) thực hiện, công bố tháng 4/2021.



Ảnh © UN Women Việt Nam / Nguyễn Đức Hiếu



Ảnh © Lê Hồng Đức

Phần IV

Các quy trình và cơ chế quốc gia

1. Bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới

Việt Nam có hai cơ quan của Chính phủ chuyên trách thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ bao gồm: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (cơ quan quản lý nhà nước) và Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam (cơ quan phối hợp liên ngành).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bình đẳng giới trên phạm vi toàn quốc; thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật hiện hành, trong đó bao gồm hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; tổng kết, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về thực hiện bình đẳng giới theo quy định của pháp luật.¹⁵⁸ Các Bộ, cơ quan ngang Bộ phối hợp với Bộ LĐTBXH thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bình đẳng giới trong phạm vi Bộ, ngành; Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bình đẳng giới theo phân cấp.

Vụ Bình đẳng giới là đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bình đẳng giới trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật¹⁵⁹. Một số bộ, ngành đã giao đơn vị cụ thể phụ trách công tác bình đẳng giới như Ủy ban Dân tộc giao Vụ Dân tộc thiểu số, Bộ Nội vụ giao Vụ Công tác Thanh niên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Vụ Gia đình...

Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở LĐTBXH thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng LĐTBXH thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương quy định Sở LĐTBXH vừa là cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới đồng thời là cơ quan thường trực của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp tỉnh. Hiện nay, các Sở LĐTBXH và Phòng LĐTBXH đều đã có vị trí việc làm về bình đẳng giới. Theo số liệu thống kê từ địa phương, hiện nay cả nước có hơn 9.000 cán bộ làm công tác bình đẳng giới từ cấp tỉnh đến

cấp xã (trong đó cán bộ chuyên trách ở cấp tỉnh 58 người, cấp huyện 65 người, cấp xã và cộng tác viên không chuyên trách gần 9.000 người).¹⁶⁰ Năm 2023, các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức hơn 1.000 lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ cho hơn 70.000 lượt người tham gia.¹⁶¹ Nội dung tập huấn bao gồm: phân tích vấn đề giới trong xây dựng và thực hiện luật pháp, chính sách; đánh giá tác động giới trong xây dựng VBQPPL; kỹ năng lồng ghép giới trong lĩnh vực chính trị; kỹ năng truyền thông về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, tư vấn, tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực, cung cấp dịch vụ công tác xã hội cho người bị bạo lực trên cơ sở giới; cách thức triển khai các mô hình về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

Bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp đã ngày càng được kiện toàn, nâng cao năng lực, song vẫn thiếu về số lượng. Đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới thường xuyên luân chuyển, thiếu ổn định, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai nhiệm vụ. Công tác bình đẳng giới mang tính chất đặc thù, liên quan đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, do đó, cán bộ làm công tác bình đẳng giới ngoài việc nắm vững các chính sách, quy định của pháp luật còn cần am hiểu ở nhiều lĩnh vực, có sự nhạy cảm giới, biết tham mưu lồng ghép giới trong chương trình công tác của bộ, ngành và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam - tổ chức phối hợp liên ngành của Chính phủ - được thành lập năm 1993 đến nay vẫn đang phát huy vai trò của mình về nghiên cứu, phối hợp giải quyết những vấn đề liên ngành liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ trong phạm vi cả nước. Bộ LĐTBXH là cơ quan thường trực của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam và chức danh Chủ tịch Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam được giao cho Bộ trưởng Bộ LĐTBXH để bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới với tổ chức phối hợp liên ngành vì sự tiến bộ của phụ nữ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các nhiệm vụ về thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trên toàn quốc.

158 Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ.

159 Quyết định số 239/QĐ-LĐTBXH ngày 07/3/2023 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

160 Chính phủ, Báo cáo số 237/BC-CP ngày 16/5/2024 về kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023, Hà Nội.

161 Chính phủ, Báo cáo số 237/BC-CP ngày 16/5/2024 về kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023, Hà Nội.

Thành viên của Ủy ban gồm 18 Lãnh đạo các bộ, ngành và cơ quan Trung ương. Hệ thống Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ đã được thành lập tại 42 Bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ và 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) là cơ sở pháp lý quan trọng về quản lý ngân sách nhà nước. Luật đã có quy định nguyên tắc bảo đảm ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới và lập dự toán ngân sách nhà nước căn cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bình đẳng giới, đây là tiền đề quan trọng để đạt tới mục tiêu bình đẳng trong tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực của đất nước.

Để thực hiện các nhiệm vụ được giao, ngân sách nhà nước bảo đảm bố trí kinh phí cho các bộ, ngành và địa phương để thực hiện các nhiệm vụ về bình đẳng giới đã được quy định trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2023; Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025; Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2023 và hoạt động thường xuyên của các ban vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các bộ, ngành, địa phương. Ngoài ra kinh phí từ ngân sách nhà nước còn được bố trí trong các Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện các dự án, tiểu dự án; nội dung, nội dung thành phần có liên quan đến bình đẳng giới, gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Xây dựng, thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới

Ngày 03/3/2021, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là “tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước”.

Chiến lược gồm 6 mục tiêu và 20 chỉ tiêu cụ thể nhằm tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới trong các lĩnh vực: chính trị; kinh tế, lao động; trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; y tế; giáo dục, đào tạo; thông tin, truyền thông.

Bên cạnh một số chỉ tiêu cần tiếp tục duy trì kết quả của giai đoạn trước, Chiến lược 2021-2030

còn bao gồm các chỉ tiêu mới. Đó là: giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp; tăng các cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; giảm tỷ suất sinh ở vị thành niên; các cơ sở y tế cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới; nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân... Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 về cơ bản phù hợp với Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững).

3. Cơ chế thực hiện, giám sát Tuyên bố, Cương lĩnh hành động Bắc Kinh và chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững

Tuyên bố và cương lĩnh hành động Bắc Kinh đã được thông qua năm 1995 tại Bắc Kinh, Trung Quốc. Năm 1996, ngay sau Hội nghị tại Bắc Kinh về phụ nữ, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2000 với 11 mục tiêu về thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế - chính trị và phát huy quyền của họ trong gia đình - xã hội. Tính đến năm 2024, Việt Nam đã tiếp tục xây dựng và thực hiện Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2010, 02 Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 và giai đoạn 2021-2023 với

nhiều mục tiêu, giải pháp, hành động mà Việt Nam đã cam kết thực hiện trong Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh.

Việt Nam luôn thực hiện nghiêm túc về quy trình thực hiện và giám sát với sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình thực hiện các nội dung Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh và Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Bộ LĐTBXH là cơ quan đầu mối phụ trách việc hướng dẫn, triển khai thực hiện Cương lĩnh hành động Bắc Kinh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan phụ trách việc triển khai thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Các bộ, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, khu vực tư nhân cùng tham gia trong quá trình thực hiện và tham vấn các báo cáo định kỳ của hai văn kiện trên.

Hội LHPN Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị và hoạt động ở 4 cấp từ trung ương tới cơ sở với khoảng 19 triệu hội viên,¹⁶² có tư cách pháp nhân, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam; phấn đấu vì sự phát triển của phụ nữ và bình đẳng giới. Với chức năng đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ, các tổ chức hệ thống của mình, Hội LHPN Việt Nam đang tham gia tích cực vào quá trình giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ. Đặc biệt, với chức năng của mình, hệ thống Hội LHPN Việt Nam - tổ chức phản biện xã hội và bảo vệ quyền và lợi ích của phụ nữ - đã có đóng góp thiết thực trong quá trình thúc đẩy việc thực hiện Cương lĩnh tại Việt Nam cũng như tham gia xây dựng báo cáo quốc gia. Hiện nay Hội LHPN Việt Nam đang triển khai nhiều chương trình/đề án để bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn này như: Đề án “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017-2027”, Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”...

Thực hiện Điều 25 của Luật Bình đẳng giới năm 2006 và Điều 13 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015, định kỳ hằng năm Chính phủ đều báo cáo Quốc hội về tình hình thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình

đẳng giới. Ủy ban Xã hội là cơ quan chuyên trách của Quốc hội Việt Nam, cơ quan giám sát các lĩnh vực liên quan tới các lĩnh vực lao động, việc làm, y tế, dân số, an sinh xã hội, bình đẳng giới, thi đua, khen thưởng, phòng, chống tệ nạn xã hội. Hằng năm, Ủy ban Xã hội của Quốc hội có báo cáo thẩm tra đối với báo cáo của Chính phủ để gửi các đại biểu Quốc hội. Tháng 5/2024, Quốc hội đã nghe Chính phủ báo cáo và có 3 phiên thảo luận trực tiếp về báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023, trong đó các đại biểu Quốc hội đã thảo luận và đề xuất nhiều giải pháp để góp phần thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

Hằng năm Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đều tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành do các thành viên của Ủy ban làm trưởng đoàn kiểm tra công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ tại các bộ, ngành, địa phương. Mục đích của đoàn kiểm tra là nắm tình hình hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các bộ, ngành, địa phương và đôn đốc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ; đồng thời phát hiện những vấn đề khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện để cho ý kiến chỉ đạo giải quyết hoặc tiếp thu để nghiên cứu đưa ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động trong giai đoạn sắp tới.

Bên cạnh hoạt động giám sát của Quốc hội thông qua hoạt động thẩm tra báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới của Chính phủ và các đoàn giám sát chuyên đề của Ủy ban Xã hội của Quốc hội về kết quả thực hiện pháp luật chính sách về bình đẳng giới ở các địa phương thì Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội LHPN Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là các cơ quan giám sát, phản biện xã hội việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Đồng thời, việc triển khai Cương lĩnh hành động Bắc Kinh ở Việt Nam còn được thực hiện thông qua các cơ chế liên quan đến quy trình xây dựng VBQPPL, giám sát xã hội và phản biện xã hội của các chủ thể khác nhau trong xã hội.

Để bảo đảm việc thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững, Việt Nam đang triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Kế hoạch này đã xác định nội dung về bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái là một trong 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Việt Nam đến năm 2030, đồng thời, bình đẳng giới và

¹⁶² Công văn số 3950/ĐCT-QT ngày 19/8/2024 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam.

trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái cũng là nội dung được thực hiện xuyên suốt trong SDGs đến năm 2030 của Việt Nam. Để theo dõi tiến độ thực hiện SDGs, hằng năm, Việt Nam xây dựng Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện SDGs. Việt Nam cũng tích cực tham gia Rà soát quốc gia tự nguyện thực hiện SDGs (VNR) vào năm 2018 và 2023 để chia sẻ thành tựu, bài học kinh nghiệm trong thực hiện SDGs với cộng đồng quốc tế.

Việt Nam cũng được quốc tế đánh giá cao về nỗ lực trong thực hiện các SDGs. Theo xếp hạng toàn cầu về thực hiện SDGs (SDG Index), thứ hạng của Việt Nam đã có những thay đổi khá tốt, từ vị trí 68 năm 2017 lên vị trí 54 năm 2023. Xét trong khu vực châu Á, Việt Nam được đánh giá cao về tiến độ chung trong việc thực hiện SDGs, chỉ xếp thứ hai sau Thái Lan ở khu vực Đông và Nam Á.

Đối với mục tiêu 5 về bình đẳng giới, Báo cáo năm 2023 của Việt Nam đã khẳng định: Việc triển khai

thực hiện SDG 5 tiếp tục được đẩy mạnh thông qua việc hoàn thiện thể chế, xây dựng và triển khai chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, đẩy mạnh đào tạo cán bộ nữ ở các cấp. Theo Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu năm 2023 do Diễn đàn kinh tế thế giới công bố, Việt Nam hiện xếp hạng 72 với tiến độ bình đẳng giới đạt 71,1%, tăng 11 bậc so với năm 2022. Lao động nữ chiếm khoảng 37% lực lượng lao động trong lĩnh vực công nghệ tại Việt Nam, cao hơn so với thế giới (25%), phản ánh quá trình nâng cao việc sử dụng các công nghệ tạo thuận lợi, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông để thúc đẩy việc trao quyền cho phụ nữ.¹⁶³ Tuy nhiên, Báo cáo năm 2023 cũng đánh giá tỷ số giới tính khi sinh năm 2023 là 112 bé trai/100 bé gái, phản ánh tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh vẫn ở mức cao, đòi hỏi cần có các giải pháp tốt hơn để giải quyết tình trạng này trong thời gian tới.

¹⁶³ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), Báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện SDGs năm 2023.

4. Sự tham gia của các bên trong việc xây dựng báo cáo quốc gia



4.1. Quy trình soạn thảo Báo cáo

Báo cáo này được soạn thảo theo hướng dẫn tại văn bản số UNW/2023/011 của Liên hợp quốc. Trong đó, Báo cáo tập trung rà soát, kiểm điểm việc thực hiện các lĩnh vực trọng tâm của Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh tại Việt Nam giai đoạn từ 2019 đến nay. Báo cáo cũng chỉ rõ những thách thức còn tồn tại và các hướng ưu tiên của Việt Nam trong thời gian tới nhằm bảo đảm thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Việc soạn thảo Báo cáo được Bộ LĐTBXH chủ trì thực hiện, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan.¹⁶⁴

4.2. Quy trình tham vấn đối với Báo cáo

Báo cáo này được xây dựng một cách toàn diện với sự đóng góp ý kiến của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp, viện nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ và các chuyên gia trong lĩnh vực bình đẳng giới. Các cơ quan Chính phủ, các tổ chức có liên quan và các chuyên gia đã có ý kiến đóng góp bằng văn bản, qua hộp thư điện tử và qua một số hội thảo, trong đó có Hội thảo tham vấn do Bộ LĐTBXH tổ chức vào tháng 8 năm 2024 tại Hà Nội. Các ý kiến đóng góp đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp vào Báo cáo này.

¹⁶⁴ Ngày 20/6/2024, Bộ LĐTBXH đã có Công văn số 2625/LĐTBXH-VBĐG gửi các Bộ, ngành, cơ quan đề nghị cung cấp thông tin xây dựng dự thảo Báo cáo quốc gia rà soát 30 năm thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh.

5. Kế hoạch hành động thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và các khuyến nghị của Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) nhằm giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử với phụ nữ

5.1. Kế hoạch hành động thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ

Việt Nam hoàn thành xây dựng và nộp Báo cáo lần thứ 9 thực hiện Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) vào năm 2022. Đến thời điểm làm Báo cáo 30 năm thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh tại Việt Nam (6/2024) Việt Nam chưa nhận được khuyến nghị của Ủy ban CEDAW đối với báo cáo thực hiện CEDAW lần thứ 9 của Việt Nam.

Đối với Khuyến nghị của Ủy ban CEDAW cho báo cáo ghép lần 7, 8 thực hiện CEDAW của Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 668/QĐ-TTg ngày 16/5/2017 Phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Khuyến nghị của Ủy ban về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ của Liên hợp quốc đối với báo cáo thực hiện Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ lần thứ bảy và thứ tám của Việt Nam giai đoạn 2017-2020. Theo đó, các nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch là:

(1) Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản luật pháp, chính sách liên quan đến công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, bảo đảm quyền của phụ nữ và trẻ em gái phù hợp với Công ước CEDAW.

(2) Tăng cường truyền thông, giáo dục, vận động toàn xã hội nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, bảo đảm quyền của phụ nữ và trẻ em gái.

(3) Lồng ghép công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, bảo đảm quyền của phụ nữ và trẻ em gái trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của các bộ, ngành và địa phương.

(4) Kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở trung ương và địa phương.

(5) Các Bộ, ngành và địa phương xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm và lộ trình thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban CEDAW theo yêu cầu của Kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ và hiệu quả.

5.2. Kế hoạch hành động thực hiện các khuyến nghị của Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) nhằm giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử với phụ nữ

Tại chu kỳ III của Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) năm 2019, trong tổng số 291 khuyến nghị nhận được, Việt Nam đã chấp thuận 241 khuyến nghị, bao gồm 220 khuyến nghị được chấp thuận toàn bộ và 21 khuyến nghị được chấp thuận một phần. Ngày 31/12/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1975/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch Tổng thể thực hiện các khuyến nghị UPR chu kỳ III Việt Nam đã chấp thuận, trong đó giao nhiệm vụ trực tiếp, cụ thể cho 18 bộ, ngành triển khai các khuyến nghị này. Tính đến tháng 12/2023,¹⁶⁵ Việt Nam đã hoàn thành thực hiện có kết quả đối với 209 khuyến nghị (chiếm 86,7%), trong đó có các khuyến nghị về thúc đẩy, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và chống phân biệt đối xử đối với phụ nữ và trẻ em gái; thực hiện có kết quả một phần và đang tiếp tục thực hiện 30 khuyến nghị (chiếm 12,4%) và đang xem xét thực hiện vào thời điểm phù hợp đối với 02 khuyến nghị (chiếm 0,9%).¹⁶⁶ Không có khuyến nghị nào được chấp nhận mà chưa được xem xét thực hiện.

Việt Nam đã chính thức nộp Báo cáo Quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người theo Cơ chế UPR chu kỳ IV cho Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc và tham gia phiên đối thoại Đối thoại về Báo cáo Quốc gia UPR tại Hội đồng Nhân quyền vào ngày 07/5/2024 tại Geneva, Thụy Sĩ. Việt Nam nhận được 320 khuyến nghị qua cơ chế UPR chu kỳ IV, trong đó, các khuyến nghị liên quan đến thúc đẩy, bảo đảm bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ; phòng, chống bạo lực giới tăng từ 24 lên hơn 40 khuyến nghị so với chu kỳ III.¹⁶⁷ Hiện Chính phủ

¹⁶⁵ Công văn số 4115/BNG-TCQT ngày 07/8/2024 của Bộ Ngoại giao.

¹⁶⁶ Các khuyến nghị có nhiều nội dung độc lập với nhau dù có liên quan pháp thực hiện đã có kết quả với một số nội dung nhưng có nội dung chưa được tiến hành, nhất là liên quan đến sửa đổi văn bản pháp luật, văn chỉ được tự đánh giá là thực hiện một phần. Các khuyến nghị có nội dung cần nhắc, xem xét, nghiên cứu các biện pháp, trong đó có các biện pháp sửa đổi văn bản pháp luật, gia nhập điều ước quốc tế sẽ được tự đánh giá là đã thực hiện nếu đã có biện pháp nghiên cứu, xem xét khả năng triển khai. Trong khi đó, các khuyến nghị trực tiếp đề xuất các biện pháp đó, dù đã có biện pháp nghiên cứu, xem xét khả năng triển khai sẽ được tự đánh giá là đang xem xét thực hiện vào thời điểm phù hợp. Nguồn: Công văn số 4115/BNG-TCQT ngày 07/8/2024 của Bộ Ngoại giao.

¹⁶⁷ Công văn số 4115/BNG-TCQT ngày 07/8/2024 của Bộ Ngoại giao.

Việt Nam đang xem xét đối với các khuyến nghị được đưa ra, dự kiến sẽ thông báo tới Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc. Sau khi thống nhất các khuyến nghị Việt Nam sẽ chấp nhận, Chính phủ sẽ xây dựng Kế hoạch hành động để thực hiện các khuyến nghị.

5.3. Một số khó khăn, thách thức

Do các khuyến nghị của Ủy ban CEDAW và Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) khá rộng, bao trùm nhiều lĩnh vực, thuộc trách nhiệm quản lý của nhiều bộ, ngành khác nhau do đó dẫn đến khó khăn trong công tác tổng hợp thông tin, số liệu cho báo cáo và giám sát việc thực hiện.





Phần V

Dữ liệu và số liệu thống kê



1. Kết quả đạt được, thách thức và khó khăn đối với vấn đề dữ liệu, số liệu thống kê về giới

Trong giai đoạn vừa qua, công tác thống kê số liệu tách biệt giới tại Việt Nam đã đạt được tiến bộ rõ rệt. Để cung cấp thực trạng về bình đẳng giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Bộ LĐTBXH và các bộ, ngành, tổ chức quốc tế thực hiện nghiên cứu và đưa ra những xuất bản phẩm về số liệu thống kê giới. Cụ thể, đã ban hành và phổ biến Ấn phẩm về Thông tin thống kê giới tại Việt Nam các năm 2020, 2021, 2022 (do Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện); tổ chức Khảo sát lần 2 về “Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái tại Việt Nam” tại 63 địa phương với sự tham gia của 6.000 phụ nữ trong độ tuổi từ 16-64 (giai đoạn 2018-2019 do Bộ LĐTBXH phối hợp với Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số Liên hợp quốc thực hiện).

Thực hiện Luật Thống kê năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), đến hết năm 2023, các bộ, ngành đã ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành, trong đó có các chỉ tiêu thống kê về bình đẳng giới hoặc lồng ghép các nội dung về bình đẳng giới, việc này sẽ giúp cho công tác thu thập và báo cáo về số liệu thống kê giới mang tính khả thi cao hơn giai đoạn trước đây và đáp ứng được nhu cầu sử dụng số liệu giới hiện nay tại Việt Nam. Bên cạnh đó, hằng năm còn có các cuộc khảo sát chính thường xuyên cung cấp một số số liệu có phân tách giới như Điều tra lao động việc làm hằng năm; Điều tra biến động dân số hàng năm; Khảo sát mức sống hộ gia đình. Tổng cục Thống kê đã lồng ghép thông tin thu thập các chỉ tiêu thống kê giới vào chế độ báo cáo thống kê quốc gia và đang trong quá trình hoàn thiện trình Chính phủ ban hành. Đồng thời, để bảo đảm thực hiện hiệu quả và tiết kiệm, Tổng cục Thống kê đang nghiên cứu, lồng ghép cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia theo quyết định số 1627/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 về phê duyệt Đề án Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.¹⁶⁸ Ngày 06/05/2024, Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành Thông tư 04/2024/TT-BLĐTBXH quy định về hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, trong đó có số liệu thống kê liên quan đến lĩnh vực bình đẳng giới.

Đồng thời, để giúp hiểu rõ hơn về nhiệm vụ của thống kê viên, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BKHĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành thống kê. Đây là một văn bản có giá trị quan trọng đối với công tác thống kê nói chung và thống kê giới nói riêng.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã chú trọng tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện Kế hoạch hành động thống kê giới trong thời gian tới, cụ thể là thu thập số liệu thống kê giới trong báo cáo quốc gia và quốc tế; thống nhất về số liệu tách biệt giới giữa các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan thống kê quốc gia (Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và các chính sách liên quan); tiến hành nâng cao năng lực cho cán bộ về sử dụng và thu thập số liệu thống kê.

Một số khó khăn, vướng mắc trong thực hiện công tác thống kê giới cụ thể: (i) việc sử dụng nguồn số liệu tách biệt giới còn bất cập mặc dù có số liệu gốc nhưng số liệu công bố phân tách theo giới vẫn còn hạn chế; (ii) hoạt động phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê, đặc biệt sự phối hợp giữa các bộ ngành còn hạn chế.

¹⁶⁸ Tổng Cục thống kê, Báo cáo số 102/TCTK-XHMT ngày 16/01/2024.

2. Bộ chỉ tiêu quốc gia giám sát tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam

Bên cạnh việc thực hiện Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia và thực hiện các chỉ tiêu thống kê về bình đẳng giới hoặc lồng ghép các nội dung về bình đẳng giới theo yêu cầu của Luật Thống kê năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Việt Nam đã ban hành và thực hiện Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững. Danh mục chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam, gồm: Số thứ tự; Mã số; Mã số chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng; Mục tiêu, tên chỉ tiêu; Lộ trình thực hiện. Nội dung chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam, gồm: khái niệm, phương pháp tính; phân tổ chủ yếu; kỳ công bố; nguồn số liệu và cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp.¹⁶⁹ Bộ chỉ tiêu này gồm 158 chỉ tiêu, phản ánh 17 mục tiêu chung và 115 mục tiêu cụ thể, trong đó: (i) 38 chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Luật Thống kê 2015; (ii) 112 chỉ tiêu tương tự 100 chỉ tiêu SDGs ở cấp độ toàn cầu; (iii) 32 chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành: Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Xây dựng; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ LĐTBXH...

Trong số các chỉ tiêu phân theo 17 mục tiêu chung về phát triển bền vững, có 70 chỉ tiêu liên quan đến giới, bao gồm: 54 chỉ tiêu có phân tổ theo giới tính. 16 chỉ tiêu phản ánh trực tiếp đối tượng phụ nữ và trẻ em gái trong tên chỉ tiêu, như: Tỷ lệ phụ nữ từ 15-49 tuổi có nhu cầu tránh thai đang sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại; Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái từ 15 tuổi trở lên đã từng bị bạo lực bởi chồng hoặc bạn tình hiện tại hoặc trước đây trong 12 tháng qua; Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực được phát hiện và tư vấn; Tỷ lệ nữ đại biểu quốc hội; Tỷ lệ nữ đại biểu hội đồng nhân dân,...

Trách nhiệm thu thập và tổng hợp dữ liệu cho các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững Việt Nam được quy định trong Thông tư số 03/2019/TT-BKHT ngày 22/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cụ thể, Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm thu thập 62 chỉ tiêu (39,2%); 21 Bộ và cơ quan khác chịu trách nhiệm thu thập 96 chỉ tiêu (60,8%). Nhằm lượng hóa mức độ đạt được các mục tiêu SDGs, lộ trình thực hiện các mục tiêu SDGs đến năm 2030 đã được ban hành tại Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 4/6/2019 của Thủ tướng

Chính phủ và được cập nhật tại Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Lộ trình là căn cứ để các bộ, ngành và địa phương xây dựng các chỉ tiêu cụ thể trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm và là một thước đo để đánh giá mức độ đạt được của các mục tiêu SDGs tại các mốc thời gian 2020, 2025, 2030.

Ngày 15/02/2023, Việt Nam đã ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.¹⁷⁰ Chương trình gồm 45 cuộc điều tra, khảo sát trong đó có 03 cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia (Tổng điều tra dân số và nhà ở; Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp; Tổng điều tra kinh tế) và 42 cuộc điều tra thống kê ở các lĩnh vực khác nhau. Theo đó, số liệu của các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững được khai thác từ các nguồn sau: Báo cáo tình hình kinh tế xã hội hàng năm của Tổng cục Thống kê; Báo cáo Lao động phi chính thức 2021 của Tổng cục Thống kê; Cuốn sách Thông tin thống kê giới tại Việt Nam các năm 2020, 2021, 2022 của Tổng cục Thống kê; Niên giám thống kê của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương; Niên giám thống kê ngành Y tế; Niên giám thống kê ngành Giáo dục; Cổng thông tin điện tử Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Báo cáo chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; Ấn phẩm: Nghèo đa chiều của trẻ em Việt Nam vùng dân tộc thiểu số: Thực trạng, biến động và những thách thức.

Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam là cơ sở để cung cấp những bằng chứng thực tiễn xác thực cho quá trình giám sát, đánh giá việc thực hiện 115 mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam. Hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ, Quốc hội báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Việt Nam đã tham gia Rà soát quốc gia tự nguyện thực hiện các mục tiêu SDGs vào năm 2018 và 2023.¹⁷¹ Việt Nam cũng đã xây dựng, công bố Báo cáo quốc gia năm 2020 đánh giá tiến độ 5 năm thực hiện SDGs (công bố năm 2021) và Báo cáo quốc gia để

169 Thông tư số 03/2019/TT-BKHT ngày 22/1/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

170 Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

171 Có thể truy cập bản tiếng Anh của Báo cáo tại Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: [https://fileportal.cms.mpi.gov.vn/TinBai/VanBan/2023-08/VNR_Full_Final\(EN\).pdf](https://fileportal.cms.mpi.gov.vn/TinBai/VanBan/2023-08/VNR_Full_Final(EN).pdf), ngày 07/7/2023.

đánh giá năm thứ 5 thực hiện SDGs (công bố năm 2023).¹⁷²

Giám sát, đánh giá SDGs là một nội dung trọng tâm trong thực hiện Chương trình nghị sự 2030 tại Việt Nam và đã trở thành công việc định kỳ hằng năm với sự tham gia của các bộ, ngành, cơ quan liên quan, các cơ quan Liên hợp quốc tại Việt Nam, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ. Tuy nhiên, khó khăn hiện nay đối với công tác giám sát, đánh giá tiến trình thực hiện các mục tiêu SDGs là thực trạng thiếu số liệu theo Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT. Qua rà soát, hiện mới có 114/158 chỉ tiêu theo Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT là có số liệu ở dạng tổng quốc gia, trong đó, một số số liệu được lấy từ nguồn của các tổ chức quốc tế. Số liệu dưới dạng phân tổ còn thiếu, đặc biệt là theo tiêu chí và nhóm đối tượng, nhất là nhóm yếu thế (như trẻ em, người khuyết tật...), để có thể xem xét đa chiều và đánh giá đầy đủ việc thực hiện nguyên tắc “không để ai bị bỏ lại phía sau” của Chương trình nghị sự 2030. Việc thiếu số liệu cũng là một hạn chế không thể tránh khỏi trong quá trình xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện SDGs. Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các ngành và tổng cục thống kê vẫn chưa hiệu quả và nhất quán.

172 Có thể truy cập bản tiếng Việt của Báo cáo tại Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2023-9-18/Bao-cao-danh-gia-tinh-hinh-thuc-hien-cac-muc-tieu-2jyssr.aspx>, ngày 18/9/2023.





Phân VI Kết luận

Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh đã đưa ra những lời kêu gọi rõ ràng đối với các chính phủ để bảo đảm hệ thống chính sách, pháp luật không đưa ra các tác động bất lợi, đồng thời thúc đẩy bình đẳng giới, bảo đảm quyền của phụ nữ và trẻ em gái.

Tại Việt Nam, trong giai đoạn 2019 đến nay vấn đề bình đẳng giới tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cả hệ thống chính trị. Chính phủ Việt Nam đã ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới cho giai đoạn 2021-2030 với các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về bình đẳng giới trong từng lĩnh vực. Đây cũng là cơ sở quan trọng cho việc xác định những ưu tiên của Việt Nam để thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện cho phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước. Các thành tựu nổi bật của Việt Nam tập trung cơ bản ở các khía cạnh: củng cố hệ thống chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; đưa ra các giải pháp thực thi có hiệu quả hệ thống chính sách, pháp luật nhằm cải thiện các mục tiêu, chỉ số đánh giá về bình đẳng giới, thúc đẩy quyền của phụ nữ và trẻ em gái, hướng đến bình đẳng giới thực chất.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng đã và đang phải giải quyết các thách thức trong tiến trình thực hiện bình đẳng giới như các chuẩn mực xã hội có sự phân biệt đối xử với phụ nữ còn phổ biến. Hệ thống chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, lồng ghép giới trong quy trình xây dựng VBQPPL còn có những khó khăn nhất định. Kết quả thực hiện một số mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới còn chưa đạt được như kỳ vọng. Các cuộc khủng hoảng, Đại dịch COVID-19 đã và đang tiếp tục ảnh

hưởng đến tiến trình thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh ở Việt Nam.

Dựa trên các thành tựu, thách thức cũng như bài học rút ra qua quá trình thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, Việt Nam nhận thấy các Chính phủ cần tham chiếu đến các tiêu chuẩn lao động cốt lõi trong các hiệp định thương mại bởi đây là một bước quan trọng để thiết lập một sân chơi công bằng và bao trùm hơn. Thương mại không thể giải quyết tất cả những thách thức mà phụ nữ phải đối mặt, nhưng nó tạo ra những cơ hội mới. Để nắm bắt đầy đủ những thời cơ này, cần phải giải quyết những trở ngại trên cơ sở giới trong hầu hết các hoàn cảnh ở cấp quốc gia. Điều này đòi hỏi sự hợp tác mạnh mẽ hơn nữa giữa các cơ quan chính phủ và sự thống nhất giữa các chính sách trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Các nhà hoạch định chính sách cần làm việc cùng nhau nhiều hơn và vượt ra ngoài trọng tâm hạn hẹp là tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong thương mại. Mục tiêu cuối cùng không chỉ là có nhiều phụ nữ tham gia vào thương mại, mà còn đảm bảo rằng họ tham gia theo các điều kiện công bằng và các quốc gia có điều kiện để đưa ra các chính sách có liên quan ở cấp quốc gia.

Cần ưu tiên đẩy mạnh sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và có ý nghĩa của phụ nữ, trẻ em gái và ghi nhận những đóng góp của họ trong các cơ chế quyết định về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, nhất là các chính sách hỗ trợ phụ nữ trong xoá đói, giảm nghèo, bảo đảm sinh kế bền vững, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, xoá bỏ các rào cản về giới.



Cần bảo đảm sự tham gia và lãnh đạo của phụ nữ và trẻ em gái trong khoa học, công nghệ, chuyển đổi kỹ thuật số, thực hiện các chính sách nhằm thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số, gắn với việc ngăn chặn và đấu tranh chống phân biệt đối xử và bạo lực trên cơ sở giới trên không gian mạng.

Cần thúc đẩy sự tham gia bình đẳng, đầy đủ, tăng cường vai trò của phụ nữ và trẻ em gái trong mọi tiến trình hòa bình và an ninh, bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững ở cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế; lập ngân sách và tăng cường xây dựng năng lực để đạt được bình đẳng giới trong các thể chế và chính sách ở tất cả các nước, kể cả ở các nước đang phát triển. Thông qua chia sẻ các mô hình thành công và thúc đẩy sự hợp tác, các nước có thể tăng cường tác động của những nỗ lực nhằm thực hiện các SDGs. Các nước cần đẩy nhanh tiến độ hướng tới bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái, góp phần bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, xây dựng một thế giới hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững.

Đồng thời, trong giai đoạn 5 năm tiếp theo, Việt Nam ưu tiên thực hiện một số giải pháp nhằm tiếp tục thúc đẩy, nâng cao quyền của phụ nữ và trẻ em gái như sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, nâng cao quyền của phụ nữ và trẻ em gái. Trong đó, tập trung nghiên cứu, sửa đổi Luật Bình đẳng giới năm 2006 phù hợp với bối cảnh mới trong giai đoạn hiện nay; bổ sung, phát triển các mục tiêu, nguyên tắc bình đẳng giới; hoàn thiện các quy định về bảo đảm và thúc đẩy bình đẳng giới, lồng ghép bình đẳng giới, bình đẳng giới trong một số lĩnh vực cụ thể...

Thứ hai, tiếp tục đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi các chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, quyền của nhóm phụ nữ, trẻ em gái (sự tham gia vào chính trị và có đại diện trong lĩnh vực chính trị, quyền làm việc và các quyền tại nơi làm việc, tinh thần kinh doanh của phụ nữ và doanh nghiệp nữ; xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái...). Đồng thời, tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm thay đổi các chuẩn mực xã hội mang tính phân biệt đối xử và các khuôn mẫu giới.

Thứ ba, đẩy mạnh hoạt động lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng, thực hiện chương trình, kế hoạch, chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ và hiệu quả.

Thứ tư, tiếp tục thúc đẩy vấn đề ngân sách có trách nhiệm giới nhằm thay đổi cơ cấu phân bổ ngân sách và chính sách để nguồn lực xã hội được sử dụng theo hướng thúc đẩy bình đẳng giới, đồng thời xem xét những tác động kinh tế và xã hội của ngân sách đối với phụ nữ và nam giới để điều chỉnh việc phân bổ một cách thích hợp.

Thứ năm, tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thống kê giới, bình đẳng giới cũng như tiến tới xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia về bình đẳng giới./.

